

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



## BẢN CÁO BẠCH

### CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 06 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 25 tháng 10 năm 2016)

# NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 185/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 05 năm 2018.)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

#### TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ



Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định

Địa chỉ : 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại : (84.256) 3846500 Fax: (84.256) 3846846

Website : [www.bidiphar.com](http://www.bidiphar.com)

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 239352722 Fax: (84.4) 222200669

Website : [www.bsc.com.vn](http://www.bsc.com.vn)

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

#### Phụ trách công bố thông tin

Ông : Nguyễn Thanh Giang

Điện thoại : (84.256) 3846500

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Fax: (84.256) 3846846

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

*(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 25/10/2016)*

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

<b>Tên cổ phiếu</b>	<b>: Cổ phiếu CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định</b>
<b>Loại cổ phiếu</b>	<b>: Cổ phiếu phổ thông</b>
<b>Mã cổ phiếu</b>	<b>: DBD</b>
<b>Mệnh giá</b>	<b>: 10.000 đồng/cổ phiếu</b>
<b>Tổng số lượng niêm yết</b>	<b>: 52.379.000 cổ phiếu</b> <i>(Năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn cổ phiếu)</i>
<b>Tổng giá trị niêm yết</b> <i>(theo mệnh giá)</i>	<b>: 523.790.000.000 đồng</b> <i>(Năm trăm hai mươi ba tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng)</i>

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

**Trụ sở chính** : Tầng 10 – 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669

Website : [www.bsc.com.vn](http://www.bsc.com.vn)

**Chi nhánh** : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### Công ty TNHH DELOITTE VIỆT NAM

**Địa chỉ** : Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 57-69F Đồng Khởi, Q.1, Tp. HCM

Điện thoại : (08) 3910 0751 Fax: (08) 3910 0750

Website : [www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>6</b>
1. Rủi ro về kinh tế .....	6
2. Rủi ro về luật pháp .....	8
3. Rủi ro đặc thù ngành .....	9
4. Rủi ro khác .....	11
<b>PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>12</b>
1. Tổ chức niêm yết.....	12
2. Tổ chức tư vấn.....	12
<b>PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>13</b>
<b>PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....</b>	<b>16</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	16
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....	16
1.2. Ngành nghề kinh doanh .....	16
1.3. Quá trình hình thành và phát triển .....	18
1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ .....	23
2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty.....	24
2.1. Cơ cấu tổ chức .....	24
2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....	29
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; và Cơ cấu cổ đông.....	32
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 29/11/2017.....	32
3.2. Cơ cấu cổ đông .....	32
3.3. Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	33
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết .....	33
4.1. Danh sách Công ty mẹ của Bidiphar .....	33
4.2. Danh sách các công ty con, công ty liên kết của Bidiphar .....	33
4.3. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối đối với của Bidiphar .....	34

5.	Hoạt động kinh doanh .....	34
5.1.	<i>Sản lượng, sản phẩm/ Giá trị dịch vụ qua các năm</i> .....	34
5.2.	<i>Nguyên vật liệu</i> .....	44
5.3.	<i>Chi phí sản xuất</i> .....	46
5.4.	<i>Trình độ công nghệ</i> .....	48
5.5.	<i>Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới</i> .....	53
5.6.	<i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm</i> .....	57
5.7.	<i>Hoạt động Marketing</i> .....	58
5.8.	<i>Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền</i> .....	60
5.9.	<i>Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết</i> .....	63
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2015 đến nay.....	65
6.1.	<i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất</i> .....	65
6.2.	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo</i> .....	67
7.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	71
7.1.	<i>Vị thế của công ty trong ngành</i> .....	71
7.2.	<i>Triển vọng phát triển của ngành</i> .....	72
7.3.	<i>So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành</i> .....	74
7.4.	<i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới</i> .....	76
8.	Chính sách đối với người lao động .....	79
8.1.	<i>Số lượng và cơ cấu lao động</i> .....	79
8.2.	<i>Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp</i> .....	80
9.	Chính sách cổ tức .....	81
10.	Tình hình hoạt động tài chính.....	82
10.1.	<i>Các chỉ tiêu cơ bản</i> .....	82
10.2.	<i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i> .....	87
11.	Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban TGD và Kế toán trưởng .....	90
	<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị</i> .....	90
	<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát</i> .....	97

<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban TGD và KTT</i> .....	100
12. Tài sản.....	101
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo .....	107
13.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	108
13.2. Kế hoạch đầu tư dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua .....	113
13.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ.....	119
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	120
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết .....	121
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết .....	121
<b>PHẦN 5. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>	<b>122</b>
1. Loại chứng khoán .....	122
2. Mệnh giá.....	122
3. Tổng số chứng khoán niêm yết .....	122
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết .....	122
5. Phương pháp tính giá.....	124
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	127
7. Các loại thuế có liên quan .....	128
7.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết.....	128
7.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán .....	128
<b>PHẦN 6. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....</b>	<b>131</b>
<b>PHẦN 7. PHỤ LỤC.....</b>	<b>132</b>
<b>PHẦN 8. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN .....</b>	<b>133</b>



## PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty xin lưu ý các Nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty qua đó gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu niêm yết khi các Nhà đầu tư xem xét việc đầu tư vào Công ty.

### 1. Rủi ro về kinh tế

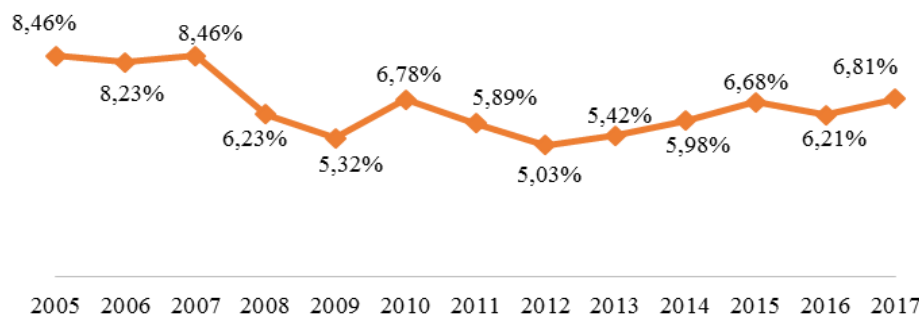
Bidiphar là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm và vật tư y tế trong lãnh thổ Việt Nam. Vì thế, hoạt động kinh doanh của Bidiphar đang và sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi tiềm năng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nói chung và của thị trường dược phẩm Việt Nam nói riêng. Việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, ... sẽ làm rõ mức độ tác động của các rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục các ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

#### ❖ Tăng trưởng kinh tế

Việt Nam là một trong những nước có nền kinh tế phát triển năng động trong khu vực Châu Á với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam giai đoạn 2005 – 2017 là khoảng 6,58%. Năm 2017 tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua, căn cứ theo số liệu công bố của Tổng cục thống kê. Đặc biệt, nền kinh tế Việt Nam trong hai quý cuối năm 2017 đều ghi nhận mức tăng trưởng trên 7%. Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 5 bậc, lên thứ 55/137; Ngân hàng Thế giới xếp hạng về môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 14 bậc, lên thứ 68/190 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Như vậy, có thể thấy, Việt Nam vẫn là một điểm sáng trong khu vực với nền kinh tế được kỳ vọng sẽ tiếp tục đà tăng trưởng trong giai đoạn tới. Đây là yếu tố thuận lợi tạo lợi thế tăng trưởng cho ngành nói chung và Công ty nói riêng.

**Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2017**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Dự báo triển vọng kinh tế năm 2018, Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia cho rằng, với những nền tảng tích cực của năm 2017, triển vọng kinh tế năm 2018 sẽ tiếp tục khả quan. Ở trong nước, tổng cung của nền kinh tế dự báo sẽ cải thiện nhờ hưởng lợi từ các chính sách cải thiện bên cung theo

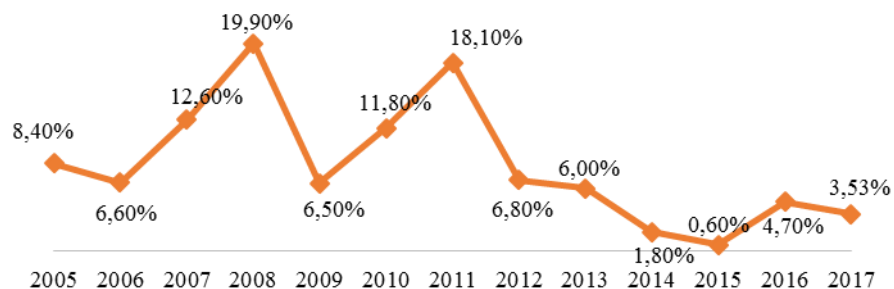
tình thần Nghị quyết 19, Nghị quyết 35 của Chính Phủ. Tuy nhiên, Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia cũng lưu ý những khó khăn của năm 2018, trong đó có việc thương mại toàn cầu nói chung và xuất khẩu của Việt Nam nói riêng sẽ chịu tác động bởi sự thay đổi chính sách thương mại của Mỹ. Trong nước, các vấn đề nội tại của nền kinh tế như trình độ công nghệ thấp, đất đai, tài nguyên đang dần cạn kiệt trong khi năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa thực sự đột phá.

Khi tăng trưởng GDP được duy trì ở mức khá giúp gia tăng thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế xã hội của người dân, từ đó dẫn đến sự tăng cao trong nhu cầu về các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe khi chất lượng cuộc sống được nâng cao. Điều này làm tăng doanh thu và lợi nhuận của ngành. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái, đời sống và thu nhập của dân cư giảm thì nhu cầu về dược phẩm cũng sẽ giảm, kéo theo sự sụt giảm doanh thu và lợi nhuận của ngành dược nói chung và Bidiphar nói riêng. Tuy nhiên, do dược phẩm thuộc nhóm sản phẩm thiết yếu của người dân nên mức giảm của ngành sẽ thấp hơn mức giảm của nền kinh tế. Theo dự phóng của IMS Health, trong giai đoạn 2013 – 2018, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân chung của các doanh nghiệp dược phẩm tại các nước mới nổi ở mức 11 – 14%, trong đó Việt Nam sẽ có mức tăng cao thứ 2 trong nhóm vào khoảng 17,5%.

#### ❖ **Lạm phát**

Lạm phát là yếu tố tác động rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam và cũng là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp lẫn gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Từ mức lạm phát hai con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, từ đó lạm phát giảm xuống mức 6,8% (năm 2012) và còn 3,53% (năm 2017). Lạm phát thấp là cơ sở để NHNN giảm lãi suất cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ khuyến khích người dân và doanh nghiệp vay tiền ngân hàng, đáp ứng nhu cầu trong hầu hết mọi lĩnh vực và kích thích tiêu dùng. Mặc dù tỷ lệ lạm phát những năm gần đây được duy trì khá ổn định, nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng nhanh trở lại.

**Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2017**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Trong năm 2018, Chính phủ tiếp tục đặt mục tiêu chỉ số lạm phát (CPI) bình quân 4% nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia cho rằng lạm phát sẽ chịu áp lực chủ yếu từ việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ công và giá thực phẩm. Giá dịch vụ công năm 2018 tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình tăng giá giai đoạn 2016 – 2020 nên được dự báo đóng góp vào lạm phát tổng thể, tương đương năm 2017, khoảng 2 – 2,5 điểm. Trong khi đó, giá thực phẩm 2017 giảm chủ yếu vì sự sụt giảm của giá thịt lợn do dư cung. Do vậy, nhiều khả năng năm 2018 giá thực phẩm sẽ phục hồi khi nguồn cung thịt lợn giảm do ngành chăn nuôi có những điều chỉnh tác động không nhỏ đến lạm phát năm 2018.

Theo dự báo của World Bank, lạm phát trung bình cả năm 2018 của Việt Nam có thể vào khoảng 4% và trong 2 năm tiếp theo vẫn giữ nguyên tốc độ này.

### ❖ *Lãi suất*

Trong vòng 02 năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện một loạt động thái điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành và lãi suất tiền gửi tối đa bám sát các chỉ tiêu định hướng của Chính phủ. Với chính sách ổn định lãi suất và duy trì mặt bằng lãi suất ở mức thấp trong suốt năm 2017 đã tiếp tục hỗ trợ sản xuất – kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát được lạm phát, hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối. Trong năm 2017, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay ổn định, cho dù một số ngân hàng đã có động thái tăng lãi suất huy động với mức độ tăng nhỏ. Lãi suất huy động bằng đồng VNĐ phổ biến ở mức 4,5%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng; 5,4%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; và mức 6,4%-7,2%/năm cho kỳ hạn trên 12 tháng. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hầu hết các tổ chức tín dụng đánh giá mặt bằng lãi suất sẽ tiếp tục ổn định trong năm 2018, trong đó, một số ít tổ chức tín dụng dự báo mặt bằng lãi suất có thể tăng nhưng là mức tăng rất nhẹ (bình quân khoảng 0,2%) trong năm tới.

Mặt bằng lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Với mặt bằng lãi suất như hiện tại là điều kiện thuận lợi để các Công ty hoạt động tốt như Bidiphar tiếp cận với nguồn vốn vay với lãi suất hợp lý để giải ngân cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai một cách hiệu quả.

## 2. **Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngành dược là một trong những ngành chịu sự quản lý mạnh mẽ của Nhà nước do là ngành nghề kinh doanh các sản phẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Luật Dược mới số 105/2016/QH13 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Đây là cơ sở pháp lý cao nhất điều chỉnh toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực dược để ngành Dược Việt Nam được hoạt động trong một môi trường pháp lý hoàn chỉnh và đồng bộ... Ngoài ra, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Thương mại và Luật sở hữu trí tuệ đã được Quốc hội thông qua, được kỳ vọng sẽ tạo môi



trường đầu tư kinh doanh một cách cạnh tranh, minh bạch, bình đẳng và lành mạnh cho các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm, từ đó giảm thiểu những rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thêm vào đó, những định hướng, chính sách của Nhà nước cũng sẽ có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Công ty trong tương lai. Cho đến nay, chính sách quốc gia về phát triển ngành công nghiệp dược trong nước luôn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành nói chung và của Bidiphar nói riêng.

Ngoài ra, với bối cảnh toàn cầu hóa như hiện tại, đòi hỏi các doanh nghiệp ngành Dược phải hiểu biết sâu sắc về luật pháp và thông lệ quốc tế. Đối với vấn đề này, Công ty đã và đang tích cực trang bị cho mình những thông tin cần thiết về thị trường, đối thủ và đối tác, nghiên cứu luật pháp quốc tế để thực sự sẵn sàng cùng ngành Dược hội nhập.

Vì vậy, xét toàn cảnh môi trường pháp lý và tình hình thực tế của Công ty, rủi ro pháp luật ít có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

### 3. Rủi ro đặc thù ngành

#### ❖ *Rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào*

Sự phụ thuộc vào nguyên liệu đầu vào luôn là một thách thức đối với doanh nghiệp. Nguyên vật liệu đầu vào, chủ yếu là dược liệu, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành các loại sản phẩm của Công ty (khoảng 40% - 60%), chính vì vậy sự thay đổi giá của nguyên vật liệu tất yếu ảnh hưởng đến lợi nhuận do giá bán không thể điều chỉnh kịp thời trong ngắn hạn.

Bên cạnh đó, do bất ổn về thiên tai như lũ lụt, hạn hán và tình hình dịch bệnh trên thế giới trong giai đoạn 2016 - 2017 diễn biến phức tạp, nhiều dịch bệnh mới nổi và nguy cơ xâm nhập nước ta như dịch cúm gia cầm A(H5N1), A(H7N9) liên tục ghi nhận tại Trung Quốc, dịch viêm đường hô hấp khu vực Trung Đông (MERS-CoV), dịch bệnh Ebola, bệnh do vi rút Zika, bệnh tay chân miệng; sốt xuất huyết, bại liệt, sởi, ... đã tác động đến việc gia tăng dự trữ nguồn dược liệu dự phòng của các quốc gia và làm gia tăng giá dược liệu. Sự biến động này tác động đến hầu hết các Công ty trong ngành và không thể né tránh, chính vì vậy hệ quả của sự biến động này là trong khoảng thời gian ngắn hạn sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của những đơn vị trong ngành, trong đó có Bidiphar. Tuy nhiên, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm cho tất cả các ngành hàng, khi đó Công ty có thể gia tăng giá bán ra, doanh thu tăng và triệt tiêu được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, để góp phần hạn chế rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào, Công ty đã thiết lập và duy trì mối quan hệ uy tín đối với các nhà cung cấp lớn trên thị trường để đảm bảo có thể chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cả ổn định. Bên cạnh đó, Công ty luôn tăng cường công tác dự báo thị trường để chủ động và có kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, giảm thiểu tác động trong những giai đoạn giá cả thị trường biến động mạnh.

### ❖ **Rủi ro hàng giả, hàng nhái**

Hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu xuất hiện ngày càng nhiều trên thị trường. Riêng trong ngành Dược phẩm, theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ, mỗi năm có hơn 3.000 trường hợp vi phạm nhãn hiệu hàng hóa và cạnh tranh không lành mạnh. Do đó, bên cạnh những nỗ lực của Công ty trong việc chống hàng giả, hàng nhái, sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng là hết sức rất cần thiết nhằm hạn chế và loại bỏ hàng giả, hàng nhái nhằm đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Các cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương cần phải tăng cường các biện pháp nhằm sớm loại bỏ hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu ra khỏi thị trường thì hoạt động sản xuất kinh doanh ngành dược phẩm mới thuận lợi và lành mạnh.

Để có thể giảm rủi ro về các loại sản phẩm hàng giả, hàng nhái mang thương hiệu của Bidiphar, Công ty đã thực hiện đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu sản phẩm vào sổ danh bạ nhãn hiệu hàng hóa quốc gia và có hiệu lực trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời, để người tiêu dùng có thể nhận diện được thương hiệu và sản phẩm do Công ty sản xuất, Bidiphar luôn có những hoạt động quảng bá thương hiệu như tham gia các chương trình Hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng Cao, tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông cho công tác phát triển thương hiệu.

### ❖ **Rủi ro về tỷ giá**

Nguồn nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm của Bidiphar chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, giá cả nguyên vật liệu có thể bị tác động bởi những biến động về tỷ giá. Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty đã tiến hành dự báo biến động giá cả của nguyên vật liệu, từ đó chủ động nhập khẩu và tồn trữ nguyên vật liệu vào thời điểm thích hợp. Mặt khác, hầu hết máy móc thiết bị của Công ty đều mua từ nước ngoài, do đó các dự án đầu tư mới cũng phải gánh chịu rủi ro từ những thay đổi trong tỷ giá hối đoái.

Trong những năm gần đây do chính sách ổn định tiền tệ của Nhà nước nên tỷ giá giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ mạnh tương đối ổn định, mức dao động tỷ giá khá thấp, việc dự báo tỷ giá trong ngắn hạn cũng không quá khó khăn. Vì vậy hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty không bị ảnh hưởng nhiều do biến động tỷ giá.

### ❖ **Rủi ro về cạnh tranh**

Sự gia nhập ngành của các doanh nghiệp dược mới làm gia tăng sức ép cạnh tranh giữa các công ty trên thị trường nội địa. Ngoài ra, việc Việt Nam gia nhập WTO cùng với sự dỡ bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan đang thu hút sự tham gia các công ty hoạt động trong lĩnh vực dược từ nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại. Từ đó, tạo ra môi trường cạnh tranh khốc liệt hơn đối với các doanh nghiệp sản xuất dược trong nước về mặt giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm. Việc tăng tốc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm là hết sức cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp dược nói chung và Bidiphar nói riêng.

#### 4. Rủi ro đầu tư ra ngoài ngành sản xuất kinh doanh chính

ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định đã thông qua việc góp vốn đầu tư bằng giá trị quyền sử dụng đất tại 34 đường Ngô Mây, phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định để thực hiện dự án đầu tư khách sạn tại lô đất này.

Lô đất này hiện đang được sử dụng làm kho dược phẩm và văn phòng giao dịch của chi nhánh CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định, có diện tích 758 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, theo quy hoạch về kiến trúc của UBND tỉnh Bình Định, vị trí này nằm ngay ở trong khu nội đô, khu dân cư nên Công ty có chính sách không tiếp tục dùng địa điểm này làm kho dược phẩm. Kho dược phẩm này dự kiến sẽ chuyển về Khu Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Ngoài ra, Công ty chỉ thực hiện góp vốn đầu tư bằng quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng sẽ được huy động bởi các đối tác khác để hợp tác thực hiện. Công ty không phát sinh các khoản chi phí đầu tư xây dựng khi thực hiện dự án. Do đó, việc sử dụng lô đất này để góp vốn đầu tư thực hiện dự án khách sạn không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thẩm định giá trị quyền sử dụng đất cũng như thực hiện các thủ tục góp vốn đầu tư theo quy định của pháp luật. Khi thực hiện xong việc góp vốn đầu tư bằng quyền sử dụng đất, HĐQT Công ty sẽ thực hiện thông báo cho nhà đầu tư theo quy định.

Với tiềm năng lớn trong việc phát triển du lịch tại Bình Định hiện nay, việc góp vốn đầu tư bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án khách sạn sẽ mang lại nguồn thu tăng thêm cho Công ty. Tuy nhiên, theo đánh giá của HĐQT, nguồn doanh thu từ dự án này đóng góp tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu doanh thu của Bidiphar.

#### 5. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất thường, khả năng xảy ra rất ít nhưng nếu xảy ra sẽ có tác động lớn và nghiêm trọng như động đất, lụt bão, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo, ... Những hiện tượng này nếu xảy ra có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Bidiphar.

## PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

**Ông Nguyễn Văn Quá** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

**Bà Nguyễn Thị Mai Hoa** Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Kế toán trưởng

**Ông Nguyễn Quang Việt** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

**Bà Ngô Thị Phong Lan** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN TP. HCM  
(*Giấy ủy quyền số 677/QĐ-BSC ngày 01/09/2017 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam*)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**BSC**) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (**Bidiphar**). Chúng tôi ý thức rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định cung cấp.

### PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch có nội dung như sau:

- UBCKNN Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổ chức đăng ký niêm yết, Công ty, Bidiphar Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
- Tổ chức tư vấn niêm yết, BSC Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Cổ phiếu Cổ phiếu CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT Hội đồng quản trị
- BKS Ban kiểm soát
- CBCNV Cán bộ Công nhân viên
- VNĐ Đồng Việt Nam
- TTS Tổng tài sản
- VDL Vốn điều lệ
- VCSH Vốn chủ sở hữu
- HĐKD Hoạt động kinh doanh
- DTT Doanh thu thuần
- LNTT Lợi nhuận trước thuế
- LNST Lợi nhuận sau thuế
- KHCCN Khoa học Công nghệ
- GPs Là từ viết chung cho các tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP, GDP, GPP
  - Tiêu chuẩn GMP Tiêu chuẩn Thực hành sản xuất thuốc tốt
  - Tiêu chuẩn GSP Tiêu chuẩn Thực hành bảo quản thuốc
  - Tiêu chuẩn GLP Tiêu chuẩn Thực hành kiểm nghiệm thuốc tốt
  - Tiêu chuẩn GDP Thực hành tốt phân phối thuốc
  - Tiêu chuẩn GPP Thực hành tốt quản lý nhà thuốc



- GMP PIC/s (PICs)      Viết tắt của Pharmaceutical Inspection Co-operation Scheme là Chương trình Hợp tác Thanh tra Dược mà cụ thể là Chương trình Hợp tác Thanh tra trong lĩnh vực Thực hành Tốt Sản xuất Thuốc (GMP)
- Cơ sở sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP      Là cơ sở sản xuất thuốc được cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước tham gia Cơ quan quản lý dược Châu Âu (EMA) hoặc nước tham gia Hội nghị quốc tế về hài hòa hóa các thủ tục đăng ký dược phẩm sử dụng cho con người (ICH) hoặc nước tham gia Hệ thống hợp tác về thanh tra dược phẩm (PIC/s) cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP hoặc tương đương
- GACP-WHO      Là các nguyên tắc, tiêu chuẩn Thực hành tốt trồng trọt và thu hái dược liệu theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)
- Hoạt chất      Là chất hoặc hỗn hợp các chất có tác dụng dược lý hoặc có tác dụng trực tiếp trong phòng, chẩn đoán bệnh, chữa bệnh, điều trị bệnh, giảm nhẹ bệnh, điều chỉnh chức năng sinh lý cơ thể người
- Tá dược      Là nguyên liệu trong thành phần cấu tạo của thuốc, tá dược là các chất không hoạt tính (dược lý hoặc sinh học) được lựa chọn để xây dựng công thức bào chế cùng với các thành phần hoạt chất khác của thuốc, nhằm mục đích xây dựng công thức bào chế thuốc
- Thuốc generic      Thuốc có cùng dược chất, hàm lượng, dạng bào chế với biệt dược gốc và thường được sử dụng thay thế biệt dược gốc
- Betalactam      Là thuốc kháng sinh diệt khuẩn, tất cả kháng sinh họ này đều có cấu trúc chung là vòng Betalactam. Họ này gồm Penicillin và dẫn xuất là Cephalosporin
- Non - Betalactam      Bao gồm các thuốc uống dạng rắn, nước, thuốc mỡ, dịch truyền, đông dược, thực phẩm chức năng
- Dung dịch thẩm phân máu      Là phương tiện rất quan trọng để tiến hành lọc máu ngoài cơ thể, thường được dùng trong chạy thận
- Tương đương sinh học      Là sự tương tự nhau về sinh khả dụng giữa hai thuốc khi được so sánh trong cùng một điều kiện thử nghiệm
- Thuốc điều trị ung thư Carboplatin      Carboplatin là thuốc chống ung thư, tác động vào hệ thống miễn dịch làm thay đổi cấu trúc và ức chế sự tổng hợp DNA, thường dùng để điều trị ung thư buồng trứng

- Bệnh U Lympho Hay còn lại là Ung thư hạch. Đây là bệnh lý ung thư của hệ lymphô tức là hệ bạch huyết
- ETC Bán thuốc thông qua kênh đấu thầu cho các cơ sở điều trị
- OTC Bán thuốc thông qua hình thức trực tiếp cho các đại lý, quầy thuốc
- Phần mềm SAP ERP Là phần mềm hoạch định doanh nghiệp được phát triển bởi Công ty SAP của Đức
- Phần mềm DMS Giải pháp quản lý hệ thống phân phối
- KPI Chỉ số đánh giá thực hiện công việc
- Deltiazem Diltiazem được sử dụng để điều trị cao huyết áp và ngăn chặn cơn đau ngực, giúp ngăn ngừa đột quỵ, đau tim và các vấn đề về thận
- Phân chia các nhóm thuốc:
  - Thuốc nhóm 1 Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia  
Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia
  - Thuốc nhóm 2 Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia
  - Thuốc nhóm 3 Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

## PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên Công ty:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH</b>
Tên tiếng Anh:	Binh Dinh Pharmaceutical and Medical Equipment Joint Stock Company
Tên viết tắt:	BIDIPHAR
Logo:	
Mã chứng khoán	DBD
Trụ sở chính:	498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại:	(84.256) 3846500
Fax:	(84.256) 3846846
Website:	<a href="http://www.bidiphar.com">www.bidiphar.com</a>
Vốn điều lệ	523.790.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi ba tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng)

Đăng ký doanh nghiệp số 4100259564 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 25/10/2016.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành
1	Sản xuất dược phẩm, hóa dược và dược liệu.
2	Bán buôn dược phẩm, dược liệu; dụng cụ, vật tư ngành y tế.
3	Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm.
4	Dịch vụ bảo quản thuốc; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc; Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm; Dịch vụ chăm sóc sức khỏe bằng phương pháp thủy liệu pháp, xoa bóp y học.
5	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
6	Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I ốt.
7	Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực

	phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng.
8	Mua bán máy móc, thiết bị y tế. Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng.
9	Mua bán hóa chất, vắc-xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế.
10	Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát.
11	Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton.
12	In ấn.
13	Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng.
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
15	Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc.
16	Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm.
17	Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao sản phẩm mới trong lĩnh vực dược phẩm.
18	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự
19	Trồng cây dược liệu
20	Khách sạn
21	Nhà hàng
22	Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết kiệm, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế; Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ; Khai thác và chế biến khoáng sản.

***Ngành nghề kinh doanh chính:*** sản xuất và kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

***Các sản phẩm chính:***

- *Dược phẩm:* các sản phẩm thuốc điều trị ung thư như ung thư buồng trứng, ung thư bàng quang, ung thư vú, ung thư đại tràng, ung thư trực tràng, ung thư dạ dày, ung thư cổ tử cung, ung thư gan, ung thư tụy, ung thư phổi; thuốc tiêm đông khô; thuốc tiêm kháng sinh; thuốc viên; thuốc nhỏ mắt; thực phẩm chức năng và đông dược.
- *Trang thiết bị y tế:* các trang thiết bị y tế do Công ty sản xuất như máy cất nước từ 100 – 1000l/h; máy giặt, máy sấy quần áo công suất lớn; nồi hấp từ 75 – 2000l/h; tủ vi khí hậu; bếp sắc thuốc; lò đốt rác thải y tế; lavabo tiết kiệm tự động từ 1 – 10 vòi; hệ thống cung cấp khí lạnh trung tâm; hệ thống cung cấp khí sạch cho phòng mổ và một số trang thiết bị, vật tư y tế

được cung cấp từ các đối tác cung ứng uy tín trong nước và nhập khẩu từ các nước Nhật Bản, EU.

### *1.3. Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình, được thành lập năm 1980 trên cơ sở Phân xưởng phụ tạn của Xí nghiệp Dược phẩm Nghĩa Bình. Năm 1989, Chính phủ tách địa giới hành chính tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình được đổi tên thành Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định (viết tắt là Bidiphar). Các thông tin cụ thể về các tổ chức tiền thân của Bidiphar và các giai đoạn phát triển của Công ty như sau:

#### ***✚** Các tổ chức tiền thân Bidiphar*

**Năm 1976:** Từ nền tảng Xưởng Dược thuộc Ban Quân dân Y khu 5, hình thành các đơn vị của tỉnh hoạt động trong ngành dược và trực thuộc Ty Y tế Nghĩa Bình, bao gồm: Công ty Dược phẩm Dược liệu Nghĩa Bình (chuyên về phân phối, trụ sở tại thị xã Quy Nhơn), Xí nghiệp Dược phẩm Nghĩa Bình (chuyên về sản xuất, trụ sở tại thị xã Quảng Ngãi), Công ty vật tư Y tế Nghĩa Bình (chuyên kinh doanh vật tư, thiết bị y tế, trụ sở tại 34 Ngô Mây, Quy Nhơn), Trạm nghiên cứu Dược liệu Nghĩa Bình (chuyên phát triển nuôi trồng và nghiên cứu dược liệu, có trụ sở tại thị xã Quy Nhơn).

**Năm 1979:** Thành lập Phân xưởng phụ tạn tại 363-371 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn trực thuộc Xí nghiệp Dược phẩm Nghĩa Bình.

**Năm 1980:** Trên cơ sở Phân xưởng phụ tạn thành lập Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình trực thuộc Ty Y tế Nghĩa Bình.

Xí nghiệp bao gồm các phân xưởng cơ bản sau: phân xưởng thuốc Nước, phân xưởng phi-tin sản xuất thuốc viên từ cám gạo, phân xưởng Berberin, phân xưởng thuốc viên, phân xưởng sản xuất cao xoa các loại, phân xưởng dầu cá,....

**Năm 1983:** Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình chuyển trực thuộc Xí nghiệp Liên hợp Dược Nghĩa Bình (hạch toán báo sổ).

**Năm 1986:** Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình chuyển Nhà máy sản xuất về 498 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn hoạt động sản xuất đến nay. Trong giai đoạn này, Xí nghiệp chỉ thực hiện nhiệm vụ sản xuất theo đơn đặt hàng của Liên hợp Dược Nghĩa Bình.

**Năm 1988:** Chuyển Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình sang mô hình hoạt động hạch toán kinh tế độc lập, không phụ thuộc vào việc đặt hàng theo kế hoạch từ Công ty Dược phẩm dược liệu Nghĩa Bình.

#### ***✚** Thành lập thương hiệu Bidiphar và các giai đoạn phát triển*

**Năm 1989:** Chính phủ tách địa giới hành chính tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình được đổi tên thành Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định (viết tắt là Bidiphar).



**Năm 1994:** Bidiphar liên doanh với Xí nghiệp Dược phẩm Chămpasăc - Lào thành lập Công ty Liên doanh dược phẩm hữu nghị Chămpasăc - Bình Định, có trụ sở tại tỉnh Champasack Lào, gọi tắt là Công ty CBF Pharma Co., Ltd. Trong đó Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định chiếm 80% vốn điều lệ.

**Năm 1995:** hợp nhất 02 đơn vị là Công ty Dược Vật tư Y tế Bình Định và Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định thành lập Công ty Dược-Trang thiết bị Y tế Bình Định (viết tắt là Bidiphar), trong đó nòng cốt là Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định theo Quyết định số 922/QĐ-UB ngày 05/05/1995 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

**Năm 1999:**

- Thực hiện chủ trương cổ phần hóa, tách Phân xưởng In và Bao bì, một đơn vị trực thuộc của Bidiphar, thành lập Công ty CP In và Bao bì Bình Định.
- Bidiphar xây dựng Nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - ASEAN đầu tiên.

**Năm 2005:** Thành lập mới 02 đơn vị trực thuộc là Công ty TNHH MTV do Bidiphar làm chủ sở hữu 100% vốn:

- Tách Xí nghiệp Nước khoáng Chánh Thắng (đơn vị hạch toán trực thuộc Bidiphar) thành lập Công ty TNHH MTV Nước Khoáng Quy Nhơn theo Quyết định 1275/QĐ-CTD ngày 28/12/2005 của Giám đốc công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm.
- Thành lập mới Công ty TNHH MTV Muối Bình Định từ Xí nghiệp Muối I-ốt trực thuộc, hoạt động sản xuất kinh doanh muối iot và thực phẩm khác, theo Quyết định số 1166/QĐ-CTD ngày 25/11/2005 của Giám đốc Công ty Dược-TTBYT Bình Định.

**Năm 2006:**

- Bidiphar chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, theo Quyết định thành lập số 102/2006/QĐ-UBND ngày 27/06/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.
- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan, hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Bidiphar chiếm 10% vốn điều lệ.
- Đầu tư nâng cấp Nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

**Năm 2007:** Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar, quản lý vốn đầu tư sang Lào: trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Sê kông, CHDCND Lào. Bidiphar chiếm 30% vốn điều lệ.

**Năm 2008:** Tách bộ phận sản xuất dược phẩm thuộc Bidiphar thực hiện cổ phần hóa thành lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1. Bidiphar 1 góp vốn liên doanh với Tập đoàn Fresenius Kabi (Đức) thành lập Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar (viết tắt FKB).

**Năm 2009:** Thực hiện tái cơ cấu vốn đầu tư tại Công ty CBF Pharma, Bidiphar thực hiện chủ trương của tỉnh bán hết phần vốn nhà nước tại Công ty CBF Pharma và hoàn tất việc thu hồi vốn vào tháng 12/2011, để chuyển sang các dự án đầu tư khác.

**Ngày 01/07/2010:** chuyển Bidiphar từ doanh nghiệp nhà nước sang hình thức Công ty TNHH MTV do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23/06/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

**Ngày 01/03/2014:** Bidiphar chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259564 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 27/03/2014 với vốn điều lệ 268.627.000.000 đồng.

**Ngày 25/11/2014:** Bidiphar chính thức trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 6546/UBCK-QLPH của UBCKNN.

**Tháng 01/2015:** Bidiphar hoàn tất việc phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập với CTCP Dược phẩm Bidiphar 1.

**Tháng 10/2016:** Bidiphar tăng vốn điều lệ lên 523.790.000.000 đồng.

**Ngày 16/01/2017:** Bidiphar chính thức giao dịch trên UpCoM theo Quyết định số 22/QĐ-SGDHN ngày 09/01/2017 V/v chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định của Tổng Giám đốc SGDCCK Hà Nội.

**+** Quá trình phát triển của Bidiphar trong hoạt động sản xuất dược phẩm và trang thiết bị y tế:

• **Hoạt động sản xuất dược phẩm:**

**Năm 1980:** Sản xuất thuốc viên, thuốc nước có nguồn gốc nguyên liệu từ địa phương như cám gạo, phủ tạng động vật, rong biển...

**Năm 1989:** Nghiên cứu và sản xuất thành công các dung dịch thuốc tiêm đóng ống như Quinoserum 1%, Lidocain 2%, Vitamin C 100mg/2ml, Vitamin B1, Quinin chlohidrat 0,5g/2ml, Spactein sunfat 0,05g/ml...

**Năm 1992:** Là công ty dược trong nước đầu tiên nghiên cứu và sản xuất thành công dung dịch tiêm kháng sinh Gentamicin với chất lượng đạt tiêu chuẩn theo dược điển USP (Mỹ), BP (Anh); nghiên cứu và sản xuất thành công dung dịch tiêm truyền Ringer Lactat.

**Năm 1999:** Là một trong những công ty dược tiên phong trong cả nước xây dựng nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-ASEAN, được Bộ Y tế kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận.

**Năm 2000:** Là đơn vị đầu tiên của tỉnh Bình Định được tổ chức BVQI Anh quốc chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn ISO 9002:1994.

**Năm 2002:** Hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000, phòng Kiểm nghiệm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn GLP (Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc).

**Năm 2003:** Là công ty dược tiên phong trong cả nước nghiên cứu, ứng dụng công nghệ bào chế thuốc tiêm bột đông khô và triển khai sản xuất thành công các sản phẩm tiêu biểu như Neutrivot 5000, Alphachymotrypsin 5000 IU, Tenoxicam, Bidicozan, Soli - Medon, Oraptic... Trong đó 02

sản phẩm Soli-Meodon và Oraptic được Bộ Y tế bình chọn là “Ngôi sao thuốc Việt” vào năm 2014.

**Năm 2004:** Hệ thống kho đạt tiêu chuẩn GSP (Thực hành tốt bảo quản thuốc).

**Năm 2005 – 2006:** Đầu tư xây dựng các nhà xưởng, lắp đặt dây chuyền sản xuất thuốc tiêm bột. Nghiên cứu và sản xuất thành công dung dịch tiêm truyền kháng sinh, đa vitamin và acid amin, dung dịch thẩm phân máu.

**Năm 2009:** Hệ thống quản lý chất lượng cập nhật tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

**Năm 2010:** Là công ty dược trong nước đầu tiên nghiên cứu và sản xuất thành công thuốc điều trị ung thư Carboplatin (thuộc dự án cấp Nhà nước được giao bởi Bộ Khoa học Công nghệ), thường dùng để điều trị ung thư buồng trứng.

**Năm 2011 – 2017:**

- Bidiphar bắt đầu phát triển dòng sản phẩm Đông dược và thực phẩm chức năng và triển khai đầu tư dự án xây dựng khu sản xuất, nuôi trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO (tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định).
- Đáp ứng yêu cầu điều trị ngày càng cao của các cơ sở y tế, ngoài các dòng thuốc điều trị các loại bệnh ung thư, Bidiphar đã tiến hành nghiên cứu phát triển dòng thuốc đặc trị khác có kỹ thuật tiên tiến như thuốc phóng thích có kiểm soát dùng điều trị các bệnh dạ dày, xương khớp, tim mạch, tiểu đường... Trong đó, Bidiphar đã thực hiện thành công 01 đề tài cấp tỉnh viên nang phóng thích kéo dài Gliclazid và 01 dự án cấp Nhà nước viên nang phóng thích có kiểm soát Diltiazem.
- Tháng 4/2017: Dây chuyền sản xuất các loại thuốc chống và điều trị các loại ung thư đầu tiên trong cả nước được Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Công ty cũng được Bộ Y tế cấp phép lưu hành gần 20 sản phẩm thuốc tiêm điều trị các loại ung thư khác nhau.
- Tháng 11/2017: Hợp tác với tập đoàn dược phẩm Kyorin, Nhật Bản trong việc chuyển giao kỹ thuật trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm nhằm sản xuất các sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn của công ty Kyorin Rimedio và của Nhật Bản – một trong những tiêu chuẩn cao nhất thế giới trong sản xuất và đánh giá chất lượng dược phẩm.
- Tháng 12/2017: Hệ thống quản lý chất lượng được tổ chức Bureau Veritas Certification đánh giá chứng nhận phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

• **Hoạt động sản xuất trang thiết bị y tế:**

**Năm 1998-1999:** Nghiên cứu chế tạo thành công nổi hấp tiệt trùng chai dịch truyền và máy cất nước 400 lít/giờ.

**Năm 2005:** Nghiên cứu chế tạo thành công máy giặt công nghiệp, máy sấy quần áo.

**Năm 2008-2009:** Nghiên cứu chế tạo thành công lò đốt chất thải rắn y tế đến 50 kg.

**Năm 2015:** Nghiên cứu chế tạo thành công máy cất nước đa hiệu ứng 1000 lít/giờ.

**Năm 2017:** Nghiên cứu chế tạo thành công hệ thống cách ly khép kín (Isolator) được dùng trong pha chế các loại thuốc chống ung thư như ung thư buồng trứng, ung thư bàng quang, ung thư vú, ung thư đại tràng, ung thư trực tràng, ung thư dạ dày, ung thư cổ tử cung, ung thư gan, ung thư tụy, ung thư phổi.

 Danh hiệu và giải thưởng của Công ty Bidiphar

Để ghi nhận những đóng góp cho sự phát triển của ngành Dược nói riêng và sự phát triển kinh tế của Việt Nam nói chung, tập thể Bidiphar vinh dự được nhận các danh hiệu cao quý sau:



- Chủ tịch nước trao tặng “**Huân chương Lao Động hạng III**” năm 1995.
- Chủ tịch nước trao tặng “**Huân chương Lao Động hạng II**” năm 1999.
- Chủ tịch nước trao tặng “**Huân chương Lao Động hạng I**” năm 2003.
- Chủ tịch nước trao tặng danh hiệu “**Đơn vị Anh Hùng trong thời kỳ đổi mới**” năm 2004.
- Chủ tịch nước trao tặng “**Huân Chương Độc Lập Hạng Ba**” năm 2009.
- Bộ Thương mại trao tặng danh hiệu “**Doanh Nghiệp Việt nam Uy Tín Chất lượng**” năm 2005, 2006.
- Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng “**Cúp vàng ISO – Chìa khoá hội nhập**” năm 2007.
- Bộ Công thương trao tặng Danh hiệu “**Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín**” từ 2006 – 2015.
- Bộ Công Thương trao tặng danh hiệu “**Thương hiệu vàng – Golden Brand Awards**” năm 2008.
- Bộ Công thương trao Giải thưởng “**Doanh nghiệp thương mại dịch vụ xuất sắc**” năm 2013.
- Bộ Y tế trao tặng giải thưởng “**Ngôi sao thuốc Việt**” năm 2014.
- Trung ương Hội LHTN Việt Nam trao tặng giải thưởng “**Sao vàng đất Việt**” năm 2006, 2015.
- Bộ Công thương trao tặng Giải thưởng “**Chất lượng Quốc Gia**” năm 2005, 2015.
- Vietnam Report chứng nhận danh hiệu “**Top 10 công ty dược Việt Nam uy tín**” năm 2016.
- Vietnam Report chứng nhận danh hiệu “**Top 10 công ty dược Việt Nam uy tín**” năm 2017.
- Giải thưởng “**Doanh nghiệp Thương mại & Dịch vụ tiêu biểu**” năm 2016.
- Giải thưởng “**Hàng Việt nam Chất Lượng Cao**” từ 2004 - 2017.

- Giải Vàng chất lượng quốc gia do Thủ tướng Chính phủ trao tặng năm 2017.

#### 1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Từ khi thành lập cho đến nay, CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định đã thực hiện 02 đợt tăng vốn với thông tin cụ thể sau:

Thời gian	Trước khi tăng vốn (đồng)	Tăng vốn (đồng)	Sau khi tăng vốn (đồng)	Phương thức	Mục đích phát hành	Cơ quan chấp thuận								
Tăng vốn đợt 01 năm 2014	268.627.000.000	150.556.000.000	419.182.790.000	Phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu Bidiphar 1 nhằm thực hiện sáp nhập Bidiphar 1 vào Bidiphar với tỷ lệ hoán đổi 1:2,3 (tức cổ đông nắm giữ 01 cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Bidiphar 1 sẽ có quyền đổi thành 2,3 cổ phiếu Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định)	Sáp nhập Bidiphar 1 vào Bidiphar.	Được UBCKNN chấp thuận theo Công văn số 34/UBCK-QLQH ngày 07/01/2015								
Tăng vốn đợt 02 năm 2016	419.182.790.000	104.607.000.000	523.790.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên  <table border="1"> <thead> <tr> <th>Đối tượng</th> <th>SLCP</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cổ đông hiện hữu</td> <td>8.383.656</td> </tr> <tr> <td>CBCNV</td> <td>2.077.065</td> </tr> <tr> <td><b>TỔNG</b></td> <td><b>10.460.721</b></td> </tr> </tbody> </table>	Đối tượng	SLCP	Cổ đông hiện hữu	8.383.656	CBCNV	2.077.065	<b>TỔNG</b>	<b>10.460.721</b>	Bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh và đầu tư thành lập các công ty khoa học công nghệ với tỷ lệ sở hữu 100% vốn	Được UBCKNN chấp thuận theo Công văn số 6707/UBCK-QLCB ngày 05/10/2016
Đối tượng	SLCP													
Cổ đông hiện hữu	8.383.656													
CBCNV	2.077.065													
<b>TỔNG</b>	<b>10.460.721</b>													

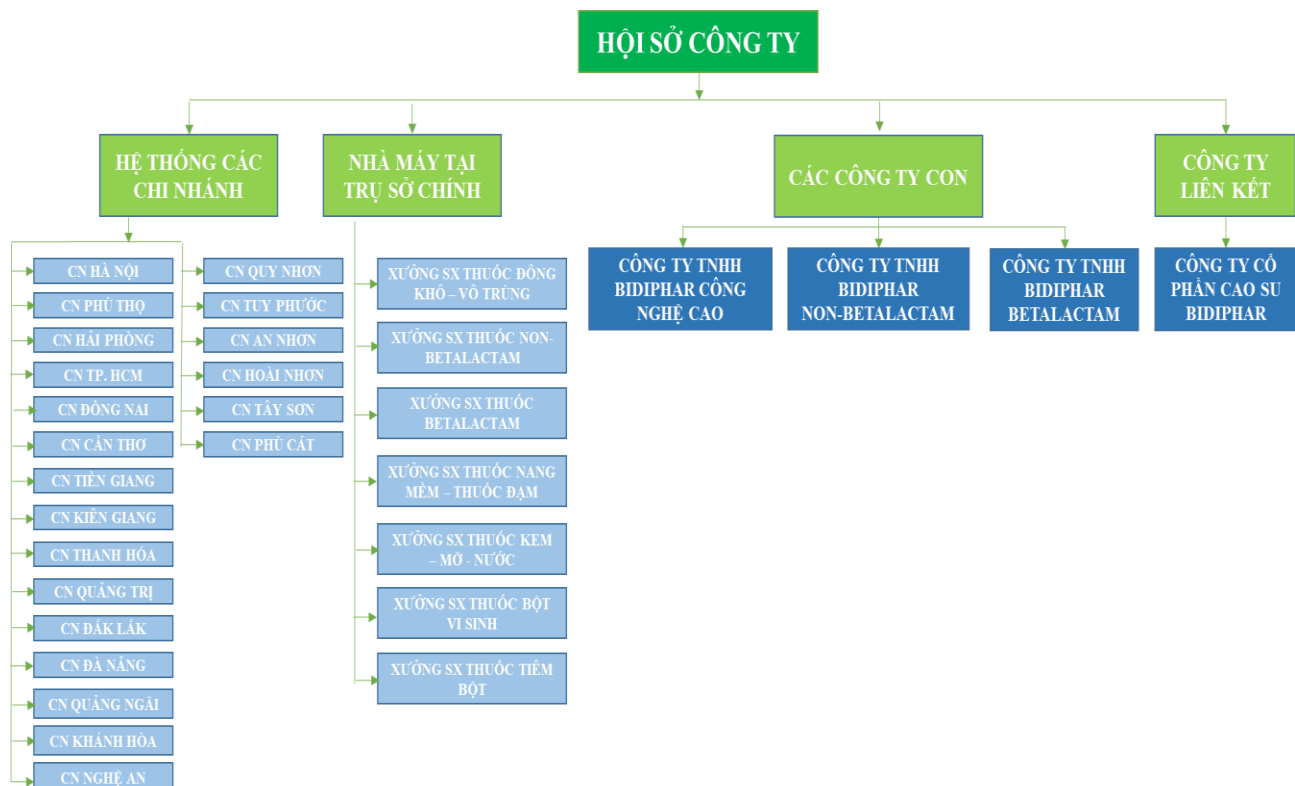


## 2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty

CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua vào ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### 2.1. Cơ cấu tổ chức

#### SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CTCP DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH



Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty bao gồm:

#### a. Trụ sở chính:

Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: (0256) 3846500 – 3846040 – 3847798

Fax: (0256) 3846846

Vốn điều lệ: 523.790.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi ba tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế

Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 25/10/2016

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Quá – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

**b. Công ty con:**

• **CÔNG TY TNHH BIDIPHAR CÔNG NGHỆ CAO**

Tên Công ty : Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao  
 Giấy chứng nhận ĐKDN : Số 4101470866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15/08/2016  
 Địa chỉ : Lô A3.01, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định  
 Người đại diện theo pháp luật : Mai Tòng Ba  
 Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi tỷ đồng*)  
 Tỷ lệ Bidiphar sở hữu : 100% VDL tương đương 120 tỷ đồng

• **CÔNG TY TNHH BIDIPHAR NON-BETALACTAM**

Tên Công ty : Công ty TNHH Bidiphar Non-Betalactam  
 Giấy chứng nhận ĐKDN : Số 4101473176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2016  
 Địa chỉ : Lô A3.03, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định  
 Người đại diện theo pháp luật : Bạch Hồng  
 Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng (*Tám mươi tỷ đồng*)  
 Tỷ lệ Bidiphar sở hữu : 100% VDL tương đương 80 tỷ đồng

• **CÔNG TY TNHH BIDIPHAR BETALACTAM**

Tên Công ty : Công ty TNHH Bidiphar Betalactam  
 Giấy chứng nhận ĐKDN : Số 4101473183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2016  
 Địa chỉ : Lô A3.02, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định  
 Người đại diện theo pháp luật : Hà Văn Cường  
 Vốn điều lệ : 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*)  
 Tỷ lệ Bidiphar sở hữu : 100% VDL tương đương 40 tỷ đồng

**c. Công ty liên kết:**

- CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BIDIPHAR**

Tên Công ty	: Công ty cổ phần Cao su Bidiphar
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 35030000155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 14/09/2007; thay đổi lần 02 ngày 05/04/2010
Địa chỉ	: 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Người đại diện theo pháp luật	: Trương Minh Thắng
Vốn điều lệ	: 212.800.000.000 đồng (Hai trăm mười hai tỷ tám trăm triệu đồng)
Tỷ lệ Bidiphar sở hữu	: 33,58% VDL tương đương 71,45 tỷ đồng
Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến mủ cao su	

**d. Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc**

STT	Đơn vị	Địa chỉ
<b>- 06 chi nhánh trong tỉnh:</b>		
1	Chi nhánh Quy Nhơn	365 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn, Bình Định
2	Chi nhánh Tuy Phước	TT Diêu Trì, Tuy Phước, Bình Định
3	Chi nhánh An Nhơn	Khu Đô thị mới đường Thanh niên, TX.An Nhơn, Bình Định
4	Chi nhánh Hoài Nhơn	212 Quang Trung, Huyện Hoài Nhơn, Bình Định
5	Chi nhánh Tây Sơn	176 Quang Trung, Tây Sơn, Bình Định
6	Chi nhánh Phù Cát	155 Quang Trung, TT.Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định
<b>- 15 chi nhánh ngoài tỉnh:</b>		
1	Chi nhánh Hà Nội	1038 Nguyễn Khoái, Tổ 10, P. Thanh Trì, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

STT	Đơn vị	Địa chỉ
2	Chi nhánh Phú Thọ	Khu đô thị Minh Phương, Phường Minh Phương, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
3	Chi nhánh Hải Phòng	Lô 19N05, Đường Lê Duẩn, P.Bắc Sơn, Q.Kiến An, Tp.Hải Phòng
4	Chi nhánh TP HCM	433/26 Sư Vạn Hạnh (nối dài), P12, Q10, TPHCM
5	Chi nhánh Đồng Nai	J37-J38 đường N4, KDC Liên Kế, Khu phố 1, Phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
6	Chi nhánh Cần Thơ	Lô A3-3, A3-4, A3-5, đường số 9, khu nhà ở Nam Long, Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ
7	Chi nhánh Tiền Giang	Số 498 Nguyễn Thị Thập, Phường 6, TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
8	Chi nhánh Kiên Giang	Số 91 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
9	Chi nhánh Thanh Hóa	Số 23/124 Nguyễn Tĩnh, Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
10	Chi nhánh Quảng Trị	06 Lý Thường Kiệt, P.Đông Lương, TP.Đông Hà, Quảng Trị
11	Chi nhánh Đắk Lắk	Số 419 Khu Tái định cư, P Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
12	Chi nhánh Đà Nẵng	Số 76 Huỳnh Ngọc Huệ, P.An Khê, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
13	Chi nhánh Quảng Ngãi	Số 102 Đinh Tiên Hoàng, P.Nghĩa Chánh, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
14	Chi nhánh Khánh Hòa	Đường 23/10 Phú Trung, Xã Vĩnh Thạnh, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
15	Chi nhánh Nghệ An	LKH 21, Khu đô thị Vinaconex 9, đại lộ Lê Nin, Xã Nghi Phú, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An

***e. Nhà máy sản xuất dược phẩm***

***Nhà máy sản xuất thuốc tại trụ sở chính Công ty***

Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

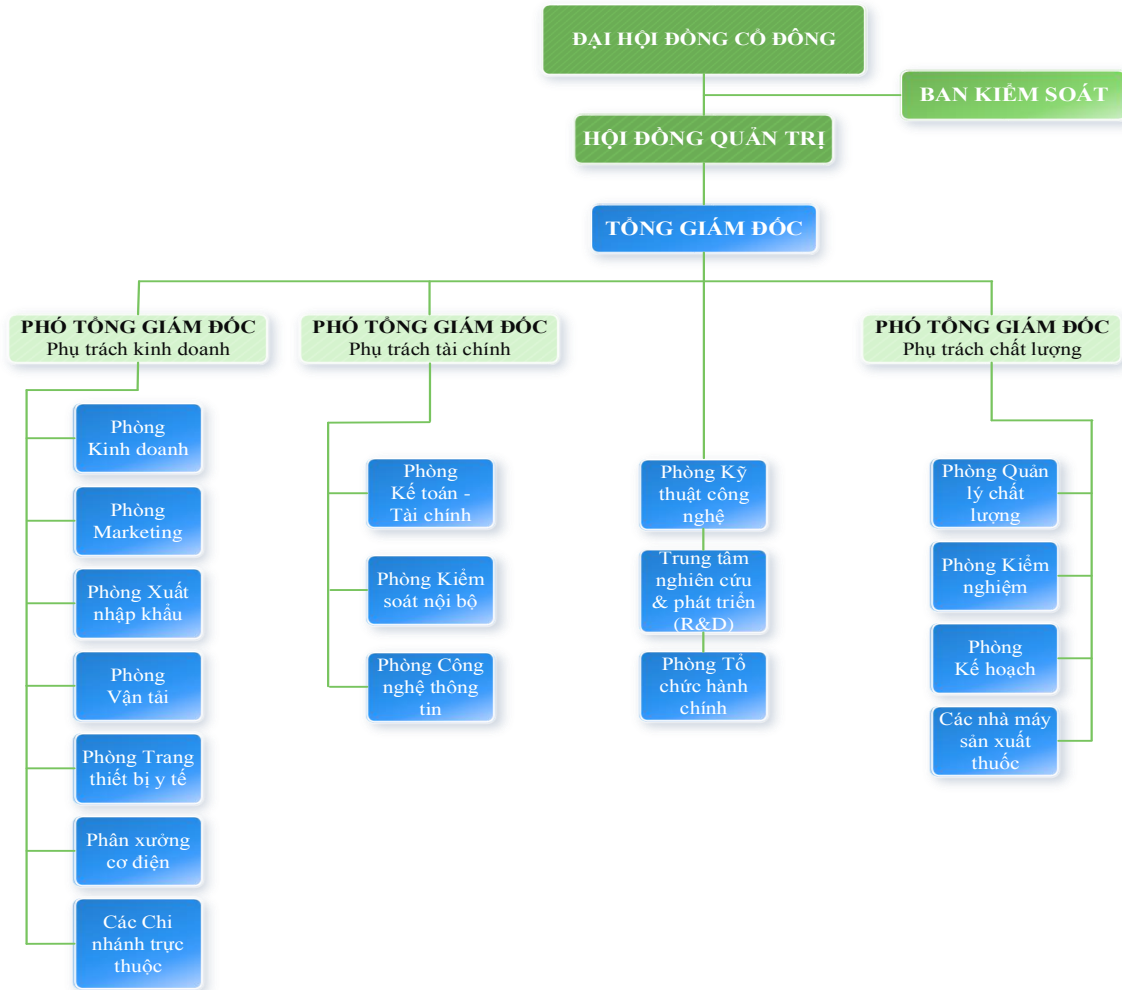
Nhà máy hiện có 07 xưởng sản xuất chính:

- Xưởng sản xuất thuốc đông khô – sản phẩm vô trùng;
- Xưởng sản xuất thuốc viên (Non – Betalactam);
- Xưởng sản xuất thuốc viên (Betalactam);
- Xưởng sản xuất thuốc viên nang mềm - thuốc đạn;
- Xưởng sản xuất thuốc kem - mỡ - nước;
- Xưởng sản xuất thuốc bột vi sinh;
- Xưởng sản xuất thuốc tiêm bột.

Hiện nay, Bidiphar sở hữu 03 công ty con đang thực hiện các dự án đầu tư nên chưa phát sinh doanh thu. Hằng năm, doanh thu hợp nhất đến toàn bộ từ doanh thu của Công ty Mẹ do các công ty con này chưa đóng góp vào doanh thu của Công ty. Ngoài ra, Bidiphar có 01 công ty liên kết là CTCP Cao su Bidiphar hằng năm có đóng góp khoản lãi từ Công ty liên kết vào BCTC hợp nhất, tuy nhiên giá trị không đáng kể.

## 2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

### SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN LÝ CTCP DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH



#### Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### Hội đồng quản trị (HDQT)

HDQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định. HDQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ tất cả những vấn đề quản lý Công ty theo Điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ



pháp luật. HĐQT Bidiphar hiện tại có 07 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 05 Thành viên HĐQT, có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bầu lại tại ĐHĐCĐ tiếp theo

### **Ban kiểm soát (BKS)**

Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại BKS Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có Trưởng Ban và 02 thành viên BKS, nhiệm kỳ 05 năm.

### **Ban điều hành**

Ban điều hành của Công ty gồm Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm (hoặc tuyển dụng), là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Hiện tại, Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

### **Các phòng chức năng**

#### ***Phòng Kinh doanh***

- Kinh doanh bán sỉ và bán lẻ các sản phẩm dược do Công ty sản xuất và phân phối chủ yếu qua hình thức đấu thầu bán thuốc cho các Sở Y tế và bệnh viện trên toàn quốc và qua hình thức bán hàng trực tiếp cho các quầy thuốc, đại lý thuốc tư nhân;
- Thực hiện xây dựng kế hoạch doanh thu năm và kế hoạch tiêu thụ hàng hóa quý, năm cho toàn Công ty;
- Dự trữ và cung ứng hàng hóa kịp thời cho khách hàng và các Chi nhánh trực thuộc;
- Bảo quản hàng hóa theo đúng các quy định ngành và quy định pháp luật.

#### ***Phòng Marketing***

- Nghiên cứu thị trường và dự báo doanh thu cho từng phân khúc thị trường;
- Xây dựng và thực hiện các chiến lược marketing sản phẩm.

#### ***Phòng Xuất nhập khẩu***

- Thực hiện xuất khẩu hàng hóa thành phẩm, nguyên phụ liệu;
- Thực hiện nhập khẩu nguyên liệu phục vụ nhu cầu sản xuất.

#### ***Phòng Trang thiết bị Y tế***

- Kinh doanh bán sỉ và bán buôn các mặt hàng về vật tư tiêu hao, thiết bị y tế mua ngoài và các trang thiết bị y tế của Công ty sản xuất;
- Dịch vụ bảo trì, sửa chữa các thiết bị y tế;
- Thực hiện mua các mặt hàng thiết bị, nguyên vật liệu và các mặt hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### ***Phân xưởng cơ điện***

- Quản lý thiết bị điện, máy móc, trang thiết bị trong toàn Công ty;
- Nghiên cứu, chế tạo thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

***Phòng Vận tải***

- Vận chuyển hàng hóa bao gồm các nguyên vật liệu, sản phẩm đến khách hàng và các Chi nhánh trực thuộc. Công ty không có các đại lý bán thuốc.

***Phòng Kỹ thuật Công nghệ***

- Lập và triển khai các dự án đầu tư, dự án đổi mới công nghệ, thiết bị về sản xuất dược phẩm của công ty và các dự án khác của công ty liên kết khi có yêu cầu.;
- Xây dựng kế hoạch và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

***Trung tâm Nghiên cứu - Phát triển***

- Nghiên cứu và cải tiến sản phẩm;
- Ban hành, chuyển giao công thức và quy trình sản xuất cho các phân xưởng sản xuất;
- Đăng ký lưu hành sản phẩm.

***Phòng Tổ chức – Hành chính***

- Thực hiện công tác tổ chức, nhân sự, hành chính, pháp chế của Công ty.

***Phòng Kế toán***

- Thực hiện các nghiệp vụ kế toán và quản lý tài chính theo quy định pháp luật và quy định của Công ty;
- Bảo toàn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả.

***Phòng Kiểm soát Nội bộ***

- Xây dựng các quy trình, thủ tục kiểm soát nội bộ nhằm đánh giá tính tuân thủ, trung thực, đúng đắn trong công tác quản lý điều hành các hoạt động của Công ty;
- Hỗ trợ thiết lập công cụ quản lý nghiệp vụ đối với tất cả các hoạt động của từng cá nhân, phòng ban, phân xưởng, chi nhánh trong toàn Công ty.

***Phòng Công nghệ Thông tin (IT)***

- Quản lý toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin thuộc Công ty bao gồm: quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng và hệ thống ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện công tác phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin cho toàn bộ hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn phát triển.

***Phòng Kế hoạch***

- Xây dựng, triển khai, theo dõi kế hoạch sản xuất;

- Xây dựng, triển khai, theo dõi việc mua và cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

### **Phòng Quản lý Chất lượng**

- Tổ chức xây dựng, quản lý và phát triển hệ thống quản lý chất lượng toàn Công ty;
- Đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề liên quan chất lượng sản phẩm, lên kế hoạch khắc phục phòng ngừa có hiệu quả và đưa ra các cải tiến phù hợp.

### **Phòng Kiểm nghiệm**

- Có chức năng quản lý kỹ thuật, thực hiện tất cả các kỹ thuật phân tích nhằm đánh giá chất lượng các dạng sản phẩm tại Nhà máy.

## **3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; và Cơ cấu cổ đông**

### *3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 03/04/2018*

#### *Danh sách các cổ đông lớn tại thời điểm 03/04/2018*

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Định	QĐ số 1086/QĐ-UB ngày 08/05/1997 của UBND tỉnh Bình Định v/v thành lập Quỹ Đầu tư của tỉnh Bình Định	181 Lê Hồng Phong - Tp. Quy Nhơn - tỉnh Bình Định	6.984.955	13,34%
<b>Tổng cộng</b>				<b>6.984.955</b>	<b>13,34%</b>

*Nguồn: Sổ cổ đông Bidiphar tại ngày 03/04/2018*

### *3.2. Cơ cấu cổ đông*

#### *Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 03/04/2018*

	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%VĐL)
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>1.873</b>	<b>52.254.700</b>	<b>99,76%</b>
1	Cá nhân	1.855	40.342.275	77,02%
2	Tổ chức	18	11.912.425	22,74%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	01	6.984.955	13,34%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>04</b>	<b>124.300</b>	<b>0,24%</b>
1	Cá nhân	03	25.200	0,05%
2	Tổ chức	01	99.100	0,19%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	85	0,00%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1877</b>	<b>52.379.000</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Sổ cổ đông Bidiphar tại ngày 03/04/2018*

### 3.3. Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định được thành lập từ năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 01/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp, do đó những điều kiện hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp đã không còn hiệu lực.

## 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

### 4.1. Danh sách Công ty mẹ của Bidiphar

Không có

### 4.2. Danh sách các công ty con, công ty liên kết của Bidiphar

Stt	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Giấy CN ĐKDN	Vốn điều lệ	Thông tin doanh nghiệp	Phần trăm sở hữu
<b>I Danh sách Công ty con</b>						
1	Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao	Lô A3.01, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Bình Định	Số 4101470866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15/08/2016	120 tỷ đồng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	100,00%
2	Công ty TNHH Bidiphar Non-Betalactam	Lô A3.03, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Bình Định	Số 4101473176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2016	80 tỷ đồng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	100,00%
3	Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	Lô A3.02, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Bình Định	Số 4101473183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2016	40 tỷ đồng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	100,00%
<b>II Danh sách Công ty liên doanh, liên kết</b>						
1	Công ty cổ phần Cao su Bidiphar	498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Số 35030000155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 14/09/2007;	212,8 tỷ đồng	Khai thác, chế biến mủ cao su	33,58%

			thay đổi lần 02 ngày 05/04/2010			
--	--	--	------------------------------------	--	--	--

#### 4.3. Danh sách công ty năm quyền kiểm soát và chi phối đối với của Bidiphar

Không có

## 5. Hoạt động kinh doanh

### 5.1. Sản lượng, sản phẩm/ Giá trị dịch vụ qua các năm

#### 5.1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Bidiphar

Hiện nay, Bidiphar thực hiện sản xuất, kinh doanh trong các mảng hoạt động bao gồm hoạt động sản xuất và kinh doanh si và lẻ dược phẩm; sản xuất và kinh doanh si và lẻ trang thiết bị y tế; hoạt động kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì và hoạt động kinh doanh khác.

Trong đó, hoạt động kinh doanh mang lại nguồn doanh thu chính của Bidiphar là **sản xuất và kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế**. Các hoạt động còn lại đóng góp tỷ lệ không đáng kể trong hoạt động của Công ty.

#### **Hoạt động sản xuất và kinh doanh si và lẻ dược phẩm**

Bidiphar đã và đang là một trong những doanh nghiệp dược đầu ngành tại Việt Nam với các sản phẩm chủ lực là kháng sinh và các loại thuốc điều trị ung thư như ung thư buồng trứng, ung thư bàng quang, ung thư vú, ung thư đại tràng, ung thư trực tràng, ung thư dạ dày, ung thư cổ tử cung, ung thư gan, ung thư tụy, ung thư phổi.

Công ty tự hào đạt Top 10 doanh nghiệp sản xuất dược uy tín Việt Nam liên tục trong hai năm 2016 và 2017 do Tổ chức xếp hạng Vietnam Report đánh giá và công nhận. Đồng thời, Công ty cũng là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng khoa học công nghệ trong việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong công tác quản lý, sản xuất và kinh doanh thuốc theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Đối với hoạt động sản xuất dược phẩm, Công ty hiện đang có 01 nhà máy sản xuất thuốc tại trụ sở chính với 07 xưởng sản xuất gồm 12 dây chuyền công nghệ sản xuất hiện đại theo tiêu chuẩn GMP-WHO, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến ISO 9001:2015 cùng với việc đầu tư nguồn nhân lực có chất lượng cao, Bidiphar đã sản xuất gần 400 sản phẩm dược thuộc 19 nhóm điều trị được Bộ Y Tế cấp số đăng ký cho phép kinh doanh và lưu hành.

Một số dòng sản phẩm tiêu biểu của Bidiphar hiện nay bao gồm:

#### - **Nhóm thuốc điều trị ung thư:**

Năm 2014, Bộ KH-CN phê duyệt cho Bidiphar thực hiện Dự án Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại Công ty CP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định”, thời gian thực hiện 60 tháng, từ năm 2014-2019. Đến nay Bidiphar đã cung cấp cho thị trường 17 sản phẩm với 9 hoạt chất để điều trị

các loại bệnh ung thư khác nhau, hiện tại Công ty đang tiếp tục nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới để đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong mảng điều trị này.

Bidiphar là một trong những công ty tiên phong sản xuất thuốc ung thư tại Việt Nam với toàn bộ quy trình nghiên cứu phát triển các loại thuốc điều trị ung thư tại Bidiphar được tuân thủ theo các quy định của Hội nghị Quốc tế về Hòa hòa các thủ tục đăng ký dược phẩm cho người (International Conference on Harmonization: ICH). Công ty đã tích hợp 3 công nghệ: công nghệ sản xuất thuốc vô trùng, công nghệ đông khô, công nghệ cách ly trong một dây chuyền sản xuất đảm bảo an toàn cho sản phẩm, an toàn cho người sản xuất, an toàn cho môi trường.

Danh mục các sản phẩm thuốc điều trị một số bệnh ung thư của Bidiphar đang sản xuất như sau:

Stt	Tên sản phẩm	Thành phần – Hàm lượng	Tác dụng điều trị
1	BDF-FDACell 50	Fludarabin phosphat 50 mg	Dùng trong điều trị bạch cầu dòng lympho
2	Bestdocel 20	Docetaxel 20 mg/0,5ml	Dùng trong điều trị ung thư vú, ung thư phổi, ung thư đầu-cổ, ung thư tiền liệt tuyến, ung thư buồng trứng và cổ tử cung, ung thư dạ dày.
3	Bestdocel 80	Docetaxel 80 mg/2ml	
4	Bigemax 1g	Gemcitabin 1 g	Dùng trong điều trị ung thư phổi, ung thư tụy, ung thư bàng quang, ung thư vú
5	Bigemax 200	Gemcitabin 200 mg	
6	Biluracil 250	5- Fluorouracil 250 mg/5ml	Dùng trong điều trị ung thư đại tràng, ung thư trực tràng, ung thư vú, ung thư dạ dày, ung thư buồng trứng, ung thư cổ tử cung, ung thư bàng quang, ung thư gan và tụy
7	Biluracil 500	5- Fluorouracil 500 mg/10ml	
8	Biluracil® 1g	5-Fluorouracil 1g	
9	Bocartin 150	Carboplatin 150mg/15ml	Dùng trong điều trị ung thư buồng trứng, ung thư phổi, ung thư đầu và cổ, u Wilms, u não, u nguyên bào thần kinh, ung thư tinh hoàn, ung thư bàng quang, u nguyên bào võng mạc tiến triển và tái phát ở trẻ em
10	Bocartin 50	Carboplatin 50mg/5ml	
11	Calcilinat F100	Acid Folinic 100 mg	Dùng trong điều trị ngộ độc, thiếu máu nguyên hồng cầu. Phối hợp với liệu pháp fluorouracil điều trị ung thư đại trực tràng muộn
12	Calcilinat F50	Acid Folinic 50 mg	
13	Canpaxel 100	Paclitaxel 100 mg/16,7 ml	Điều trị ung thư buồng trứng di căn khi các biện pháp điều trị thông thường đã thất bại hay bị chống chỉ định. Điều trị ung thư vú di căn khi liệu pháp thông thường đã thất bại hoặc không thích hợp
14	Canpaxel 150	Paclitaxel 150 mg/25 ml	
15	Canpaxel 30	Paclitaxel 30 mg/5 ml	
16	Canpaxel 300	Paclitaxel 300 mg/50	



Stt	Tên sản phẩm	Thành phần – Hàm lượng	Tác dụng điều trị
		ml	
17	Canpaxel® 250	Paclitaxel 250mg	
18	Doxurubicin Bidiphar 10	Doxurubicin 10mg/5ml	Dùng trong điều trị ung thư vú, phổi, bàng quang, tuyến giáp, buồng trứng, xương và sarcom mô mềm, các lymphom, u nguyên bào thần kinh, bướu Wilms, bạch cầu nguyên bào limpho cấp, bạch cầu nguyên bào tủy cấp
19	Epirubicin Bidiphar 10	Epirubicin 10mg/5ml	Dùng trong điều trị các loại ung thư sau: ung thư biểu mô vú, ung thư buồng trứng tiến triển, ung thư dạ dày, ung thư phổi tế bào nhỏ, ung thư biểu mô tế bào chuyển tiếp của bàng quang, ung thư biểu mô bàng quang nông tại chỗ, điều trị dự phòng tái phát đối với ung thư biểu mô bàng quang nông sau khi phẫu thuật nội soi
20	Etoposid Bidiphar	Etoposid 100 mg/5ml	Etoposid được dùng đơn độc hay thường kết hợp với các thuốc hủy khối u khác trong điều trị ung thư tinh hoàn kháng trị đã qua phẫu thuật, hóa trị liệu và điều trị bằng tia xạ. Thuốc cũng được thử nghiệm trong điều trị các khối u đặc khác bao gồm các khối u ở não, đường tiêu hóa, buồng trứng, tuyến ức, các khối u lá nuôi khi có thai và một số trường hợp ung thư ở trẻ em. Thuốc còn được sử dụng để điều trị u lympho, điều trị củng cố bệnh bạch cầu cấp không thuộc dòng lympho.
21	Irinotecan Bidiphar 100mg/5ml	Irinotecan HCl trihydrat 100mg/5ml	Dùng trong điều trị ung thư biểu mô di căn ruột kết hoặc trực tràng đã tái phát, biểu mô di căn ruột kết hoặc trực tràng trước đó không được điều trị, ung thư phổi tế bào không nhỏ và tế bào nhỏ, ung thư cổ tử cung, ung thư buồng trứng, ung thư dạ dày không thể mổ được hoặc tái phát, ung thư thực quản
22	Lyoxatin 100	Oxaliplatin 100mg/50ml	Dùng trong điều trị ung thư đại-trực tràng có di căn
23	Lyoxatin 150mg/30 ml	Oxaliplatin 150mg	
24	Lyoxatin	Oxaliplatin	

Stt	Tên sản phẩm	Thành phần – Hàm lượng	Tác dụng điều trị
	50mg/25ml	50mg/25ml	
25	Lyoxatin 50mg/10 ml	Oxaliplatin 50mg	
26	Lyoxatin F50	Oxaliplatin 50 mg	
27	Lyoxatin® 100mg/20 ml	Oxaliplatin 100mg	
28	Methotrexat Bidiphar 50mg/2ml	Methotrexat 50mg/2ml	Dùng trong điều trị ung thư lá nuôi, bệnh bạch cầu, ung thư vú, ung thư phổi, ung thư bàng quang, ung thư đầu và cổ, ung thư xương, bệnh vẩy nến, viêm khớp vẩy nến, viêm đa khớp dạng thấp, u sùi dạng nấm, u lympho ...

**- Nhóm thuốc tiêm đông khô<sup>1</sup>:**

Bidiphar là doanh nghiệp luôn tiên phong trong ứng dụng công nghệ mới là doanh nghiệp đầu tiên ứng dụng công nghệ đông khô với hệ thống thiết bị máy móc hoàn toàn tự động từ đầu vào đến đầu ra. Thuốc sau khi được đông khô và hút chân không, đóng nút được chuyển qua siết nắp nhôm, đảm bảo lọ thuốc tuyệt đối kín. Công suất dây chuyền: 24 triệu lọ/năm, hiện tại có 25 sản phẩm.

Các sản phẩm thuốc tiêm đông khô Bidiphar đang sản xuất như: Bidicozan, Neutrivit 5000, Hydrocortison,  $\alpha$ -chymotrypsin 5000, Tenoxicam 20mg, Oraptic, Soli-medon 40...

**- Nhóm thuốc tiêm kháng sinh:**

Với 2 dây chuyền  $\beta$ -lactam 1 &  $\beta$ -lactam 2, được xây dựng độc lập. Bidiphar đã sản xuất trên 35 triệu lọ kháng sinh/năm, với trên 30 sản phẩm.

Các sản phẩm thuốc tiêm kháng sinh Bidiphar đang sản xuất như: Bicefzidim, Cefotaxone, Tazopelin, Supzolin, Bironem, Oxacilin...

**- Nhóm thuốc viên:**

Gồm các dây chuyền non-  $\beta$ -lactam &  $\beta$ -lactam với các dạng bào chế: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên sủi bọt, viên ngậm, viên phóng thích kéo dài... Công suất 1 tỷ viên non-  $\beta$ -lactam và 500 triệu viên  $\beta$ -lactam/năm, với hơn 150 SP.

<sup>1</sup> Thuốc tiêm đông khô là các sản phẩm thuốc tiêm được sản xuất theo công nghệ đông khô. Đông khô là kỹ thuật làm khô do sự thăng hoa nước đá của các dung dịch, hỗn dịch, ... ở điều kiện nhiệt độ thấp, áp suất giảm. Mục đích của sản xuất thuốc theo phương pháp đông khô nhằm tăng độ ổn định, khắc phục được một số tương kỵ trong bào chế, độ vô trùng cao, điều chế thuốc tiêm không có chất bảo quản.

Các sản phẩm thuốc viên Bidiphar đang sản xuất như: Albinax, Aleucin, Augbidil, Bicebid, Bidiclor, Biragan...

**- Nhóm thuốc nhỏ mắt:**

Được thiết kế một chiều khép kín, với các cấp độ sạch nghiêm ngặt như sản xuất thuốc tiêm. Loại thuốc trước khi đưa vào hệ thống đóng dịch được súc rửa bằng nước cất sôi, làm khô bằng hút chân không, bảo đảm loại trừ hết vi sinh vật. Công suất 36 triệu lọ/năm.

Các sản phẩm thuốc nhỏ mắt Bidiphar đang sản xuất như: Biloxcin Eye, Biracin E, Gentamicin 0,3%, ...

**- Nhóm thực phẩm chức năng và đông dược:**

Nhằm sản xuất dược liệu quy mô công nghiệp theo tiêu chuẩn GACP – WHO, quản lý, bảo tồn và phát triển nguồn gen dược liệu và nhận thấy nhu cầu lớn từ các sản phẩm Thực phẩm chức năng nguồn gốc dược liệu, Bidiphar đã phát triển dự án nuôi trồng dược liệu tại xã vùng cao An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định với việc xây dựng trung tâm thực nghiệm nuôi cấy mô và vùng trồng các cây dược liệu, phát triển các sản phẩm Thực phẩm chức năng và Đông dược từ dược liệu.

Các sản phẩm chủ yếu như Bổ huyết ích não BDF, Amelicol, Calonate, Thìa canh Bidiphar, Bidivit AD, Biferon, ...

**Hình ảnh một số sản phẩm dược nổi bật của Công ty**

BDF – FDACell 50



Etoposid Bidiphar



Augbidil



Oraptic



Bestdocel



Lyoxatin



Bifumax



Latoxol



Altamin



Phospha Gaspain



Calonates



Albinax 70mg



Đối với hoạt động kinh doanh dược phẩm, Công ty vừa thực hiện bán sỉ vừa thực hiện bán lẻ, trong đó chủ yếu là bán sỉ đóng góp hơn 70% doanh thu của Công ty qua các năm. Trong hoạt động bán sỉ dược phẩm, Công ty sản xuất và phân phối thuốc qua hình thức đấu thầu kinh doanh thuốc cho các Sở Y tế và bệnh viện lớn trên toàn quốc như Sở Y tế Bình Định, Sở Y tế Phú Yên, Sở Y tế Nghệ An, Sở Y tế Thanh Hóa, Sở Y tế Quảng Trị, Sở Y tế Đà Nẵng, Sở Y tế Bình Thuận, Sở Y tế Bình Dương, Sở Y tế Đồng Nai, Sở Y tế Hải Phòng, Sở Y tế Hải Dương, Sở Y tế Đắk Nông, Bệnh viện Đại học Y, Bệnh viện TW Huế, Bệnh Viện Đại Học Y Dược Huế, Bệnh viện Vạn Phúc, ... Trong hoạt động bán lẻ dược phẩm, Công ty sản xuất và phân phối thuốc trực tiếp cho các đại lý thuốc, quầy thuốc tư nhân trên toàn quốc, Bidiphar không sở hữu trực tiếp các quầy thuốc và đại lý thuốc.

#### **✚ Hoạt động sản xuất, kinh doanh sỉ và lẻ thiết bị y tế**

Ngoài ra, Bidiphar cũng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực **hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị y tế**, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ mua bán trong nhiều năm liền với các nhà sản xuất lớn. Nguồn cung sản phẩm của Công ty luôn đa dạng và ổn định về số lượng và chất lượng. Các sản phẩm dịch vụ chính của Bidiphar về trang thiết bị y tế bao gồm:

- **Các mặt hàng do Bidiphar sản xuất:** máy cất nước từ 100 – 1000l/h; máy giặt, máy sấy quần áo công suất lớn; nồi hấp từ 75 – 2000l/h; tủ vi khí hậu; bếp sắc thuốc; lò đốt rác thải y tế; lavabo tiết trùng tự động từ 1 – 10 vòi; hệ thống cung cấp khí lạnh trung tâm; hệ thống cung cấp khí sạch cho phòng mổ. Các sản phẩm của Bidiphar được các Công ty dược, Bệnh viện, Trung tâm y tế trong cả nước tin dùng.
- **Cung cấp, lắp đặt thiết bị y tế chuyên dụng, đặc biệt là các hệ thống thiết bị dùng trong chẩn đoán hình ảnh:** hệ thống chụp cộng hưởng từ (MRI); hệ thống chụp cắt lớp điện toán (CT scanner); hệ thống X-quang, X-quang số hóa; hệ thống siêu âm; ... Các hệ thống thiết bị y tế này do Công ty mua từ các đối tác cung ứng uy tín trong nước.
- **Cung cấp hơn 3000 mặt hàng vật tư y tế tiêu hao trên cả nước:** trong đó có các sản phẩm nhập khẩu độc quyền như Găng tay Bidiphar Gloves (nhập khẩu trực tiếp từ đối tác Malaysia), máy đo huyết áp ALPK (nhập khẩu trực tiếp từ đối tác Nhật Bản) ...

#### **Hình ảnh một số thiết bị y tế nổi bật do Công ty sản xuất**

Tủ sấy tĩnh BDF



Nồi hấp tiết trùng chai nhựa



Nồi hấp tiết trùng





Máy rửa chai nhỏ mắt



Tủ vi khí hậu



Lò đốt chất thải rắn y tế



Máy cất nước đa hiệu ứng



Máy cất nước



Lavabor rửa tay tiệt trùng



- ✚ **Hoạt động kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì:** Bidiphar thực hiện nhập nguyên vật liệu (nút cao su, ống thủy tinh, chai nhựa) và bao bì (các loại nhãn hộp, hộp, màng nhôm, nhựa PVC) từ các đối tác cung ứng tin cậy và kinh doanh, phân phối cho một số doanh nghiệp trong nước. Doanh thu từ mảng hoạt động kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì đóng góp tỷ trọng nhỏ trong doanh thu của Công ty, khoảng 0,67% trong năm 2016.
- ✚ **Hoạt động kinh doanh khác:** bao gồm các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng đối với các trang thiết bị y tế do công ty sản xuất và kinh doanh. Doanh thu từ các mảng hoạt động kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Bidiphar là sản xuất và kinh doanh dược phẩm (đóng góp 89,91% doanh thu thuần năm 2017); và sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế (đóng góp 8,73% doanh thu thuần năm 2017). 02 hoạt động chính này đóng góp hơn 98,64% cơ cấu doanh thu thuần năm 2017, doanh thu từ các mảng hoạt động khác như kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì và kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể trong doanh thu của Công ty. **Do đó, trong Bản cáo bạch này, chúng tôi chỉ tập trung đánh giá và phân tích về 02 mảng hoạt động chính của Công ty.**

### 5.1.2. Cơ cấu doanh thu thuần các nhóm sản phẩm dịch vụ

#### Công ty Mẹ

NHÓM SẢN PHẨM – DỊCH VỤ	NĂM 2016		NĂM 2017		QUÝ I NĂM 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.384.902</b>	<b>100</b>	<b>1.388.227</b>	<b>100</b>	<b>348.384</b>	<b>100</b>
+ Dược phẩm	1.253.064	90,48	1.248.175	89,91	329.074	94,46
+ Thiết bị, vật tư y tế	120.566	8,71	121.231	8,73	16.931	4,86
+ Nguyên vật liệu, bao bì	9.255	0,67	16.884	1,22	2.275	0,65
+ Khác	2.017	0,15	1.937	0,14	104	0,03

*Nguồn: BCTC Công ty Mẹ đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Công ty Mẹ Quý I 2018 của Bidiphar*

#### Hợp nhất

NHÓM SẢN PHẨM – DỊCH VỤ	NĂM 2016		NĂM 2017		QUÝ I NĂM 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.384.902</b>	<b>100</b>	<b>1.388.227</b>	<b>100</b>	<b>348.384</b>	<b>100</b>
+ Dược phẩm	1.253.064	90,48	1.248.175	89,91	329.074	94,46
+ Thiết bị, vật tư y tế	120.566	8,71	121.231	8,73	16.931	4,86
+ Nguyên vật liệu, bao bì	9.255	0,67	16.884	1,22	2.275	0,65
+ Khác	2.017	0,15	1.937	0,14	104	0,03

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất Quý I 2018 của Bidiphar*

Hiện nay, Bidiphar sở hữu 03 công ty con đang trong quá trình thực hiện dự án đầu tư nên các công ty này chưa phát sinh doanh thu. Doanh thu thuần hợp nhất của Bidiphar hàng năm toàn bộ đến từ doanh thu thuần của Công ty Mẹ. Do đó, ở mục này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích doanh thu thuần hợp nhất của Bidiphar qua các năm.

Nhìn chung, quá trình phát triển của Bidiphar rất ổn định và có tính liên tục. Năm 2016 và năm 2017 tiếp tục là những năm phát triển ổn định của Công ty. Cụ thể, doanh thu thuần hợp nhất năm 2017 của Bidiphar đạt 1.388,2 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2016. Năm 2017, doanh thu thuần hợp nhất chỉ tăng nhẹ so với cùng kỳ do giá trúng thầu vào các cơ sở điều trị công lập như bệnh viện, trung tâm y tế, Sở y tế của Công ty giảm so với các năm trước để cạnh tranh với các đối thủ lớn trong và ngoài nước mặc dù số hợp đồng trúng thầu đã ký kết vẫn được duy trì. Để có thể cạnh tranh tốt hơn với các đối thủ trong cùng ngành, hiện tại, Bidiphar đang thực hiện đầu tư 03 dự án



bao gồm (i) Dự án nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar công nghệ cao (thuộc Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao do Bidiphar đầu tư 100% vốn), (ii) Dự án nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Non – Betalactam (thuộc Công ty TNHH Bidiphar Non – Betalactam do Bidiphar đầu tư 100% vốn), (iii) Dự án nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Betalactam (thuộc Công ty TNHH Bidiphar Betalactam do Bidiphar đầu tư 100% vốn) nhằm nâng cao chất lượng, công nghệ sản xuất cũng như tăng sản lượng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước. Nhờ vào lợi thế quy mô càng mở rộng sẽ giúp Công ty có thể tiết kiệm nhiều khoản chi phí trong vận hành như khâu mua nguyên liệu đầu vào, vận hành sản xuất và kinh doanh sản phẩm.

Doanh thu của Công ty được đóng góp từ hai mảng hoạt động chính là sản xuất kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế. Trong đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu với mức đóng góp bình quân giai đoạn 2016 – 2017 là hơn 90,19% trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty, đạt giá trị 1.248,1 tỷ đồng năm 2017. Doanh thu từ mảng kinh doanh trang thiết bị, vật tư y tế đóng góp trung bình khoảng 8,72% cơ cấu doanh thu của Bidiphar, đạt 121,2 tỷ đồng năm 2017. Doanh thu từ các mảng hoạt động khác đóng góp tỷ lệ không đáng kể trong nguồn thu của Công ty.

Doanh thu thuần hợp nhất Quý I năm 2018 của Công ty đạt 348,4 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,68% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm đóng góp 94,46% vào cơ cấu doanh thu thuần và vẫn tiếp tục là mảng hoạt động mang lại nguồn thu chính cho Công ty. Trong định hướng sắp tới, Công ty vẫn định hướng phát triển tập trung và chuyên sâu ngành mũi nhọn của mình là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

### 5.1.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp các nhóm sản phẩm dịch vụ

#### Công ty Mẹ

NHÓM SẢN PHẨM – DỊCH VỤ	NĂM 2016		NĂM 2017		QUÝ I NĂM 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>509.199</b>		<b>490.672</b>		<b>119.237</b>	
+ Dược phẩm	496.766	97,56	480.879	98,00	117.501	98,54
+ Thiết bị, vật tư y tế	10.014	1,97	7.526	1,53	1.232	1,03
+ Nguyên vật liệu, bao bì	1.037	0,20	1.825	0,37	448	0,38
+ Khác	1.383	0,27	443	0,09	56	0,05
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>137.022</b>		<b>157.414</b>		<b>40.559</b>	

*Nguồn: BCTC Công ty Mẹ đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Công ty Mẹ Quý I 2018 của Bidiphar*

## Công ty hợp nhất

NHÓM SẢN PHẨM – DỊCH VỤ	NĂM 2016		NĂM 2017		QUÝ I NĂM 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>509.199</b>		<b>490.672</b>		<b>119.237</b>	
+ Dược phẩm	496.766	97,56	480.879	98,00	117.501	98,54
+ Thiết bị, vật tư y tế	10.014	1,97	7.526	1,53	1.232	1,03
+ Nguyên vật liệu, bao bì	1.037	0,20	1.825	0,37	448	0,38
+ Khác	1.383	0,27	443	0,09	56	0,05
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>141.492</b>		<b>164.391</b>		<b>41.142</b>	

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất Quý I 2018 của Bidiphar*

Tương tự như khoản mục doanh thu thuần, lợi nhuận gộp hợp nhất của Bidiphar hàng năm đến từ lợi nhuận gộp của Công ty mẹ. Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2017 của Công ty giảm nhẹ 3,64% so với năm 2016 chủ yếu do sự tăng lên của chi phí nguyên vật liệu đầu vào dẫn đến giá vốn hàng bán trong năm 2017 tăng so với năm 2016. Các nguyên vật liệu đầu vào tăng lên chủ yếu do sự biến động tỷ giá ngoại tệ. Để giảm thiểu rủi ro biến động nguyên vật liệu, Công ty luôn có những chính sách dự trữ hàng tồn kho thích hợp để phòng ngừa những biến động này cũng như để phục vụ cho các hợp đồng đấu thầu thuốc vào các bệnh viện, trung tâm y tế, Sở Y tế lớn trên toàn quốc trong năm 2018.

Mặc dù lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2017 giảm nhẹ so với năm 2016, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2017 của Bidiphar vẫn duy trì sự tăng trưởng tích cực 16,18% so với năm 2016, đạt 164,4 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do việc quản lý hiệu quả các khoản chi phí trong quá trình hoạt động của Công ty. Các khoản chi phí của Công ty giảm mạnh trong năm 2017 chủ yếu đến từ sự giảm đi của chi phí bán hàng. Nguyên nhân giảm chủ yếu là do Công ty tiết giảm chi phí vận chuyển bằng cách kết hợp giao hàng trên cùng một tuyến đường và tiết giảm chi phí nhân viên bằng các biện pháp tăng năng suất, tăng sản lượng tiêu thụ, quản lý chặt chẽ chi phí cho các nhân viên thị trường theo đơn giá tiền lương gắn với hiệu quả kinh doanh...

Ngoài ra, lợi nhuận hợp nhất năm 2016 và 2017 của Bidiphar còn có thêm khoản lợi nhuận được chia từ công ty liên kết là Công ty cổ phần Cao su Bidiphar chuyên hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến mủ cao su. Khoản lợi nhuận từ công ty liên kết đóng góp tỷ lệ không đáng kể trong cơ cấu lợi nhuận hợp nhất của Công ty.

Tỷ lệ lợi nhuận gộp so với doanh thu thuần năm 2017 của Công ty đạt 35,34%, đây là mức rất tốt so với các doanh nghiệp trong ngành. Đây cũng được xem là một trong những điểm nhấn và lợi thế cạnh tranh của Công ty so với các doanh nghiệp trong ngành.

Lợi nhuận gộp hợp nhất Quý I 2018 đạt 41,1 tỷ đồng, tương đương so với cùng kỳ và đóng góp chủ yếu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Lợi nhuận gộp từ các mảng hoạt động khác đóng góp không đáng kể trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm là mảng hoạt động chính, đóng góp bình quân hơn 98,03% trong cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty. Lợi nhuận gộp hợp nhất từ mảng hoạt động trang thiết bị vật tư y tế đóng góp bình quân hơn 1,51% trong cơ cấu lợi nhuận gộp và 0,46% lợi nhuận gộp bình quân đến từ hoạt động kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì và các hoạt động khác.

## 5.2. Nguyên vật liệu

### Nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất kinh doanh dược phẩm, Bidiphar sử dụng nguồn nguyên vật liệu (hoạt chất, tá dược, bao bì) và hóa chất xét nghiệm đầu vào được cung cấp bởi cả thị trường trong và ngoài nước. Đối với nguyên liệu (hoạt chất, tá dược) và hóa chất xét nghiệm, Công ty nhập khẩu 100% từ nước ngoài. Nguyên vật liệu nhập khẩu từ các nhà cung cấp lớn như Crystal Pharma (Italia), Biofer (Tây Ban Nha), Nectar (Ấn Độ), Uquifa (Tây Ban Nha), Chemische Fabrik Berg GmbH (Đức), Haraeus Deuschaland GmbH & Co. KG (Đức), Phytion Biotec (Canada), ....

Đối với nguyên liệu trang thiết bị y tế, Công ty chủ yếu mua trong nước. Một số linh kiện quan trọng trong việc sản xuất trang thiết bị y tế được Công ty nhập khẩu trực tiếp từ các nước EU, Hàn Quốc, ... như động cơ cánh thoát từ để chế tạo bồn pha chế, bộ trao đổi nhiệt để chế tạo nồi hấp, ...

Việc lựa chọn nhà cung ứng là một trong những tiêu chí góp phần tạo nên sự ổn định về chất lượng cho sản phẩm. Các bộ phận phụ trách về nguyên vật liệu của Bidiphar có chức năng chọn mua và cung cấp đầy đủ, kịp thời nguyên liệu phù hợp tiêu chuẩn chất lượng với giá cả hợp lý cho sản xuất và nghiên cứu.

Các nhà cung cấp trên là các đối tác lâu năm, có những chính sách ưu đãi dành cho Bidiphar như:

- Chính sách chiết khấu khi mua hàng đạt doanh số hoặc số lượng lớn;
- Một số chủng loại sản phẩm được giữ giá tốt, giá ổn định trong thời gian ít nhất 1 năm;
- Nhà cung cấp thường xuyên liên hệ để tư vấn, giới thiệu các chủng loại vật tư và nguyên liệu mới, nguồn nguyên liệu mới để đa dạng và nâng cao chất lượng nguồn nguyên vật liệu;
- Hỗ trợ cung cấp mẫu, hồ sơ nghiên cứu.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu hóa dược, hóa chất xét nghiệm chính cho Công ty:

STT	Nhà cung cấp	Xuất xứ
1	Crystal Pharma	Italia
2	Biofer	Tây Ban Nha

STT	Nhà cung cấp	Xuất xứ
3	Nectar	Ấn Độ
4	Uquifa	Tây Ban Nha
5	Chemische Fabrik Berg GmbH	Đức
6	Heraeus Deutschland GmbH & Co.KG	Đức
7	Phyton Biotech	Canada
8	Sicor Societa Italianna Corticosteroidi	Italia
9	Xellia Pharmaceuticals ApS	Đan Mạch
10	Heraeus Deutschland GmbH & Co.KG	Đức
11	Teva Czech Industries S.R.O	Cộng Hòa Séc
12	Piramal Glass Ltd.	Ấn Độ
13	SGD Pharma India Limited, SGD SA	Pháp
14	Công ty CP Sản xuất Oai Hùng - Constantia	Việt Nam

Nguồn: Bidiphar

#### Sự ổn định của nguồn cung cấp

Trải qua suốt quá trình hoạt động, Bidiphar đã hợp tác và xây dựng được mối quan hệ truyền thống lâu dài với các nhà cung cấp dược liệu và trang thiết bị y tế trong và ngoài nước, đồng thời do là khách hàng tương đối lớn của các nhà cung cấp nói trên nên các nguồn cung cấp dược liệu và trang thiết bị y tế này khá ổn định về chất lượng và số lượng nhưng giá cả sẽ phụ thuộc vào biến động giá cả chung của thị trường.

Tình hình cung cấp nguyên liệu về dược phẩm và trang thiết bị y tế từ các nhà cung cấp cho Bidiphar hiện nay cũng rất thuận lợi. Nguyên liệu được nhập khẩu chính từ các đối tác nước ngoài có kinh nghiệm, uy tín, quy mô lớn và có tiềm lực tài chính nên các nguồn cung ứng luôn được đảm bảo về chất lượng, sản lượng và tính ổn định. Đối với nguồn cung cấp này, Bidiphar xác định sự cần thiết phải tiếp tục xây dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược để luôn đảm bảo duy trì được nguồn cung cấp nguyên vật liệu dược liệu và trang thiết bị y tế chất lượng và ổn định lâu dài.

Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách soát xét, đánh giá định kỳ hàng quý, hàng năm đối với những đối tác cung ứng trên nhằm đảm bảo giảm thiểu các rủi ro về nguồn cung cũng như chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào của nhà cung cấp.

#### Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận

Nguyên vật liệu, chủ yếu là dược liệu, chiếm tỷ trọng từ 40% đến 60% trong cơ cấu giá thành các loại sản phẩm của Công ty, chính vì vậy sự thay đổi giá của nguyên vật liệu tất yếu ảnh hưởng đến lợi nhuận do giá bán không thể điều chỉnh kịp thời trong ngắn hạn.

Bên cạnh đó, do bất ổn về thiên tai như lũ lụt, hạn hán và tình hình dịch bệnh trên thế giới trong giai đoạn 2016 - 2017 diễn biến phức tạp, nhiều dịch bệnh mới nổi và nguy cơ xâm nhập nước ta như dịch cúm gia cầm A(H5N1), A(H7N9) liên tục ghi nhận tại Trung Quốc, dịch viêm đường hô hấp khu vực Trung Đông (MERS-CoV), dịch bệnh Ebola, bệnh do vi rút Zika, bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, bại liệt, sởi, ... đã tác động đến việc gia tăng dự trữ nguồn dược liệu dự phòng của các quốc gia và làm gia tăng giá dược liệu. Sự biến động này tác động đến hầu hết các Công ty trong ngành và không thể né tránh, chính vì vậy hệ quả của sự biến động này là trong khoảng thời gian ngắn hạn sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của những đơn vị trong ngành, trong đó có Bidiphar. Về lâu dài giá bán sẽ được điều chỉnh phù hợp khi đó lợi nhuận sẽ không bị ảnh hưởng.

Với đặc điểm chung của ngành trong giai đoạn 2016 - 2017 khi giá cả nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí sản xuất khác đều tăng nhưng giá thuốc bán ra không thể gia tăng tương ứng do sự kiểm soát giá bán của nhà nước đã ảnh hưởng khá lớn đến giá vốn hàng bán của Bidiphar trong năm 2017. Tuy nhiên, nhờ việc tăng dự trữ nguyên vật liệu trong giai đoạn 2016 – 2017 giúp Công ty giảm thiểu việc tác động của biến động giá nguyên liệu đầu vào này. Ngoài ra, để góp phần hạn chế rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào, Công ty đã thiết lập và duy trì mối quan hệ uy tín đối với các nhà cung cấp lớn trên thị trường để đảm bảo có thể chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cả ổn định. Bên cạnh đó, Công ty luôn tăng cường công tác dự báo thị trường để chủ động trong việc xây dựng kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu đầu vào.

### 5.3. Chi phí sản xuất

#### Công ty Mẹ

KHOẢN MỤC	NĂM 2016		NĂM 2017		QUÝ I NĂM 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	% DTT	Giá trị (triệu đồng)	% DTT	Giá trị (triệu đồng)	% DTT
Giá vốn hàng bán	875.702	63,23%	897.555	64,65%	229.147	65,77%
Chi phí hoạt động tài chính	2.847	0,21%	9.757	0,70%	3.944	1,13%
Chi phí bán hàng	260.803	18,83%	210.957	15,20%	50.010	14,35%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	90.387	6,53%	92.777	6,68%	19.751	5,67%
Chi phí khác	187	0,01%	23	0,00%	0,002	0,00%
Tổng chi phí	1.229.926	88,81%	1.211.069	87,24%	302.852	86,93%

*Nguồn: BCTC Công ty Mẹ đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Công ty Mẹ Quý I 2018 của Bidiphar*



**Công ty hợp nhất**

KHOẢN MỤC	NĂM 2016		NĂM 2017		QUÝ I NĂM 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	% DTT	Giá trị (triệu đồng)	% DTT	Giá trị (triệu đồng)	% DTT
Giá vốn hàng bán	875.702	63,23%	897.555	67,07%	229.147	65,77%
Chi phí hoạt động tài chính	9.103	0,66%	10.811	0,78%	3.944	1,13%
Chi phí bán hàng	260.803	18,83%	210.957	15,20%	50.010	14,35%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	90.387	6,53%	92.777	6,68%	19.751	5,67%
Chi phí khác	187	0,01%	23	0,00%	0,002	0,00%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>1.236.182</b>	<b>89,26%</b>	<b>1.212.123</b>	<b>87,31%</b>	<b>302.852</b>	<b>86,93%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất Quý I 2018 của Bidiphar*

Nhìn chung, khoản mục chi phí của Công ty Mẹ khá tương đồng so với chi phí của Công ty hợp nhất. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất hợp nhất của Bidiphar là khoản mục giá vốn hàng bán (chủ yếu cho sản xuất dược phẩm), chiếm bình quân khoảng 65,36% trong cơ cấu chi phí của Công ty. Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần năm 2017 tăng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do sự tăng lên của chi phí nguyên vật liệu đầu vào dẫn đến giá vốn hàng bán trong năm 2017 tăng so với năm 2016, trong khi mức tăng trưởng doanh thu lại thấp hơn mức tăng của giá vốn hàng bán do giá trúng thầu bán vào các kênh bệnh viện và các Sở Y tế giảm nhằm cạnh tranh với các đối thủ khác trong cùng ngành. Sang Quý I năm 2018, tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần tiếp tục duy trì ở mức 65,77% so với doanh thu thuần, tương đương so với cùng kỳ.

Để phòng ngừa việc tăng cao của giá vốn hàng bán, Công ty đã chủ động trong việc dự trữ nguyên vật liệu đầu vào để tránh các rủi ro về biến động tỷ giá ngoại tệ. Trong thời gian tới, với lợi thế về việc mở rộng quy mô sản xuất, dây chuyền sản xuất hiện đại cùng nhân lực chất lượng cao, Công ty dự kiến sẽ tiếp tục duy trì được tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần ở mức bình quân 65%.

Mặc dù Công ty có khoản mục tiền mặt và khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn luôn duy trì ở mức cao, nhưng vẫn có phát sinh khoản mục vay ngắn hạn, nguyên nhân là do Công ty tận dụng khoản tiền nhàn rỗi trong thời gian ngắn chưa phải thanh toán cho nhà cung cấp thì gửi tiết kiệm có kỳ hạn, khi nào phát sinh phải trả nhà cung cấp mà tiền bán hàng chưa về kịp thì vay ngắn hạn để thanh toán.

Trong cơ cấu chi phí sản xuất hợp nhất của Bidiphar, chi phí bán hàng hợp nhất chiếm tỷ trọng lớn thứ hai, chiếm bình quân khoảng 15,76% so với doanh thu thuần năm 2017 và có xu hướng giảm mạnh từ 260,8 tỷ đồng năm 2016 xuống còn 210,9 tỷ đồng năm 2017; nguyên nhân do Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên bán hàng theo hiệu quả nên khi giá trúng thầu vào các cơ sở



điều trị công lập giảm thì chi phí bán hàng giảm. Chi phí bán hàng trong Quý I năm 2018 chiếm 14,35% so với doanh thu thuần, giảm nhẹ so với cùng kỳ.

Các khoản chi phí khác bao gồm chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng cũng trực tiếp ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Nhìn chung, chi phí sản xuất của Bidiphar tương đương với chi phí của các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và các sản phẩm do Công ty sản xuất có khả năng cạnh tranh tốt trên thị trường.

#### 5.4. Trình độ công nghệ

Kiên định mục tiêu chiến lược lấy năng lực sản xuất làm nền tảng phát triển bền vững, nắm bắt kịp thời yêu cầu hội nhập quốc tế và cạnh tranh về chất lượng, Bidiphar luôn tập trung đầu tư, nâng cao trình độ trong sản xuất dược phẩm và trang thiết bị y tế với công nghệ tiên tiến, trang thiết bị hiện đại và đạt các tiêu chuẩn phục vụ sản xuất.

#### Đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm

Bidiphar đã và đang là một trong những doanh nghiệp dược đầu ngành tại Việt Nam với các sản phẩm chủ lực là kháng sinh và thuốc điều trị ung thư. Công ty tự hào đạt Top 03 doanh nghiệp sản xuất dược uy tín Việt Nam năm 2016 do Tổ chức xếp hạng Vietnam Report đánh giá và công nhận. Đồng thời, Công ty cũng là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng khoa học công nghệ trong việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong công tác quản lý, sản xuất và kinh doanh theo hình thức bán buôn và bán lẻ dược phẩm theo các tiêu chuẩn quốc tế:

- Công ty Dược trong nước đầu tiên nghiên cứu và sản xuất Thuốc tiêm kháng sinh (Năm 1992);
- Công ty Dược trong nước đầu tiên nghiên cứu và sản xuất Dung dịch tiêm truyền kháng sinh, Vitamin và Axit amin (Năm 1997);
- Công ty Dược trong nước đầu tiên nghiên cứu và ứng dụng công nghệ đông khô để sản xuất các thuốc đặc trị (Năm 2003);
- Công ty Dược trong nước đầu tiên nghiên cứu và sản xuất Thuốc điều trị bệnh Ung thư (Năm 2008);
- Công ty Dược tiên phong ứng dụng công nghệ đông khô + vô trùng + hệ thống cách ly khép kín (isolator) để sản xuất thuốc điều trị ung thư (Năm 2010).

Bidiphar hiện có 7 xưởng sản xuất thuốc chính tại trụ sở Công ty với 12 dây chuyền công nghệ sản xuất hiện đại và khép kín theo tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” của Tổ chức Y tế Thế giới GMP - WHO, bao gồm dây chuyền sản xuất thuốc tiêm đông khô, dây chuyền sản xuất thuốc tiêm kháng sinh, dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư, dây chuyền sản xuất thuốc viên, dây chuyền sản xuất thuốc nhỏ mắt, dây chuyền sản xuất viên nang mềm với các máy móc thiết bị trang bị mới 100% phần lớn được nhập khẩu từ Tây Ban Nha, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung

Quốc giúp đáp ứng chất lượng, công suất, phục vụ nhu cầu sản xuất và nghiên cứu phát triển các sản phẩm đặc trị; trong đó có các dây chuyền tiêu biểu như sau:

STT	Dây chuyền sản xuất	Mô tả
1	Dây chuyền sản xuất thuốc tiêm đông khô	Hệ thống thiết bị hoàn toàn tự động từ đầu vào đến đầu ra, sử dụng công nghệ tiệt khuẩn bằng nhiệt khô, nhiệt ẩm, công nghệ đông khô
2	Dây chuyền sản xuất thuốc tiêm kháng sinh	Với 2 dây chuyền $\beta$ -lactam 1 và $\beta$ -lactam 2 được xây dựng độc lập; tự động hóa từ khâu xử lý chai lọ đến đóng thuốc vào lọ, đậy nút, khăn nắp.
3	Dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư	Tích hợp 3 công nghệ: công nghệ sản xuất thuốc vô trùng, công nghệ đông khô, công nghệ cách ly
4	Dây chuyền sản xuất thuốc viên	Gồm các dây chuyền non- $\beta$ -lactam và $\beta$ -lactam với các dạng bào chế: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao, viên sủi bọt, viên phóng thích kéo dài
5	Dây chuyền sản xuất thuốc nhỏ mắt	Được thiết kế 1 chiều, khép kín, với các cấp độ sạch nghiêm ngặt, sử dụng công nghệ sản xuất thuốc vô trùng.
6	Dây chuyền sản xuất viên nang mềm	Thiết bị hiện đại, hoàn toàn tự động, sử dụng công nghệ đồng hóa, công nghệ ép màng

Đặc biệt, trong những năm gần đây, Công ty đang tập trung đầu tư để nâng cao công suất và công nghệ sản xuất bằng việc thực hiện đầu tư các dự án nhà máy theo tiêu chuẩn GMP-EU/PICs, GMP WHO bao gồm Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư (bao gồm các sản phẩm thuốc điều trị ung thư dạng Tiêm, Viên), Nhà máy sản xuất dược phẩm thuốc Non-Betalactam (bao gồm các sản phẩm thuốc uống dạng rắn). GMP-PICs (Hướng dẫn thực hành tốt sản xuất thuốc của Hệ thống Hợp tác thanh tra dược phẩm) được biết đến như tiêu chuẩn chất lượng quốc tế được áp dụng xuyên suốt trong hệ thống và quá trình sản xuất dược phẩm của doanh nghiệp được tại 41 quốc gia phát triển tuân theo tiêu chuẩn này. Hiện nay có rất nhiều quốc gia phát triển lựa chọn GMP – PICs là một tiêu chuẩn dược phẩm chung để xuất nhập khẩu vì chất lượng dược phẩm được đảm bảo nhất quán giữa các quốc gia thành viên.

Với việc đầu tư mở rộng các nhà máy mới theo các tiêu chuẩn chất lượng nói trên sẽ giúp cho Bidiphar nâng cao tiêu chuẩn chất lượng sản xuất, tăng tính cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành trong và ngoài nước.

Ngoài ra, để đảm bảo thuốc đạt chất lượng khi đến tay người sử dụng, công ty đã triển khai và đạt các yêu cầu Thực hành tốt trong sản xuất, kiểm tra chất lượng, bảo quản, phân phối, bán lẻ. Cụ thể:

- Phòng kiểm nghiệm thuốc đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc” – GLP và ISO 17025, được trang bị các máy móc thiết bị kiểm nghiệm tiên tiến tối tân đáp ứng đầy đủ cho

nhu cầu kiểm nghiệm phục vụ cho việc sản xuất và bảo đảm chất lượng thuốc theo đúng tiêu chuẩn đã ký.

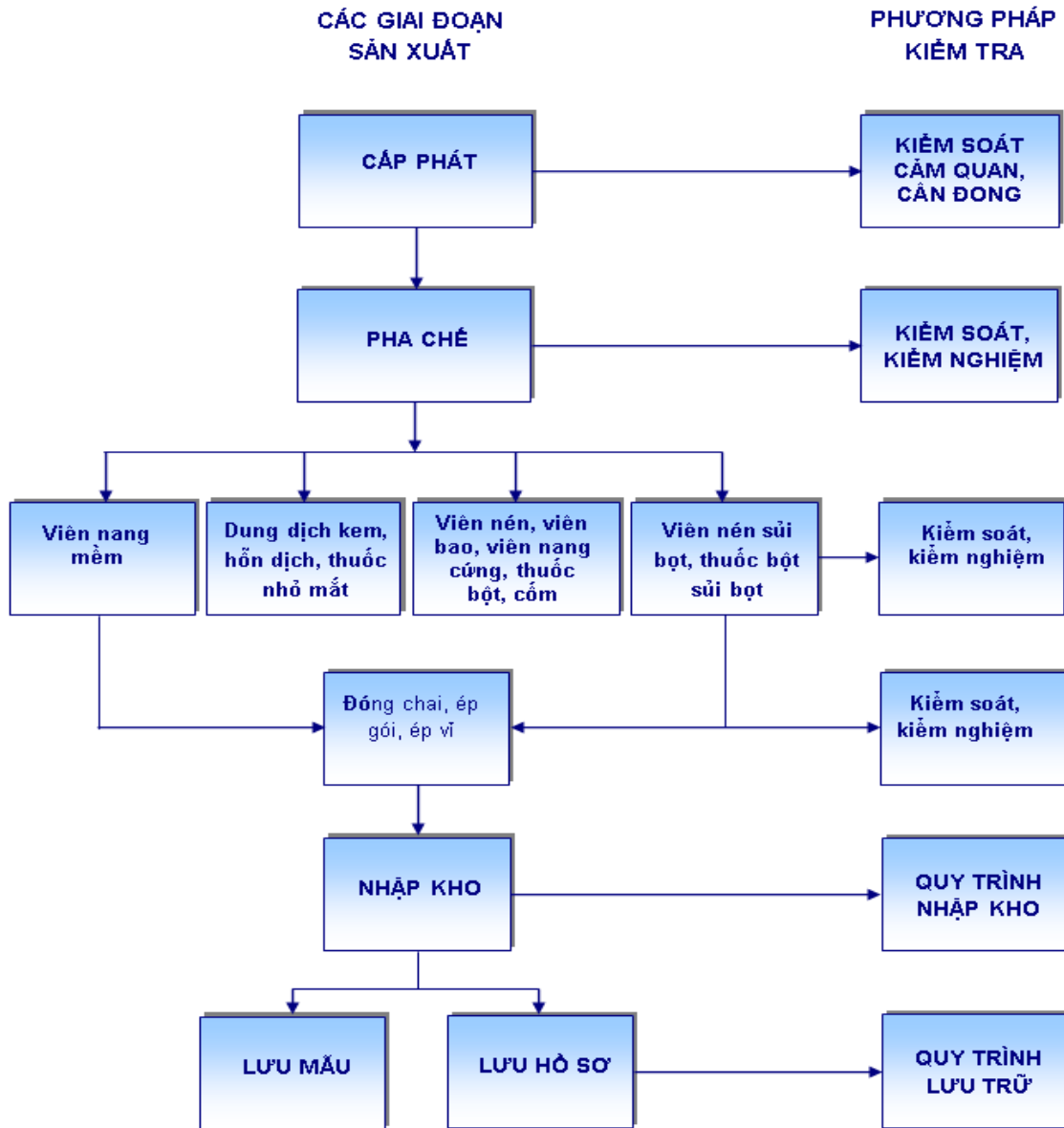
- Hệ thống kho bảo quản nguyên vật liệu, kho bảo quản sản phẩm đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt bảo quản thuốc” – GSP đáp ứng tốt nhu cầu bảo quản và tồn trữ dược liệu, thuốc thành phẩm đảm bảo duy trì chất lượng tối ưu.
- Hệ thống phân phối gồm 21 chi nhánh đạt chuẩn tiêu chuẩn “Thực hành tốt phân phối thuốc” - GDP và chuỗi nhà thuốc đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc” – GPP.

### Một số máy móc thiết bị sản xuất dược phẩm có trình độ công nghệ cao

STT	Tên	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (31/12/2017)
1	Hệ thống máy sắc ký lỏng	Nhật Bản	1	HT	2014	1.272.727.273	445.002.537
2	Máy đo độ hòa tan	Đức	1	HT	2014	1.598.772.000	702.595.808
3	Hệ thống máy tạo hạt	Anh	1	HT	2017	1.700.000.000	1.120.017.901
4	Hệ thống cách ly khép kín (ISOLATOR) sản xuất thuốc điều trị ung thư	Trung Quốc	1	HT	31/12/2016	10.645.060.000	8.866.035.856
5	Tủ vi khí hậu	Đức	1	HT	2015	691.818.182	430.569.947
6	Hệ thống máy sắc ký lỏng	Nhật bản	2	HT	2016	1.245.454.545	882.340.699
7	Máy sắc ký lỏng khối phổ	Nhật bản	1	HT	2015	3.800.000.000	2.356.934.376
8	Máy đếm tiểu phân	Mỹ	1	HT	2017	899.995.000	569.927.315
9	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao	Mỹ	1	HT	2015	1.130.909.091	680.094.644
10	Thiết bị quang phổ cầm tay	Nhật bản	1	Cái	2016	1.232.727.273	807.084.634
11	Nồi hấp tiệt trùng	Nhật bản	1	Cái	2016	159.090.909	110.099.705
12	Hệ thống rửa lọ - sấy tiệt trùng - đóng dịch - khăn nắp nhôm tự động	Châu Á	1	HT	09/10/2013	10.012.036742	-
13	Hệ thống rửa ống thủy tinh - sấy tiệt trùng - đóng dịch - hàn ống tự động	Châu Á	1	HT	31/12/2016	8.101.942.909	5.393.916.454
14	Máy đông khô LYO-6.0	Trung Quốc	1	Cái	31/12/2008	8.612.404.76	-
15	Máy đông khô GZL6	Trung Quốc	1	Cái	10/03/2005	564.500.000	-

STT	Tên	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (31/12/2017)
16	Máy đông khô 10m <sup>2</sup>	Trung Quốc	1	Cái	08/08/2012	6.929.102.994	-
17	Máy đông khô 15m <sup>2</sup>	Trung Quốc	1	Cái	31/12/2015	8.749.280.054	2.836.524.584
18	Hệ thống pha chế dung dịch thẩm phân	Việt Nam	1	HT	29/11/2012	1.285.453.000	-
19	Hệ thống - đóng dịch - khăn nắp tự động	Đài Loan	1	Cái	03/12/2014	2.282.855.173	-
20	Hệ thống pha chế - đóng nang mềm liên hoàn	Hàn Quốc	1	HT	01/04/2009	2.213.175.800	-
21	Máy dập viên tâm sai	Pháp	1	Cái	08/03/2008	429.624.000	-
22	Máy dập viên quay tròn 31 chày	Đài Loan	1	Cái	01/09/2014	7.355.097.655	-
23	Máy bao phim	Trung Quốc	2	Cái	25/03/2008	791.600.000	-
					01/01/2014	853.480.000	-
24	Máy đóng nang tự động	Trung Quốc	1	Cái	05/01/2004	260.000.000	-
25	Máy sấy tầng sôi	Việt Nam	1	Cái	03/08/2011	3.527.438.000	-
26	Máy ép vi	Việt Nam	2	Cái	01/07/2014	2.470.139.232	-
					01/08/2012	2.310.422.000	-
27	Máy trộn siêu tốc	Trung Quốc	1	Cái	05/11/2008	555.819.000	-
28	Máy đóng gói CKC	Đài Loan	2	Cái	01/01/2008	363.731.500	-
					08/06/2011	449.780.000	-
29	Máy đóng gói Volpack	Tây Ban Nha	1	Cái	31/07/2016	2.810.762.000	1.479.617.883

Quy trình sản xuất và kiểm nghiệm dược phẩm của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



✚ Đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế

Bên cạnh các hoạt động sản xuất dược phẩm, trong hoạt động sản xuất trang thiết bị y tế, Công ty thực hiện sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và được chứng nhận bởi tổ chức Bureus Veritas Việt Nam. Các sản phẩm thiết bị y tế do Bidiphar sản xuất là các thiết bị phổ thông trong y tế nên Bộ KH&CN không cấp đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, sáng chế và bản quyền đối với các sản phẩm này.

Tuy nhiên, đối với trang thiết bị y tế Isolator (Buồng pha chế được cấp sạch A) được Viện Trang thiết bị và Công trình Y tế thuộc Bộ Y Tế đánh giá và phân loại là trang thiết bị y tế loại A theo Quyết định số 36/170000001/PCBBPL-BYT. Isolator là thiết bị chuyên dụng dùng để tạo ra không gian cách ly giữa con người và môi trường làm việc có các vi khuẩn, hóa chất độc hại, ...

tránh cho người làm việc tiếp xúc với hóa chất, vi khuẩn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của kỹ thuật viên trong quá trình sản xuất, điều chế thuốc ung thư. Hiện nay, tại Việt Nam chưa có đơn vị nào sản xuất thiết bị Isolator mà chủ yếu là thương mại và nhập khẩu thiết bị về để cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng; hoặc các đơn vị sản xuất mua cả dây chuyền sản xuất trong đó có Isolator cách ly. Vì thế để đáp ứng được nhu cầu sản xuất trong nước, Bidiphar đã tìm hiểu, nghiên cứu và chế tạo thành công thiết bị cách ly (Isolator) để phục vụ cho việc nghiên cứu, điều chế hoặc phân liều thuốc điều trị ung thư thay thế cho thiết bị ngoại nhập.

#### 5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nhận thức được tầm quan trọng và cần thiết của công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm, hàng năm, Bidiphar đều dành một khoản kinh phí phục vụ cho công tác này. Phòng Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm của Bidiphar được trang bị các thiết bị hiện đại cùng với đội ngũ nghiên cứu giàu kinh nghiệm và có tính chuyên môn cao.

#### Đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm

Để nắm bắt nhu cầu thị trường và định hướng sản phẩm dược phẩm, Bidiphar tích cực đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở thực hiện đúng các quy trình về khảo sát thị trường, xây dựng các tiêu chí lựa chọn khách hàng mục tiêu, dự kiến chương trình quản trị thương hiệu, từ đó định hướng chiến lược sản phẩm, kiểm soát các hoạt động thiết kế bao bì sản phẩm, đảm bảo mục tiêu phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng đồng thời mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

Trong hoạt động nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dược mới, giai đoạn 2012 – 2017, Công ty đã có các công trình nghiên cứu cấp tỉnh, cấp Nhà nước, đưa ra các sản phẩm được Bộ Y Tế đăng ký lưu hành đóng góp vào sự phát triển ngành dược phẩm và góp phần bình ổn giá thuốc trên thị trường dược tại Việt Nam.

#### Các công trình nghiên cứu sản xuất thuốc tiêu biểu của Bidiphar

TT	Tên đề tài/dự án	Cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Tình trạng	Sản phẩm nghiên cứu	Sản phẩm đã sản xuất và bán ra thị trường
1	Đề tài “Nghiên cứu tối ưu hóa công thức và đánh giá tương đương sinh học viên nén Gliclazid 60mg phóng thích kéo dài”	Cấp tỉnh	2012-2014	Đã nghiệm thu	Gliclazid 60mg	Gliclazid 60mg
2	Dự án “Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thuốc tiêm đông khô carboplatin quy mô công nghiệp”	Cấp Nhà nước	2011-2014	Đã nghiệm thu	Thuốc tiêm carboplatin	Bocartin 150mg Bocartin 50mg



TT	Tên đề tài/dự án	Cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Tình trạng	Sản phẩm nghiên cứu	Sản phẩm đã sản xuất và bán ra thị trường
3	Dự án “Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm và sản xuất thực phẩm chức năng từ Hàu”	Cấp Nhà nước	2011-2014	Đã nghiệm thu	Mister Pro	Mister Pro
4	Đề tài “Nghiên cứu sản xuất viên nang thực phẩm chức năng từ sụn cá mập để phục vụ và chăm sóc sức khỏe công đồng”	Cấp tỉnh	2012-2014	Đã nghiệm thu	Calonate	Calonate
5	Dự án “Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất viên nang phóng thích có kiểm soát Diltiazem quy mô công nghiệp”	Cấp Nhà nước	2014-2015	Đã nghiệm thu	Diltiazem	Đang chờ Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành sản phẩm
6	Dự án “Trồng dược liệu sạch theo tiêu chuẩn Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái (GACP) tại xã An Toàn, huyện An Lão”	Cấp Nhà nước	2014-2019	Đang thực hiện	Đang trồng khảo nghiệm một số cây dược liệu như Thìa canh, Đương quy Nhật Bản, Chè dây, Cà gai leo	Chưa có sản phẩm
					- Lắp đặt dây chuyền sản xuất thuốc tiêm và thuốc viên điều trị ung thư	Chưa có sản phẩm
					- Chế tạo thiết bị chuyên dụng (Isolator) để pha chế thuốc điều trị ung thư	Chưa có sản phẩm

TT	Tên đề tài/dự án	Cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Tình trạng	Sản phẩm nghiên cứu	Sản phẩm đã sản xuất và bán ra thị trường	
7	Dự án “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định”	Cấp Nhà nước	2014-2019	Đang thực hiện	- Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất thuốc tiêm Epirubicin; Doxorubicin;	Chưa có sản phẩm	
					- Cisplatin; Irinotecan; Methotrexat; Vinorelbin; Folate Calci để điều trị ung thư		
					- Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất thuốc tiêm đông khô Epirubicin; Ifosfamid, Bleomycin để điều trị ung thư		Chưa có sản phẩm
					- Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên Letrozole; Anastrozol; Capecitabine		Chưa có sản phẩm
					- Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thuốc tiêm: Fluorouracil, Docetaxel, Paclitaxel, Etoposid; và thuốc tiêm đông khô: Biluracil; Bestdocel; Canpaxel; Etoposid; BDF-Fdacel; Lyoxatin		

Nguồn: Bidiphar

### Một số giải thưởng Bidiphar đạt được giai đoạn 2015 – 2017

TT	Năm	Giải thưởng	Đơn vị chứng nhận	Quyết định công nhận
1	2015	Bằng khen VCCI đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam 2015	Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam	3102/PTM-TĐKT ngày 01/12/2015
2	2015	Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt	Ủy ban Trung ương - Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam	57-QĐ-TWH ngày 30/9/2015
3	2015	Giải Bạc chất lượng quốc gia năm 2015	Thủ tướng Chính phủ	311/QĐ-TTg ngày 26/02/2016
4	2016	100 Thương hiệu Việt bền vững	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng phát triển thương hiệu Việt	01/TB-THV ngày 04/01/2016
5	2016	Top 10 Doanh nghiệp sản xuất Dược uy tín tại Việt Nam	Tổ chức xếp hạng Vietnam Report	79/VNR-2016 ngày 25/10/2016
6	2016	Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam năm 2016	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	1038/QĐ-LHHVN ngày 28/12/2016
7	2017	Giải Vàng chất lượng quốc gia năm 2017	Thủ tướng Chính phủ	43/QĐ-TTg ngày 13/04/2018

Nguồn: Bidiphar

#### ❖ Đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế

Trong hoạt động nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới trong sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế, thiết bị cách ly Isolator do Bidiphar chế tạo đã đạt được Giải Nhì Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Bình Định lần thứ IX, Giải Ba Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật Toàn quốc lần thứ 13 và là đề tài khoa học cấp Nhà nước đã được nghiệm thu vào tháng 10/2017.

Bên cạnh nghiên cứu, sản xuất các thiết bị mới, Bidiphar luôn chú trọng trong công tác nghiên cứu, cải tiến các thiết bị đã cung cấp ra thị trường, với mục đích nâng cao tính năng sử dụng, phù hợp với các yêu cầu mới cũng như góp phần giảm giá thành sản xuất nhằm tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Các thiết bị đã được cải tiến và cung cấp ra thị trường phải kể đến như lò đốt rác thải rắn y tế (nâng cấp và thiết kế đáp ứng các thông số theo QCVN 02:2012-BNTMT của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định về tiêu chuẩn mới cho lò đốt rác thải y tế), nồi hấp tiệt trùng (cải tiến lại cơ cấu roăng làm kín buồng hấp và cải tiến hệ thống cửa), máy cất nước (cải tiến cụm carbo để giảm tiếng ồn khi máy hoạt động và thiết kế hệ thống đường ống của máy tinh gọn hơn để đảm bảo tính thẩm mỹ cũng như thuận tiện cho người sử dụng trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị). Ngoài các thiết bị trên, các thiết bị do Bidiphar sản xuất như: máy giặt, máy sấy quần áo,

lavabo tiệt trùng, bếp sắc thuốc, bồn pha chế, ... luôn được cải tiến để phù hợp với quy chuẩn hiện hành cũng như đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của khách hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời giảm giá thành để có thể cạnh tranh trên thị trường. Trong giai đoạn tới, đối với mảng sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế, Bidiphar chưa có kế hoạch nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới mà đặt mục tiêu cơ bản là cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có nhằm đáp ứng tốt nhất cho người tiêu dùng với giá cả hợp lý.

Để có thể ghi nhận thông tin về chất lượng và những góp ý cần cải thiện của các sản phẩm trang thiết bị y tế, Công ty thường tổ chức các cuộc khảo sát các khách hàng chính (bệnh viện, trung tâm y tế và các Sở Y tế) để ghi nhận lại các đánh giá của khách hàng về chất lượng của các trang thiết bị y tế hiện tại cũng như những điểm cần phải thực hiện bổ sung, nâng cấp. Đồng thời, trong quá trình sử dụng thực tế, nếu thấy các khách hàng này có phát sinh nhu cầu sử dụng các trang thiết bị mới để phục vụ chữa và điều trị bệnh, nhân viên kinh doanh của Công ty sẽ ghi nhận và báo lại cho Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển (R&D) và Phòng Kỹ thuật Công nghệ để phối hợp nghiên cứu và phát triển trang thiết bị theo nhu cầu của khách hàng.

#### 5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh loại hàng hóa đặc biệt, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người, Bidiphar thực hiện rất nghiêm ngặt quy trình quản lý chất lượng sản phẩm, bảo đảm việc cung ứng cho cộng đồng và xã hội những sản phẩm chất lượng, từ đó khẳng định vị thế và uy tín thương hiệu Bidiphar trên thị trường. Bidiphar nhiều năm qua đã không ngừng đổi mới và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các chuẩn mực chất lượng của khu vực và quốc tế nhằm đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, nâng cao uy tín và sức cạnh tranh của Công ty trong quá trình hội nhập.

#### Đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm

Sau khi được Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế Việt Nam cấp Sổ đăng ký sản phẩm cho sản xuất và lưu hành toàn quốc, Phòng Kiểm nghiệm Công ty sẽ đảm trách công việc kiểm tra chất lượng từ nguyên liệu đầu vào cho đến thành phẩm xuất xưởng, đảm bảo toàn bộ thành phẩm khi xuất xưởng đều đạt các tiêu chuẩn đã đăng ký. Bộ phận kiểm nghiệm của Bidiphar được đầu tư khá chuyên sâu với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại không những đạt các tiêu chuẩn về GLP – WHO của ngành mà còn đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005, thực hiện và cung cấp các kết quả thử nghiệm chính xác, phù hợp và được quốc tế thừa nhận.


Phòng Quản lý chất lượng thực hiện tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng theo các nguyên tắc của GMP-WHO bảo đảm hệ thống chất lượng hoạt động có hiệu lực và hiệu quả. Theo đó, hệ thống quản lý chất lượng của Bidiphar luôn cập nhật đầy đủ thông tin, tài liệu, hoạt động hiệu quả và đã được công nhận đạt các tiêu chuẩn quốc tế như sau:

- Tổ chức BVQI (Anh Quốc) chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

- Cục Quản lý Dược Việt Nam chứng nhận nhà máy đạt các tiêu chuẩn GPs WHO bao gồm GMP (Thực hành tốt sản xuất thuốc), GLP (Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc), GSP (Thực hành tốt bảo quản thuốc), GDP (Thực hành tốt phân phối thuốc) và GPP (Thực hành tốt nhà thuốc).
- Tổ chức VILAS (Việt Nam) công nhận chất lượng của Bộ phận Kiểm nghiệm thuốc phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

Đội ngũ cán bộ làm việc tại 02 bộ phận này được lựa chọn từ những nguồn nhân sự được đào tạo chuyên ngành phù hợp (dược sĩ, cử nhân hóa ...), được thường xuyên tiếp cận với tri thức mới, hiện đại, được học hỏi huấn luyện và trau dồi kỹ năng làm việc với các chuyên gia trong và ngoài nước có uy tín, được trang bị những thiết bị phân tích hiện đại nhất, đảm bảo cho xuất xưởng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Việc đảm bảo tiêu chuẩn hóa các hoạt động sản xuất, đo lường kiểm soát và quản lý chất lượng sản phẩm đầu vào, đầu ra theo quy định nghiêm ngặt của GMP WHO và các tiêu chuẩn ISO sẽ góp phần khẳng định chất lượng sản phẩm của Bidiphar. Đây là bước chuẩn bị về mặt chất lượng, tạo tiền đề cho sản phẩm của Bidiphar thâm nhập vào thị trường quốc tế.

 Đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế

Phân xưởng Cơ điện chịu trách nhiệm trong việc thẩm định, kiểm tra chất lượng thiết bị trước khi cung cấp ra thị trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do Bureau Veritas Vietnam cấp. Riêng đối với một số sản phẩm có chi tiết cần kiểm định theo quy định pháp luật (như nồi hơi, áp kế, van an toàn, ...) thì Công ty sẽ thuê các đơn vị kiểm định độc lập có tư cách pháp nhân (như Trung tâm Kiểm định 2 thuộc Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp – Bộ Công Thương, Chi Cục Đo lường Chất lượng tỉnh Bình Định) đến thẩm định, hiệu chuẩn theo đúng luật định.

### 5.7. *Hoạt động Marketing*

#### **Quảng bá thương hiệu**

Hoạt động quảng bá thương hiệu tại Bidiphar được chú trọng nhằm tạo dựng thương hiệu Việt mạnh với sứ mạng phát triển để đóng góp lợi ích cho xã hội và cộng đồng.

- Đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm

Bidiphar đã và đang là một trong những doanh nghiệp dược đầu ngành tại Việt Nam với các dòng sản phẩm chủ lực là kháng sinh và thuốc điều trị ung thư, tự hào là đơn vị đạt Top 10 doanh nghiệp sản xuất dược uy tín Việt Nam trong hai năm liên tiếp 2016 và 2017 do Tổ chức xếp hạng Vietnam Report đánh giá và công nhận.

Trong năm 2017, Phòng Marketing tiếp tục duy trì tham gia chương trình Hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng Cao tại Cần Thơ, Bình Định, Đồng Nai; tổ chức gặp mặt tri ân hơn 3.000 khách hàng khối OTC toàn quốc kết hợp với các chương trình xúc tiến bán hàng định kỳ của năm 2017. Đồng thời, Công ty cũng tiến hành hình thành nhóm khảo sát thị trường riêng biệt phục vụ cho công tác định hướng phát triển sản phẩm, chính sách chiến lược; thành lập mới 03 chi nhánh Bidiphar tại

Hải Phòng, Thanh Hóa và Phú Thọ; thành lập nhóm chuyên trách phát triển bán hàng thuốc điều trị ung thư ở 03 khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Đối với khối khách hàng ETC, Công ty tổ chức gặp mặt các khách hàng này thông qua các hội thảo, hội nghị chuyên ngành y tế và các sự kiện giới thiệu sản phẩm.

- Đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế

Để có thể quảng bá và đưa các sản phẩm trang thiết bị y tế đến người tiêu dùng, Bidiphar có chính sách cũng như phương thức quảng bá các trang thiết bị y tế do Công ty sản xuất qua các kênh như sau:

- Kênh truyền thống: Các sản phẩm trang thiết bị y tế được cung cấp chủ yếu cho các bệnh viện, Sở Y tế, Trung tâm Y tế cũng như các công ty dược phẩm. Lợi thế của Bidiphar là đơn vị sản xuất dược phẩm nên có sự liên hệ trực tiếp với các đơn vị này, từ đó tạo thuận lợi cho việc giới thiệu và quảng bá các trang thiết bị do Bidiphar sản xuất và chế tạo.
- Kênh nội bộ: Bidiphar luôn tổ chức đào tạo định kỳ về chuyên môn cũng như xây dựng chính sách bán hàng hợp lý để thúc đẩy khả năng bán hàng của các chi nhánh trong Công ty cũng như phòng trang thiết bị.

Ngoài ra, trong năm 2016 - 2017, Bidiphar cũng đã đưa vào vận hành hệ thống nhận diện thương hiệu toàn Công ty kèm với việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông cho công tác phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng, tạo nên tảng cho thương hiệu Bidiphar trở nên quen thuộc với người tiêu dùng và giới điều trị, góp phần vào sự phát triển của Công ty.

### Sản phẩm

Công ty thiết lập trang web để giới thiệu sản phẩm dược và trang thiết bị y tế đến với người tiêu dùng với địa chỉ là [www.bidiphar.com](http://www.bidiphar.com). Các sản phẩm của Công ty phong phú về chủng loại, chất lượng đạt theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm cung cấp đến người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng với giá cả phù hợp.

### Hệ thống phân phối

Công ty sử dụng các hệ thống chi nhánh trong và ngoài tỉnh, cũng như các điểm bán hàng qua kênh truyền thống để phân phối các sản phẩm dược và trang thiết bị y tế của mình.

Bidiphar có hệ thống phân phối chuyên nghiệp phủ rộng khắp lãnh thổ Việt Nam qua các kênh OTC/ETC, trong đó chủ yếu cung cấp qua kênh ETC cho các Sở Y tế (Sở Y tế Bình Định, Phú Yên, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Trị, Đà Nẵng, Bình Thuận, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Đắk Lắk, Hải Phòng, Hải Dương, ...) và các bệnh viện lớn trên toàn quốc (Bệnh viện Đại học Y, Bệnh viện TW Huế, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế, Bệnh viện Vạn Phúc, ...). Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh trực thuộc để trực tiếp phân phối, cụ thể:

- 06 chi nhánh trong tỉnh bao gồm chi nhánh Quy Nhơn, chi nhánh Tuy Phước, chi nhánh An Nhơn, chi nhánh Hoài Nhơn, chi nhánh Tây Sơn, chi nhánh Phù Cát.



- 15 chi nhánh ngoài tỉnh bao gồm chi nhánh Hà Nội, chi nhánh Phú Thọ, chi nhánh Hải Phòng, chi nhánh Tp. HCM, chi nhánh Đồng Nai, chi nhánh Cần Thơ, chi nhánh Tiền Giang, chi nhánh Kiên Giang, chi nhánh Thanh Hóa, chi nhánh Quảng Trị, chi nhánh Đắk Lắk, chi nhánh Đà Nẵng, chi nhánh Quảng Ngãi, chi nhánh Khánh Hòa, chi nhánh Nghệ An.

Hệ thống phân phối của Công ty được mở rộng phát triển từng bước vững chắc. Khi thị trường tại một địa phương đạt mức phát triển ổn định và đủ lớn, Công ty sẽ triển khai xây dựng và phát triển đội ngũ trình dược viên tại đó để hỗ trợ nhà phân phối trong chào hàng và nhận đơn đặt hàng các sản phẩm dược.

#### Chiến lược giá

- Đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm


Không lựa chọn phương châm giá rẻ làm cơ sở thực hiện mục tiêu tăng doanh số như một số công ty dược khác, Bidiphar xây dựng chính sách “giá cả hợp lý” trên cơ sở quyết tâm thực hiện chính sách chất lượng cao, ổn định và đồng nhất trong từng sản phẩm của mình. Với quy trình quản lý chất lượng sản phẩm hết sức nghiêm ngặt, sản phẩm Bidiphar hoàn toàn có thể cạnh tranh và thay thế hàng ngoại nhập với chất lượng ngang bằng và một mức giá bán hợp lý hơn.

Mức tăng trưởng bền vững của sản lượng và doanh số qua các năm của Bidiphar đã chứng tỏ sự thành công bước đầu trong chính sách giá của Công ty. Sản phẩm của Bidiphar vẫn được người tiêu dùng cả nước bình chọn là “Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao” hơn 10 năm liền.


- Đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế


Công ty luôn tâm niệm chất lượng là trên hết nhằm cung cấp các trang thiết bị y tế có chất lượng ra thị trường với giá cả phù hợp cho khách hàng. Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng trong công tác đầu tư nghiên cứu, cải tiến các thiết bị đã cung cấp ra thị trường với mục đích nâng cao tính năng sử dụng, phù hợp các yêu cầu mới, cũng như góp phần giảm giá thành sản xuất nhằm gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

#### 5.8. *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

-  Logo của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định có hình dáng:



-  Ý nghĩa của logo: Mang thông điệp thể hiện mong muốn cánh chim Bidiphar bay cao vươn ra thế giới, cung cấp dược phẩm, thiết bị y tế chất lượng cao.

-  Các nhãn hiệu dược phẩm của Công ty:

Nhãn hiệu hàng hóa của Bidiphar được ghi nhận vào sổ danh bạ nhãn hiệu hàng hóa quốc gia, có hiệu lực trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và được bảo hộ tổng thể. Ngoài ra, logo cánh chim Bidiphar của Công ty còn được cấp chứng nhận đăng ký từ năm 1998 đến nay cho các nhãn hiệu thuốc do Công ty sản xuất Danh mục nhãn hiệu đã được bảo hộ và chấp nhận bảo hộ như sau:

STT	Nhãn hiệu	Số GCN	Số Quyết định	Ngày cấp	Hiệu lực
1	Altamin	73417	6582/ QĐ-SHTT	06/07/2006	16/08/2024
2	Augbidil	156564	116/ QĐ-SHTT	06/01/2011	18/03/2019
3	Bestdocel	165425	13773/ QĐ-SHTT	10/06/2011	08/12/2019
4	Bicebid	151915	16567/QĐ-SHTT	14/9/2010	14/9/2020
5	Bidiphar	27361	1366/QĐ-SHTT	26/06/1998	31/01/2027
6	Bifucil	70174	A1510/QĐ-ĐK	16/02/2006	08/9/2024
7	Bifumax	148724	12448/ QĐ-SHTT	05/07/2010	17/02/2019
8	Biluracil	221801	16751/QĐ-SHTT	26/3/2014	26/3/2024
9	Biragan	142426	2960/QĐ-SHTT	9/02/2010	09/2/2020
10	Calonate	58946	A9106/ QĐ-SHTT	08/12/2004	30/09/2023
11	Cefotaxone	56121	A5099/QĐ-ĐK	04/8/2004	04/4/2018
12	Kingdomin	149605	135161/QĐ-SHTT	20/7/2010	20/7/2020
13	Kydheamo	148933	12699/QĐ-SHTT	07/7/2010	07/7/2020
14	Lyoxatin	163503	9006/ QĐ-SHTT	13/05/2011	02/12/2019
15	Neucotic	178800	3291/QĐ-SHTT	02/02/2012	02/02/2022
16	Neutrivit	33811	0816/QĐNH	21/4/2000	14/12/2018
17	Oraptic	155060	22251/QĐ-SHTT	23/11/2010	14/05/2019
18	Phospha Gaspain	217169	72291/ QĐ-SHTT	25/12/2013	09/08/2022
19	Soli-Medon	92678	19087/QĐ-SHTT	06/12/2007	09/11/2025
20	Claritab	64376	A7053/QĐ-ĐK	04/7/2005	19/3/2024
21	Bifacold	41659	2149/QĐ-SHTT	13/6/2002	27/02/2021
22	Bidicozan	54105	A2115/QĐ-ĐK	11/5/2004	13/3/2023
23	Ceftrione	56626	A9104/QĐ-ĐK	25/8/2004	21/3/2023
24	Aleucin	58944	A9104/QĐ-ĐK	08/12/2004	30/9/2023
25	Neutrifore	61016	A2134/QĐ-ĐK	14/3/2005	28/11/2023

STT	Nhãn hiệu	Số GCN	Số Quyết định	Ngày cấp	Hiệu lực
26	Amelicol	60956	A2017/QĐ-ĐK	10/3/2005	28/11/2023
27	Bifradin	63746	A6110/QĐ-ĐK	15/6/2005	08/01/2024
28	Biresort	72348	A4926/QĐ-ĐK	29/5/2006	30/11/2024
29	Bidisamin	73045	5945/QĐ-SHTT	19/6/2006	27/10/2024
30	Biloxcin	68497	A12775/QĐ-ĐK	30/11/2005	14/7//2024
31	Bicefzidim	87888	13112/QĐ-SHTT	07/9/2007	25/01/2025
32	Ace-cold	88495	13813/QĐ-SHTT	14/9/2007	19/4/2025
33	Nudipyl	90292	15964/QĐ-SHTT	11/10/2007	01/6/2025
34	Biracin	69274	A54/QĐ-ĐK	03/01/2006	05/8/2024
35	Bifotirin	113616	23687/QĐ-SHTT	12/11/2008	23/8/2027
36	Bifehema	109808	19268/QĐ-SHTT	24/9/2008	13/6/2026
37	Hokminseng	113600	23671/QĐ-SHTT	12/11/2008	04/01/2027
38	Bipisyn	145233	7870/QĐ-SHTT	20/4/2010	20/4/2020
39	Bidiplex	54097	A2067/QĐ-ĐK	10/5/2004	13/3/2023
40	Celerzin	71890	A4209/QĐ-ĐK	10/5/2006	03/11/2024
41	Eyetamin	149362	13179/QĐ-SHTT	14/7/2010	17/02/2019
42	Bisikon	149903	13836/QĐ-SHTT	22/7/2010	17/02/2019
43	Cefubi	152407	17325/QĐ-SHTT	29/9/2010	14/5/2019
44	Bidiferon	152771	17879/QĐ-SHTT	12/10/2010	01/4/2019
45	Bidimoxy	153745	19161/QĐ-SHTT	01/11/2010	01/4/2019
46	Biceflexin	153746	19162/QĐ-SHTT	01/11/2010	01/4/2019
47	Bidiclor	153747	19163/QĐ-SHTT	01/11/2010	01/4/2019
48	Bidicorbic	153765	19192/QĐ-SHTT	01/11/2010	01/4/2019
49	Tocimat	154071	21127/QĐ-SHTT	8/11/2010	14/5/2019
50	Kingloba	160300	4960/QĐ-SHTT	23/3/2011	09/7/2019
51	Bidacin	162400	7579/QĐ-SHTT	22/4/2011	03/8/2019
52	Canpaxel	165487	13840/QĐ-SHTT	13/6/2011	08/12/2019
53	Bigemax	165488	13841/QĐ-SHTT	13/6/2011	08/12/2019
54	Bicanma	164413	11599/QĐ-SHTT	26/5/2011	03/02/2020

STT	Nhãn hiệu	Số GCN	Số Quyết định	Ngày cấp	Hiệu lực
55	Bocartin	171558	33418/QĐ-SHTT	12/9/2011	15/01/2020
56	Bicefdox	173890	40636/QĐ-SHTT	19/10/2011	03/02/2020
57	Sunewtam	174130	41871/QĐ-SHTT	25/10/2011	21/4/2020
58	Ircovas	177019	51818/QĐ-SHTT	13/12/2011	15/12/2020
59	Tozinax	177869	55241/QĐ-SHTT	29/12/2011	26/5/2020
60	Spobavas	171007	31845/QĐ-SHTT	05/9/2011	09/12/2019
61	Supzolin	178775	3266/QĐ-SHTT	02/02/2012	21/5/2020
62	Bonevit	178593	2031/QĐ-SHTT	17/01/2012	02/6/2020
63	Clyodas	164725	12063/QĐ-SHTT	01/6/2011	03/8/2019
64	Ambidil	199526	6612/QĐ-SHTT	31/01/2013	01/12/2021
65	Glutaone	166609	17420/QĐ-SHTT	29/6/2011	12/4/2020
66	Calcilinat	205974	26528/QĐ-SHTT	20/5/2013	05/01/2022
67	Albinax	213385	54913/QĐ-SHTT	01/10/2013	19/01/2022
68	Mefomid	219638	8324/QĐ-SHTT	14/02/2014	10/8/2022
69	Tazopelin	235485	69002/QĐ-SHTT	17/11/2014	14/9/2022
70	Latoxol	187124	33456/QĐ-SHTT	27/6/2012	29/11/2020

Nguồn: Bidiphar

### 5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

#### Một số hợp đồng tiêu biểu đã được ký kết

STT	Khách hàng	Giá trị (VNĐ)	Sản phẩm	Hiệu lực hợp đồng	
				Năm 2017	Năm 2018
1	Sở Y tế Nghệ An	72.350.289.211	Dược phẩm	24/01/2017 – 31/12/2017	
2	Sở Y tế Thanh Hóa	13.500.000.000	Dược phẩm	01/01/2017 – 31/12/2017	
3	Sở Y tế Bình Dương	15.307.776.401	Dược phẩm	01/02/2017 – 31/12/2017	
4	Sở Y tế Đắk Lắk	13.685.581.260	Dược phẩm	06/06/2017 – 30/05/2017	

STT	Khách hàng	Giá trị (VNĐ)	Sản phẩm	Hiệu lực hợp đồng	
				Năm 2017	Năm 2018
5	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	85.458.541.310	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
6	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	3.968.536.900	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
7	Bệnh viện Tâm thần	6.249.657.460	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
8	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	17.492.038.800	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
9	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	18.497.380.480	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
10	Bệnh viện đa khoa khu vực Phú Phong	14.260.716.110	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
11	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	7.743.681.225	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
12	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	11.330.721.460	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
13	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	10.403.784.530	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
14	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	7.580.337.340	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
15	Trung tâm Y tế huyện Hoài Nhơn	4.706.690.415	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
16	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	4.078.937.880	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
17	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	5.672.138.680	Dược phẩm		16/06/2017 – 31/03/2018
18	Cty TNHH Đầu tư Phát Triển Kỹ Thuật Đông Nam	11.332.400.000	Trang thiết bị Y tế	24/09/2017	
19	Ban Quản lý Dự Án ĐTXD trực thuộc Sở Y Tế Tỉnh Kiên Giang	6.235.550.000	Trang thiết bị Y tế		17/01/2018

STT	Khách hàng	Giá trị (VNĐ)	Sản phẩm	Hiệu lực hợp đồng	
				Năm 2017	Năm 2018
20	Sở Y Tế tỉnh Bình Định	4.956.000.000	Trang thiết bị Y tế	23/12/2017	
21	Ban Quản lý Dự Án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	21.500.973.000	Trang thiết bị Y tế		12/02/2015 – 31/12/2018
22	Công ty DSM India	2.956.850.000	Nguyên vật liệu		01/05/2018
23	Công ty APC	3.541.200.000	Nguyên vật liệu		07/01/2018
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>362.809.782.462</b>	-	-	-

Nguồn: Bidiphar

## 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2016 đến nay

### 6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất

*Một số chỉ tiêu tài chính Công ty Mẹ trong các năm gần đây*

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng (giảm) 2017/2016	Quý I năm 2018
Tổng Tài sản	1.410.520	1.513.474	+7,30%	1.526.639
Vốn chủ sở hữu	749.290	802.294	+7,07%	839.525
Doanh thu thuần	1.384.902	1.388.227	+0,24%	348.384
LN gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.199	490.672	-3,64%	119.237
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	171.376	195.954	+14,34%	50.702
Tỷ suất LN gộp	36,77%	35,35%	-1,42%	34,23%
Lợi nhuận khác	37	666	+1.750,00%	10
LNTT	171.412	196.620	+14,71%	50.712
LNST	137.023	157.414	+14,88%	40.559



Cổ tức/mệnh giá	15%	15%	-	-
LNST/DTT	9,89%	11,34%	+1,45%	11,64%
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	11,06%	10,77%	-0,29%	2,67%
Tỷ suất LNST/ VCSH bình quân (ROE)	21,02%	20,29%	-0,73%	4,94%

Nguồn: BCTC Công ty Mẹ đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Công ty Mẹ Quý I 2018 của Bidiphar

### Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất trong các năm gần đây

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng (giảm) 2017/2016	Quý I năm 2018
Tổng Tài sản	1.434.260	1.544.190	+7,66%	1.557.938
Vốn chủ sở hữu	773.029	833.010	+7,76%	870.824
Doanh thu thuần	1.384.902	1.388.227	+0,24%	348.384
LN gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.199	490.672	-3,64%	119.237
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	175.844	202.930	+15,40%	51.285
Tỷ suất LN gộp	36,77%	35,35%	-1,42%	34,23%
Lợi nhuận khác	36	666	+1.750,0%	10
LNTT	175.881	203.596	+15,76%	51.295
LNST	141.192	164.391	+16,43%	41.142
Cổ tức/mệnh giá	15%	15%	-	-
LNST/DTT	10,20%	11,84%	+1,65%	11,81%
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	11,31%	11,04%	-0,25%	2,65%
Tỷ suất LNST/ VCSH bình quân (ROE)	21,32%	20,47%	-0,46%	4,83%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất Quý I 2018 của Bidiphar

Trong năm 2016, Bidiphar đã thực hiện tăng vốn từ 419,18 tỷ đồng lên 523,79 tỷ đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty. Song song với quá trình tăng vốn chủ sở hữu, tổng tài sản của Công ty cũng có sự tăng trưởng qua các năm. Cụ thể, trong năm 2017, tổng tài sản Công ty hợp nhất tăng 7,66% so với tổng tài sản ở thời điểm cuối năm 2016. Việc thực hiện tăng vốn nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh và đầu tư thành lập các công ty khoa học công nghệ do Bidiphar sở hữu 100% vốn.

Tại ngày 31/12/2016, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Bidiphar lần lượt là 1.384,9 tỷ đồng và 141,2 tỷ đồng. Sang năm 2017, doanh thu thuần hợp nhất tăng nhẹ so với năm 2016, đạt 97,3% so với kế hoạch năm 2017 chủ yếu do giá trúng thầu bán vào các cơ sở điều trị công lập như bệnh viện, trung tâm y tế và các Sở Y tế giảm so với các năm trước để cạnh tranh với các đối thủ trong ngành.

Mặc dù doanh thu thuần hợp nhất của Bidiphar năm 2017 chỉ tăng nhẹ so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty có sự tăng trưởng tích cực 16,18% so với năm 2016 và vượt kế hoạch đặt ra nhờ vào việc quản trị hiệu quả các khoản chi phí trong vận hành hoạt động của Công ty.

Với những đặc điểm của ngành, trong bối cảnh chung khi giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, các chi phí sản xuất khác đều gia tăng, nhưng giá thuốc bán ra không thể gia tăng tương ứng do sự kiểm soát giá bán của Nhà nước và giá đầu thầu vào các kênh bệnh viện ngày càng cạnh tranh đến từ các đối thủ lớn nước ngoài dẫn tới lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty giảm nhẹ trong năm 2017. Tuy nhiên, nhờ kiểm soát tốt các khoản chi phí, đặc biệt là chi phí bán hàng, mức lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty trong năm tăng trưởng tích cực 16,43% so với năm 2016 và vượt so với kế hoạch đặt ra của cổ đông Công ty.

Trong thời kỳ kinh tế có những dấu hiệu hồi phục tích cực, Bidiphar đã tiến hành tăng vốn sau đó đầu tư mở rộng quy mô hoạt động thông qua đầu tư mới các dự án ở các công ty con trực thuộc 100% vốn chủ sở hữu, chuyên đầu tư vào ngành dược công nghệ cao. Có thể thấy, Bidiphar đang có những bước đi vững chắc cho mục tiêu trở thành một trong những công ty sản xuất và kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế tốt nhất Việt Nam.

## 6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

### ➤ Những nhân tố thuận lợi

#### Những thuận lợi chung:

- Việc ký kết thành công Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership – CPTPP) của Việt Nam tạo nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước có thể thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài; có lợi thế hơn trong việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào với mức giá cạnh tranh; tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc xuất khẩu các sản phẩm dược ra các nước thành viên. Tuy nhiên, việc gia nhập CPTPP cũng tạo ra không ít thách thức trong việc cạnh tranh đối với các tập đoàn, doanh nghiệp dược lớn nước ngoài. Với việc đang mở rộng quy mô sản xuất, nâng cấp tiêu chuẩn nhà máy, cải tiến kỹ thuật công nghệ, chất lượng sản phẩm - dịch vụ của Bidiphar thì việc gia nhập CPTPP mang lại nhiều cơ hội cho Công ty trong việc liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài trong việc nhượng quyền kỹ thuật và thương hiệu một vài sản phẩm đã thành công trong nước.

- Bidiphar tiếp tục sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư, đạt các chuẩn GPs, lực lượng lao động được đào tạo, huấn luyện, luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, phân phối thuốc của doanh nghiệp.
- Chính phủ, Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược Việt Nam có những chính sách quốc gia thúc đẩy phát triển công nghiệp dược, khuyến khích hệ thống điều trị và các đối tác khách hàng quan tâm đến việc sử dụng thuốc sản xuất trong nước có chất lượng cao.
- Thương hiệu của Công ty tiếp tục khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế.
- Bên cạnh những thuận lợi khách quan đến từ các hiệp định thương mại, tình hình thị trường thuận lợi và các chính sách ưu đãi đối với ngành dược của Nhà nước còn có sự nỗ lực vươn lên trong hoạt động của tập thể lãnh đạo, người lao động và cổ đông trong Bidiphar. Nhằm mục tiêu đem lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao so với các doanh nghiệp dược khác trong nước.

#### **Năm 2015:**

- Trong năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc sáp nhập Bidiphar 1 vào Bidiphar. Việc thực hiện sáp nhập Bidiphar 1 vào Bidiphar giúp cho Công ty có thể hoàn thiện được chuỗi sản xuất, kiểm nghiệm dược phẩm và phân phối. Mục đích nhằm gia tăng được quy mô và tiềm lực tài chính để cạnh tranh với các đối thủ lớn trong cùng ngành, cũng như giảm bớt những khoản chi phí phát sinh khi 02 công ty hoạt động độc lập.

Trước đó, Bidiphar là thương hiệu nổi tiếng trong ngành dược với bề dày truyền thống gần 30 năm, được rộng rãi y bác sĩ và người tiêu dùng biết đến, có hệ thống phân phối rộng khắp trên toàn quốc, có vùng dược liệu hàng trăm ha nhưng lại không chủ động trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm do không có nhà máy sản xuất. Trong khi, Bidiphar 1 lại có nhà máy sản xuất thuốc với công nghệ tiên tiến, có hệ thống kiểm soát và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn WHO:GMP-GSP-GLP, đội ngũ CBCNV có trình độ kỹ thuật lành nghề, có kinh nghiệm và thâm niên công tác lâu năm, ý thức tổ chức kỷ luật cao nhưng lại không có hệ thống phân phối nên phụ thuộc hoàn toàn vào Bidiphar. Việc không có hệ thống phân phối riêng cũng làm Bidiphar 1 gặp nhiều bất lợi trong công tác đấu thầu.

- Nhờ vào đội ngũ nghiên cứu khoa học có trình độ kỹ thuật cao, có kinh nghiệm và thâm niên công tác lâu năm đã giúp cho Công ty phát triển được nhiều sản phẩm mới, có tính ứng dụng cao trong thực tế. Cụ thể, trong năm 2015, Công ty đã hoàn thành dự án cấp Nhà nước “Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất viên nang phóng thích có kiểm soát Deltiazem quy mô công nghiệp”. Đồng thời, Công ty cũng phát triển Dự án Trồng dược liệu sạch theo tiêu chuẩn GACP tại Bình Định nhằm đảm bảo chủ động trong việc sử dụng nguyên liệu cho công ty trong sản xuất.
- Trong năm 2015, Công ty cũng hoàn thành đưa vào ứng dụng giải pháp quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp ERP SAP, giải pháp công nghệ thông tin hiện đại của Đức đã mang lại khả

năng tiếp cận giải pháp quản trị ưu việt, cải thiện tính hiệu quả trong tác nghiệp, trong đó nổi bật là tiết kiệm chi phí và đáp ứng thông tin chính xác kịp thời các quyết định quản lý hiện tại của công ty, phù hợp với hiện trạng kinh doanh đa ngành nghề, khu vực địa lý rộng và nhiều đơn vị trực thuộc.

**Năm 2016:**

- Năm 2016, Bidiphar đã nhận được chấp thuận của Ban Quản lý Khu Kinh tế UBND tỉnh Bình Định trong việc đầu tư các dự án xây dựng các nhà máy sản xuất thuốc mới tại 03 công ty con do Bidiphar sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao, Công ty TNHH Bidiphar Non-Betalactam, Công ty TNHH Bidiphar Betalactam. Việc thực hiện đầu tư các dự án này giúp công ty nâng cao công nghệ kỹ thuật, năng lực sản xuất cũng như quy mô nhằm đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng của thị trường.
- Trong năm, Công ty tiếp tục thực hiện Dự án khoa học cấp nhà nước “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định”, dự án cũng đã nghiên cứu và đưa vào sản xuất thử nghiệm hơn 10 sản phẩm mới.
- Hoàn thành và đưa vào sử dụng Trung tâm nghiên cứu phát triển với các thiết bị hiện đại nhằm phục vụ định hướng phát triển nghiên cứu ứng dụng KHCN vào sản xuất và tạo tiền đề cho khả năng hợp tác phát triển với các đối tác khác.
- Mở rộng thị trường trong nước thông qua việc thành lập hệ thống chi nhánh mới, phục vụ định hướng phát triển thị trường OTC. Hình thành các Nhóm bán hàng chuyên trách phụ trách từng dòng sản phẩm riêng biệt từ khâu thiết kế sản xuất - truyền thông - bán hàng đã mang lại hiệu quả tích cực như các nhóm chuyên trách sản phẩm thuốc ung thư, nhóm chuyên trách sản phẩm mới ...
- Hoàn thành và đưa vào hệ thống nhận diện thương hiệu của công ty nhằm đảm bảo và khẳng định sự hiện diện công ty trên nhiều phương diện tích cực, đảm bảo sự tin cậy của khách hàng vào khả năng đáp ứng của công ty.

**Năm 2017:**

- Với mục tiêu nâng cao công nghệ và kỹ thuật sản xuất, trong năm 2017, Bidiphar đã ký kết hợp tác thành công với Tập đoàn Kyorin (Nhật Bản) về việc liên kết, hợp tác kỹ thuật chuyên môn sản xuất dược phẩm. Điều này mang đến nhiều thuận lợi cho sự phát triển về nghiên cứu và sản xuất cho Bidiphar, tạo điều kiện để tăng sức mạnh cạnh tranh với các đối thủ khác trong cùng ngành trên thị trường.
- Đồng thời, để có thể mang sản phẩm của mình đến nhiều đối tượng tiêu dùng hơn, trong năm, Công ty đã tiếp tục thành lập 03 chi nhánh mới tại Hải Phòng, Thanh Hóa và Phú Thọ.

- Việc thực hiện dự án sản xuất, nuôi trồng vùng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO (tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định) giúp cho Bidiphar có thể chủ động được nguồn nguyên liệu tại chỗ.

### ➤ Những nhân tố khó khăn

#### Những khó khăn chung

- Sự tham gia vào Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership – CPTPP) của Việt Nam cũng tạo ra không ít thách thức cho Bidiphar trong việc cạnh tranh với các đối thủ sản xuất dược lớn nước ngoài khi các chính sách bảo hộ các doanh nghiệp dược sản xuất trong nước phải gỡ bỏ.
- Từ sau 2017, Việt Nam sẽ ra khỏi danh sách các nước trong chương trình sử dụng vốn IDA của Ngân hàng Thế giới, các nguồn tài trợ không hoàn lại sẽ bị cắt dần và chuyển sang vay ưu đãi hoặc vay thương mại nước ngoài cho các dự án y tế. Như vậy, cấu phần chi cho y tế từ nguồn vốn không hoàn lại và ODA dự báo sẽ giảm mạnh trong thời gian tới. Điều này làm giảm hiệu quả ưu tiên của Chính phủ với việc phát triển ngành dược trong nước.
- Các quy định về ngành dược, quy chế đăng ký thuốc, quản lý môi trường,... ngày càng gắt gao đòi hỏi doanh nghiệp phải tập trung đầu tư nhiều hơn chi phí, thời gian thực hiện và kiểm soát để đáp ứng các yêu cầu.
- Sự phát triển tăng tốc của ngành dược đã thúc đẩy nhiều công ty, cá nhân đầu tư tham gia vào ngành này dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt về giá, lao động thường xuyên biến động ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của các công ty.

#### Giai đoạn 2015 -2016:

- Khó khăn về biến động tỷ giá, bất ổn về tình hình tài chính và chính trị thế giới ảnh hưởng nhiều đến sản xuất kinh doanh của Công ty do các nguyên vật liệu đầu vào, chủ yếu là dược liệu chiếm khoảng 40 -60% trong cơ cấu giá thành các loại sản phẩm dược của Công ty.
- Sự cạnh tranh gay gắt với các đối thủ trong và ngoài nước trong đấu thầu giá thuốc vào các cơ sở điều trị công lập.
- Một số dây chuyền thiết bị phục vụ sản xuất của Bidiphar đến kỳ cần đầu tư bổ sung nhằm hợp lý hóa dây chuyền, tăng chất lượng sản phẩm, gia tăng công suất đáp ứng nhu cầu thị trường, dẫn đến tăng chi phí trong giá thành sản phẩm những năm đầu.

#### Năm 2017

- Các chính sách quản lý Nhà nước về dược phẩm hiện tại đang có nhiều bất cập. Một số quy định hướng dẫn đấu thầu mua thuốc trong các cơ sở y tế gây khó khăn cho những doanh nghiệp dược đầu tư theo chiều sâu chất lượng, uy tín thương hiệu như Bidiphar. Trong khi đó, việc thanh toán công nợ của hầu hết các bệnh viện tỉnh ngày càng kéo dài với quy mô lớn. Điều này ảnh hưởng



rất lớn đến doanh thu trong năm 2017 của Bidiphar do hơn 70% doanh thu của Công ty đến từ kênh bán thuốc theo hình thức đầu thầu cho các bệnh viện và cơ sở y tế công lập.

- Sự cạnh tranh gay gắt về giá giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước, doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp nước ngoài và có vốn đầu tư nước ngoài có công nghệ hiện đại, tiềm lực tài chính mạnh, kinh nghiệm quốc tế, nguồn nhân lực có trình độ, cùng với tâm lý chuộng hàng ngoại là những nguyên nhân mà thuốc trong nước chỉ chiếm gần 50% thị phần cả nước và rất khó tăng thị phần. Con số này vừa thể hiện cơ hội, tiềm năng nhưng mặt khác là thách thức không nhỏ cho doanh nghiệp dược trong nước để tăng giá trị thuốc sản xuất trong nước chiếm 70% thị phần theo chủ trương của Chính phủ.

## 7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 7.1. Vị thế của công ty trong ngành

Bidiphar được thành lập từ năm 1980, đó là thời điểm bắt đầu từ những sản phẩm dược trị bệnh thông thường cho đến những sản phẩm có chất lượng cao như hiện nay, đó là chặng dài tích lũy phát triển cả về đầu tư cơ sở vật chất, tiền vốn và nhất là nghiên cứu sáng tạo phát triển các dòng sản phẩm thích hợp thị trường từng giai đoạn, để tạo ra các sản phẩm đặc trưng, truyền thống mang thương hiệu Bidiphar được rất nhiều người biết đến và tin dùng.

#### Về kết quả hoạt động kinh doanh

Với việc duy trì mức tăng trưởng ổn định và hiệu quả trong nhiều năm qua, Bidiphar đã không ngừng vươn lên lọt vào Top 10 công ty dược Việt Nam uy tín năm 2016 và năm 2017 – do Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) xét duyệt và công bố; Giải thưởng “Doanh nghiệp Thương mại & Dịch vụ tiêu biểu” năm 2016; Giải thưởng “Hàng Việt Nam Chất lượng Cao” từ năm 2004 đến 2017, Giải thưởng Vàng chất lượng quốc gia do Thủ tướng Chính phủ trao tặng năm 2017.

Giai đoạn 2015 -2017, Bidiphar đã đạt mức tăng trưởng khá hiệu quả về doanh thu và lợi nhuận, khẳng định là một trong những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả trong ngành dược phẩm Việt Nam. Cụ thể, doanh thu năm 2017 tăng trưởng nhẹ 0.24 % so với 2016 trong khi lợi nhuận sau thuế tăng trưởng tích cực 19,97% so với cùng kỳ.

#### Về hệ thống phân phối

Trong suốt hơn 39 năm hình thành và phát triển, Bidiphar đã xây dựng và phát triển một mạng lưới phân phối rộng khắp toàn quốc thông qua các chi nhánh trong tỉnh, ngoài tỉnh, các bệnh viện, Sở Y tế lớn trong cả nước, các quầy thuốc, đại lý thuốc tư nhân, ... góp phần cung cấp sản phẩm đến tay người tiêu dùng một cách thuận tiện nhất.

Ngoài ra, Công ty còn tích cực hợp tác, liên kết sản xuất một số sản phẩm với nhiều đối tác uy tín nước ngoài như tập đoàn Testa (Tây Ban Nha), tập đoàn Kyorin (Nhật Bản). Đây là một trong những lợi thế cạnh tranh của Bidiphar so với các doanh nghiệp trong ngành tại thời điểm hiện tại



## Về thương hiệu Bidiphar

Là đơn vị doanh nghiệp sản xuất nhỏ của một tỉnh miền Trung, Công ty đã cố gắng xây dựng thương hiệu của mình nhằm quảng bá sản phẩm và cạnh tranh trên thị trường cả nước. Cho đến nay Bidiphar cũng đã tạo lập cho mình những giá trị riêng biệt trên thị trường dược phẩm, tạo chỗ đứng uy tín và đã được Nhà nước và Chính phủ tặng thưởng nhiều giải thưởng cao quý: Đơn vị anh hùng lao động, Huân chương lao động, Huân chương Độc Lập, v.v. Sản phẩm của Công ty nhiều năm liền được bình chọn là Top ten các công ty dược uy tín. Ngoài ra, về mặt chất lượng thì sản phẩm của Bidiphar cũng được nhiều tổ chức trong và ngoài nước công nhận chứng chỉ về chất lượng: GMP - WHO, ISO, Chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao 2004 - 2017, Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng 2012, Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín, v.v...

## Về sản phẩm

Bidiphar tự hào là doanh nghiệp hàng đầu trong việc sản xuất các loại thuốc điều trị ung thư và kháng sinh với các sản phẩm được tin dùng tại các bệnh viện lớn và các Sở Y tế trên toàn quốc. Đồng thời, Công ty cũng là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng khoa học và công nghệ trong việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất như công ty dược đầu tiên trong nước nghiên cứu và sản xuất thành công dung dịch tiêm kháng sinh Gentamicin với chất lượng đạt tiêu chuẩn theo dược điển USP, BP (Năm 1992); Công ty dược tiên phong trong cả nước nghiên cứu, ứng dụng công nghệ bào chế thuốc tiêm bột đông khô (Năm 2003) và triển khai sản xuất các sản phẩm tiêu biểu như Soli-Meodon và Oraptic được Bộ Y Tế bình chọn là “Ngôi sao thuốc Việt” (Năm 2014); Công ty dược đầu tiên trong nước nghiên cứu và sản xuất thành công thuốc điều trị ung thư Carboplatin, dùng để điều trị ung thư buồng trứng (Năm 2010); Công ty đầu tiên trong cả nước được Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP-WHO cho dây chuyền sản xuất các loại thuốc điều trị ung thư như ung thư buồng trứng, ung thư bàng quang, ung thư vú, ung thư đại tràng, ung thư trực tràng, ung thư dạ dày, ung thư cổ tử cung, ung thư gan, ung thư tụy, ung thư phổi (Năm 2017).

### 7.2. Triển vọng phát triển của ngành

#### Sự hỗ trợ của Chính phủ trong phát triển ngành dược sản xuất trong nước

Theo Quyết định số 68/2014/QĐ-TTg ngày 10/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”, tổng quan về định hướng phát triển ngành Dược như sau:

- Đến năm 2020, 100% thuốc được cung ứng kịp thời cho nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh; phần đầu sản xuất được 20% nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất trong nước và hạn chế nhập khẩu nguyên liệu thuốc, thuốc sản xuất trong nước chiếm 80% tổng giá trị thuốc tiêu thụ trong năm, trong đó thuốc từ dược liệu chiếm 30%;
- Hoàn thiện chính sách thúc đẩy việc nghiên cứu, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, cung ứng thuốc thiết yếu, bảo đảm cho người dân có điều kiện tiếp cận, lựa chọn, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả với giá hợp lý.

- Đồng thời, ban hành chính sách ưu đãi đối với việc sản xuất, cung ứng và sử dụng thuốc generic, thuốc chuyên khoa đặc trị, thuốc có dạng bào chế đặc biệt, vắc xin, sinh phẩm; hạn chế nhập khẩu các loại nguyên liệu thuốc, thuốc generic mà Việt Nam đã sản xuất ...

Năm 2016, những thay đổi chính sách nhằm thúc đẩy sản xuất thuốc trong nước đã mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp sản xuất thuốc nội, đặc biệt là các công ty đã đầu tư vào việc nâng cấp tiêu chuẩn nhà máy. Theo đó, Luật Dược sửa đổi năm 2016 có hiệu lực từ tháng 01/2017 tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các nhà sản xuất thuốc trong nước từ đầu vào (ví dụ: thúc đẩy phát triển vùng nguyên liệu trong nước), sản xuất (ví dụ: đăng ký sản xuất thuốc generics sớm hơn) cho đến tiêu thụ (ví dụ: các doanh nghiệp trong nước được ưu tiên khi đấu thầu thuốc vào bệnh viện).

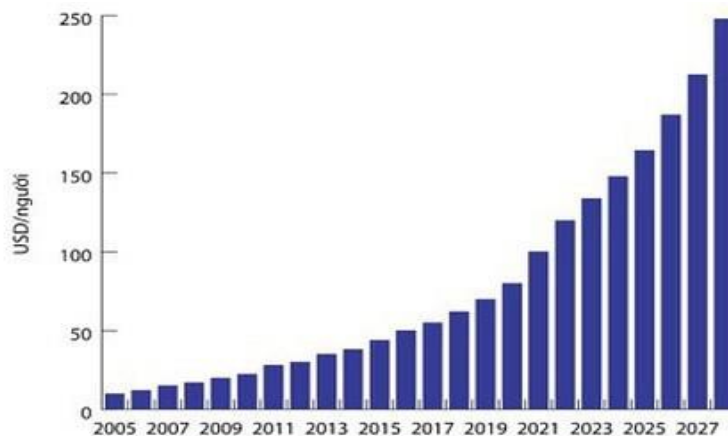
### Sự tham gia của Việt Nam vào Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

Việc ký kết thành công Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership – CPTPP) của Việt Nam tạo nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước có thể thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài; có lợi thế hơn trong việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào với mức giá cạnh tranh; tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc xuất khẩu các sản phẩm dược ra các nước thành viên. Tuy nhiên, việc gia nhập CPTPP cũng tạo ra không ít thách thức trong việc cạnh tranh đối với các tập đoàn, doanh nghiệp dược lớn nước ngoài.

### Tăng trưởng quy mô thị trường

Thị trường dược phẩm Việt Nam còn nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Cùng với sự gia tăng của chi tiêu bình quân đầu người, tổng tiền thuốc sử dụng và tổng giá trị tiền thuốc trong nước có xu hướng tăng trưởng mạnh hàng năm, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng GDP. Theo thống kê của Cục Quản lý Dược (Bộ Y tế), Việt Nam hiện là một trong những quốc gia nhập khẩu dược phẩm nhiều nhất thế giới và có thị trường dược phẩm tăng trưởng nhanh, bình quân 25%/năm trong giai đoạn vừa qua.

### Chỉ tiêu tiền thuốc bình quân đầu người tại Việt Nam từ năm 2005 và dự báo đến năm 2027



Nguồn: Business Monitor International - BMI

Các hoạt động sản xuất, kinh doanh và phân phối dược phẩm tại Việt Nam trong thời gian qua đều có xu hướng thay đổi tích cực. Theo báo cáo của Business Monitor International Ltd (BMI) về ngành dược Việt Nam, tốc độ tăng trưởng của ngành dược trong giai đoạn 2009-2013 đạt bình quân 18,8% và tỷ lệ này được kỳ vọng sẽ đạt 15,51% cho giai đoạn 2015-2020. Hệ thống các doanh nghiệp sản xuất thuốc trong nước tương đối phong phú, đa dạng về chủng loại với việc áp dụng công nghệ sản xuất ngày càng nâng cao. Giá trị sử dụng thuốc trong nước hiện nay chỉ chiếm khoảng hơn 50% tổng giá trị thuốc sử dụng.

Thêm vào đó, với các yếu tố như quy mô dân số khá lớn, thu nhập ngày càng được cải thiện và ý thức bảo vệ sức khỏe ngày càng nâng cao, dư địa tăng trưởng của ngành dược phẩm vẫn còn khá nhiều. Với mức dân số 100 triệu dân được dự báo vào năm 2020, mức tiền sử dụng thuốc bình quân đầu người cũng dự báo tăng lên 50USD/người/năm so với mức 35USD/người/năm vào năm 2015.

### **Doanh số, thị phần của dược phẩm sản xuất trong nước**

Số liệu thống kê của Cục Quản lý Dược cho thấy, mức chi tiền thuốc bình quân đầu người liên tục tăng trưởng dương và ổn định. Chỉ số này phản ánh nhu cầu chăm sóc và nâng cao sức khỏe của người dân ngày càng được quan tâm. Năm 2005, con số này là 9,85USD/người, đến năm 2010 là 22,25USD/người và năm 2014 là 34,48USD/người. Trong năm 2015, tiền thuốc bình quân đầu người mà người dân Việt chi để mua thuốc là 37,97% USD/năm (khoảng 800.000 đồng).

Tuy nhiên, qua thống kê kết quả trúng thầu của 68 bệnh viện, Sở Y tế, năm 2015, tỷ lệ biệt dược gốc chiếm tới 40%, thuốc Việt chiếm 29%. Tỷ lệ thuốc Việt Nam được sử dụng trong các bệnh viện còn khá khiêm tốn. Cụ thể, tại các bệnh viện tuyến trung ương chỉ chiếm có 11,66%, tuyến tỉnh chiếm 38,35%.

Việt Nam vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu sử dụng thuốc của nhân dân và đến nay sản xuất thuốc trong nước mới đáp ứng được gần 50% nhu cầu sử dụng thuốc trong nước (tính theo giá trị sử dụng) chủ yếu là các thuốc thông thường; nguyên liệu và bao bì sử dụng để sản xuất thuốc trong nước vẫn phải nhập khẩu đến 90%.

Như vậy, những năm gần đây, mặc dù có những bước phát triển đáng ghi nhận, với tốc độ tăng trưởng cao. Tuy nhiên, với tỷ lệ chỉ đạt gần 50% sản phẩm sản xuất trong nước, con số này vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng thuốc ngày càng gia tăng của người dân. Thực tế cho thấy, với dân số hơn 90 triệu người cùng với mức sống ngày càng được nâng cao, nhu cầu bảo vệ chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng trở nên quan trọng, cùng với các chính sách của Nhà nước ngày càng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp sản xuất dược trong nước, đây là những điều kiện thuận lợi cho sự tăng trưởng của ngành dược nội địa trong tương lai.

### *7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành*

CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), do đó tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ

được so sánh với các công ty khác có hoạt động gần giống Công ty và cũng đang niêm yết trên HSX trong niên độ 2017, bao gồm: Công ty cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM (IMP), Công ty cổ phần TRAPHACO (TRA), Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco (DMC), Công ty cổ phần Dược Hậu Giang (DHG).

***So sánh tình hình hoạt động với một số công ty trong ngành dược đang niêm yết***

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Tiêu chí	DBD	IMP	TRA	DMC	DHG
1	Vốn điều lệ	<b>523.790</b>	429.782	414.537	347.275	1.307.461
2	VCSH	<b>833.010</b>	1.395.314	1.118.653	952.806	2.759.231
3	Tổng Tài sản	<b>1.544.190</b>	1.773.631	1.517.112	1.303.229	4.089.605
4	Doanh thu thuần	<b>1.388.227</b>	1.211.539	1.868.186	1.339.651	4.063.502
5	Giá vốn hàng bán	<b>897.555</b>	707.481	826.998	804.868	2.279.434
6	Lợi nhuận gộp	<b>490.672</b>	457.975	1.041.188	534.783	1.784.068
7	LN thuần từ HĐKD	<b>202.930</b>	145.757	323.580	256.820	722.645
8	Lợi nhuận khác	<b>666</b>	802	(1.006)	2.842	(3.284)
9	LNTT	<b>203.596</b>	146.558	322.448	259.662	719.361
10	Thuế TNDN	<b>39.205</b>	29.198	62.889	55.542	77.548
11	LNST	<b>164.391</b>	117.360	260.222	207.662	642.526
12	LNST Công ty Mẹ	<b>164.391</b>	-	240.858	-	642.404
13	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	<b>2.825</b>	2.605	5.811	5.980	4.367
14	Tỷ suất LNST/DTT	<b>11,84%</b>	9,69%	13,93%	15,50%	15,81%
15	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	<b>20,47%</b>	8,41%	23,26%	21,79%	23,29%
16	Tỷ suất LNST/TTS (ROA)	<b>11,04%</b>	6,62%	17,15%	15,93%	15,71%

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2017 của Bidiphar và số liệu BSC tổng hợp từ BCTC 2017 của các công ty*

***So sánh các chỉ tiêu tài chính với một số công ty ngành dược đang niêm yết***

Các chỉ tiêu	ĐVT	DBD	IMP	TRA	DMC	DHG
<b>1. Khả năng thanh toán</b>						
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,70	2,84	1,97	3,08	2,32
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,26	2,02	1,10	2,38	1,82
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>						
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,46	0,21	0,26	0,27	0,33

+ Hệ số Nợ/VCSH	Lần	0,85	0,27	0,36	0,37	0,48
<b>3. Năng lực hoạt động</b>						
+ Vòng quay HTK	Vòng	3,45	2,51	2,48	3,29	3,60
+ Vòng quay TTS BQ	Vòng	0,93	0,66	1,23	1,03	0,99
<b>4. Tỷ suất sinh lời</b>						
+ Hệ số LNST/DTT	%	11,84%	10,07%	13,93%	15,50%	15,81%
+ Hệ số LNST/ VCSH BQ	%	20,47%	8,41%	23,29%	21,79%	23,29%
+ Hệ số LNST/Tài sản BQ	%	11,04%	6,62%	17,15%	15,93%	15,71%
+ Hệ số LN từ HĐKD/DTT	%	14,62%	12,51%	17,32%	19,17%	17,78%
+ EPS	Đồng/cp	2.825	2.605	5.811	5.980	4.367

Đối với các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh, Bidiphar có kết quả khá tích cực so với các Công ty hàng đầu trong lĩnh vực dược phẩm hiện đang niêm yết trên sàn với quy mô về tài sản và vốn điều lệ khá tương đồng; cụ thể: quy mô vốn điều lệ của Bidiphar tính đến cuối 2017 đạt 523,79 tỷ, thấp hơn so với mức vốn điều lệ 1.307,46 tỷ của DHG và cao hơn so với các doanh nghiệp còn lại được so sánh. Giai đoạn 2015 – 2016 vốn điều lệ của Bidiphar tăng khá nhanh do Công ty thực hiện sáp nhập Bidiphar 1 (T01/2015) và phát hành cổ phần tăng vốn cho cổ đông hiện hữu và người lao động trong Công ty (T09/2016). Trong năm 2017, mặc dù doanh thu của Bidiphar có sự tăng trưởng nhẹ so với năm 2016 tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của Công ty có sự tăng trưởng tích cực 16,18% so với năm 2016 nhờ vào việc quản lý tốt các khoản chi phí trong năm, dẫn đến các chỉ số ROA và ROE của Công ty trong năm khá hiệu quả với mức đạt lần lượt là 11,04% và 20,47%. Doanh thu thuần năm 2017 của Bidiphar đạt hơn 1.388 tỷ đồng, khá tương đồng so với các doanh nghiệp tiêu biểu trên sàn giao dịch chứng khoán. Về lợi nhuận, năm 2017, lợi nhuận sau thuế của DBD đạt giá trị hơn 164,3 tỷ đồng. Dựa theo số liệu bảng trên, các chỉ tiêu về tài chính của Bidiphar đảm bảo mức tương đồng so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

#### 7.4. *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.*

##### ➤ **Định hướng phát triển của Công ty**

- Giữ vững và ổn định sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển kinh doanh trong giai đoạn 2018 – 2022.
- Hoàn thiện việc xây dựng và đưa vào hoạt động 02 nhà máy mới theo tiêu chuẩn GMP-EU/PICs là nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư và nhà máy sản xuất thuốc viên Non-betalactam trong năm 2019.
- Tiếp tục đầu tư bổ sung, nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng cho các xưởng và phòng ban.



- Tiếp tục nâng cao kỹ thuật sản xuất, đầu tư vào phát triển nghiên cứu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.
- Tiếp tục đầu tư vào dự án dược liệu theo tiêu chuẩn “Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái – GACP”.
- Tiếp tục đầu tư “Hệ thống quản trị doanh nghiệp - SAP ERP” giai đoạn 2, hệ thống bảo mật công nghệ thông tin và “Giải pháp quản lý hệ thống phân phối – DMS”.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông sự kiện hỗ trợ cho công tác phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng.
- Nghiên cứu thị trường và đề xuất phát triển dòng sản phẩm thuốc điều trị ung thư mới, thực phẩm chức năng.
- Triển khai phương án bán hàng có hiệu quả các sản phẩm mới.
- Tiếp tục nâng cao kỹ thuật sản xuất, nghiên cứu cải tiến đối với các trang thiết bị y tế hiện có của Công ty. Đồng thời, tập trung nghiên cứu, sáng tạo, phát triển các sản phẩm trang thiết bị y tế mới nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường.

➤ **Định hướng phát triển ngành dược Việt Nam**

Ngày 10/01/2014, Chính phủ đã ký Quyết định số 68/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, theo đó đã xác định các nội dung sau:

❖ **Mục tiêu chung:**

Cung ứng đầy đủ, kịp thời, có chất lượng, giá hợp lý các loại thuốc theo cơ cấu bệnh tật tương ứng với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm sử dụng thuốc an toàn, hợp lý. Chú trọng cung ứng thuốc cho các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, vùng sâu, vùng xa.

❖ **Mục tiêu cụ thể:**

- **Về phát triển công nghiệp dược Việt Nam**

Đến năm 2020, 100% thuốc được cung ứng kịp thời cho nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh; phần đầu sản xuất được 20% nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất trong nước và hạn chế nhập khẩu nguyên liệu thuốc, thuốc sản xuất trong nước chiếm 80% tổng giá trị thuốc tiêu thụ trong năm, trong đó thuốc từ dược liệu chiếm 30%.

Hoàn thiện chính sách thúc đẩy việc nghiên cứu, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, cung ứng thuốc thiết yếu, bảo đảm cho người dân có điều kiện tiếp cận, lựa chọn, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả với giá hợp lý.



Đồng thời, ban hành chính sách ưu đãi đối với việc sản xuất, cung ứng và sử dụng thuốc generic, thuốc chuyên khoa đặc trị, thuốc có dạng bào chế đặc biệt, vắc xin, sinh phẩm; hạn chế nhập khẩu các loại nguyên liệu thuốc, thuốc generic mà Việt Nam đã sản xuất ...

**- Về xây dựng mô hình hệ thống cung ứng thuốc**

Bên cạnh việc nâng cao tỷ trọng thuốc nội thì Chiến lược còn đặt ra mục tiêu là 100% cơ sở kinh doanh thuốc thuộc hệ thống phân phối thuốc đạt tiêu chuẩn thực hành tốt, 50% cơ sở kiểm nghiệm và 100% cơ sở kiểm nghiệm vắc xin và sinh phẩm y tế đạt tiêu chuẩn thực hành tốt (GPs).

Từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, ngành dược sẽ tăng cường quản lý toàn diện chất lượng thuốc, tăng cường các giải pháp để bảo đảm thuốc lưu hành trên thị trường có chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn đã đăng ký; xử lý nghiêm các hành vi sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông, phân phối, cung ứng thuốc giả, thuốc kém chất lượng trên thị trường.

Như vậy, từ các số liệu ghi nhận và định hướng phát triển ngành dược của Chính phủ, chúng ta có thể nhận định rằng thị trường dược phẩm trong nước còn tiềm năng phát triển rất lớn cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước trong việc đáp ứng cho nhu cầu xã hội thay thế hàng ngoại nhập.

➤ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung trên thế giới trong ngành dược**

Có thể thấy, mục tiêu chung mà ngành công nghiệp dược đặt ra cho đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 là phát triển ngành dược thành một ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao tỷ trọng trong nước, chủ động hội nhập khu vực và thế giới nhằm đảm bảo cung ứng thuốc thường xuyên, có chất lượng bảo đảm, sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả. Bidiphar luôn là doanh nghiệp đi tiên phong trong việc tập trung đầu tư phát triển sản xuất theo hướng công nghiệp, sản xuất các loại thuốc có giá trị cao, đẩy mạnh nghiên cứu, tạo ra nhiều mặt hàng mới cũng như tiếp tục nghiên cứu, triển khai nâng cấp, xây dựng thêm các nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-PICs, hướng tới tăng cường sự cạnh tranh với các sản phẩm dược nước ngoài, khai thác các thị trường tiềm năng trong khu vực và trên thế giới.

Như vậy, về cơ bản, tình hình hoạt động kinh doanh hiện nay và định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo của Bidiphar được xem là hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển của ngành dược. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển và nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý, nhất là trong các dự án nghiên cứu phát triển sản phẩm và dự án phát triển thị trường tiêu thụ dược trong và ngoài nước.

➤ **Định hướng phát triển ngành trang thiết bị vật tư y tế**

Tại Quyết định số 122/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong đó có đề cập đến một số định hướng phát triển ngành trang thiết bị y tế như

sau: (i) Đẩy mạnh sản xuất trang thiết bị y tế trong nước, trước mắt là các trang thiết bị y tế thông dụng, đồng thời từng bước liên doanh, liên kết sản xuất trang thiết bị y tế công nghệ cao; bảo đảm cung ứng tối thiểu 60% nhu cầu trang thiết bị y tế thông dụng cho các cơ sở y tế. (ii) Quan tâm công tác quản lý, khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị y tế. Khuyến khích phát triển đội ngũ bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị y tế ở các địa phương; cân đối đủ kinh phí của đơn vị cho việc bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa thiết bị và hạ tầng y tế. Nâng cao năng lực mạng lưới kiểm chuẩn và kiểm định thiết bị y tế.

➤ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung trên thế giới trong ngành trang thiết bị y tế**

Có thể thấy, tiềm năng tăng trưởng của ngành trang thiết bị y tế Việt Nam là rất khả quan dựa trên các yếu tố (i) tỷ lệ chi tiêu trang thiết bị y tế của Việt Nam hiện vẫn còn ở mức thấp; (ii) tuổi thọ trung bình của người Việt tăng lên, cùng với sự gia tăng dân số thuộc nhóm tuổi 60 - 79 sẽ thúc đẩy nhu cầu sử dụng các thiết bị y tế trong tương lai; (iii) Việt Nam đang tích cực đẩy mạnh phát triển và hiện đại hóa các cơ sở và thiết bị y tế công ở các tỉnh, thành phố và địa phương để đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao của người dân. Điều này tạo nhiều cơ hội cho Công ty có thể tiếp tục nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trang thiết bị y tế. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng đặt ra nhiều thách thức về cạnh tranh trong khi hơn 90% các trang thiết bị y tế công nghệ cao hiện tại là ngoại nhập, và các đơn vị sản xuất trang thiết bị y tế trong nước hiện tại chỉ sản xuất các trang thiết bị y tế cơ bản và thông dụng.

## 8. Chính sách đối với người lao động

### 8.1. Số lượng và cơ cấu lao động

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty là **1.170 người** với cơ cấu như sau:

#### Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2017

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Phân loại theo trình độ</b>			
1	Cán bộ có trình độ đại học, trên đại học	363	31%
2	Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	460	39%
3	Công nhân kỹ thuật	347	30%
<b>Phân loại theo phòng ban chức năng</b>			
1	Khối văn phòng	351	30%
2	Khối sản xuất	386	33%
3	Khối thị trường	433	36%
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.170</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Bidiphar

## 8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, Bidiphar đã tạo mọi điều kiện cho người lao động, đặc biệt là lao động có trình độ, có tay nghề cao, yên tâm, gắn bó lâu dài với Công ty. Vì vậy, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Bidiphar xem trọng và liên tục cải thiện. Tại Bidiphar, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng hệ thống lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ cho người lao động phù hợp với từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng, tương xứng với mức độ cống hiến của từng cá nhân và đủ sức cạnh tranh trong thị trường lao động.

Một số chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định của Công ty:

- 100% CBCNV được tham gia Bảo hiểm xã hội, BHYT.
- Bảo hộ lao động, đồng phục đầy đủ và thường xuyên nâng cao chất lượng.
- Tổ chức cho người lao động được tham quan, nghỉ mát và tham gia các phong trào Văn thể mỹ là các hoạt động thường niên của Công ty.
- Chế độ thưởng tháng lương thứ 13; thưởng nhân các dịp lễ, tết; thưởng tăng ca; thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; thưởng đột xuất... luôn được áp dụng.
- Những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc sẽ được tôn vinh và khen thưởng xứng đáng, kịp thời, công khai và công bằng; các danh hiệu thi đua cuối năm cho tập thể, cá nhân cũng được thưởng theo Quy chế Thi đua khen thưởng do Công ty ban hành.
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần (quà tặng cưới hỏi, ốm đau, hiếu hỷ, học bổng, ngày quốc tế thiếu nhi, rằm trung thu, quốc tế phụ nữ...)

Đồng thời, Bidiphar có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực, có thành tích trong lao động được Ban TGD, Hội đồng thi đua của Bidiphar đánh giá cao để đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn cho Công ty. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo bổ sung kiến thức chuyên môn, quản lý để điều hành các hoạt động của Công ty trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, Công ty cũng rất chú trọng việc chiêu mộ những nhân sự bên ngoài có trình độ cao, có năng lực thật sự về làm việc lâu dài cho Công ty bằng chính sách đãi ngộ đặc biệt, như: môi trường làm việc, điều kiện trau dồi kiến thức, giao trọng trách, thu nhập thỏa đáng, cơ hội thăng tiến vượt bậc.

### a. Chính sách đào tạo

Bidiphar luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực có chất lượng là điều kiện tiên quyết để Công ty có thể tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, Bidiphar đã xây dựng quy trình đào tạo khoa học, hệ thống nhằm mang lại hiệu quả cao. Tại Bidiphar, mọi CBCNV đều được đào tạo nâng cao kiến thức để đảm bảo hoàn thành tốt nhất công việc được giao.

- Đội ngũ công nhân thường xuyên được huấn luyện về kỹ năng thực hiện GMP và ISO để nhận thức và hiểu rõ từng khâu trong quá trình sản xuất.
- Đội ngũ nhân viên bán hàng và nhân viên tiếp thị luôn được trau dồi về khả năng giao tiếp, marketing và kỹ năng bán hàng.
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật được đào tạo chuyên sâu, nâng cao như: Đào tạo chuyên khoa, Thạc sĩ, Tiến sĩ trong và ngoài nước.

#### **b. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi**

Hệ thống lương thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng và luôn tạo điều kiện cho người lao động có chuyên môn cao được hưởng lương tương xứng với cống hiến của họ. Đồng thời tạo động lực thu hút người tài đáp ứng nguồn nhân lực bền vững của Công ty.

Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành quy chế trả lương, trả thưởng cho doanh nghiệp, được Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Bình Định công nhận. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/tháng*

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Mức lương bình quân	7.500.000	8.000.000	8.500.000

*Nguồn: Bidiphar*

Bidiphar luôn thực hiện tốt yêu cầu của Bộ Luật lao động. Xây dựng Nội quy Lao động và Thỏa ước lao động tập thể được Sở Lao động Thương binh và Xã hội công nhận. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động như mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn con người.

### **9. Chính sách cổ tức**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Mức cổ tức được chi trả cho cổ đông trong giai đoạn 2015 – 2017 như sau:

**Lịch sử chi trả cổ tức**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng cổ tức chi trả (đồng)	78.600.000.000	78.600.000.000	78.600.000.000
Cổ tức bằng tiền (đồng/cp)	1.500	1.500	1.500
Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	15%	15%	15%
Thời điểm chi trả	Tháng 03/2016	Tháng 03/2017	Tháng 04/2018

Nguồn: Bidiphar

## 10. Tình hình hoạt động tài chính

### 10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

#### a. Trích khấu hao tài sản cố định

CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

**Chi tiết khấu hao tài sản**

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
2	Máy móc thiết bị	3 - 10
3	Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
4	Thiết bị văn phòng	3 - 6

Một số máy móc thiết bị được áp mức khấu hao nhanh bằng hai lần mức khấu hao đường thẳng như trên, phù hợp với hướng dẫn của các quy định kế toán hiện hành.

#### b. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty là 7,5 triệu đồng/người/tháng trong năm 2014 và năm 2015; năm 2017 đạt 8,5 triệu đồng/người/tháng. Mức lương này khá

tương đồng so với mức bình quân của ngành; cụ thể tại CTCP Pymperphaco là 8,6 triệu đồng/người/tháng, tại CTCP Dược phẩm Imexpharm là 8,0 triệu đồng/người/tháng căn cứ theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của 02 doanh nghiệp này.

#### c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Tính đến thời điểm hiện nay thì Bidiphar không có nợ quá hạn nào. Đây cũng là một thuận lợi của Bidiphar trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng với chi phí lãi vay ưu đãi.

#### d. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định như: các loại thuế, phí và lệ phí,... luôn được Tổng Công ty thực hiện tốt, hoàn thành nghĩa vụ của mình. Công ty không có các khoản nợ thuế cũng như không bị phạt thuế qua các năm.

#### Số dư các khoản Thuế, phí phải nộp

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Thuế GTGT hàng bán nội địa	238.150.531	323.971.011	1.847.297.629
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	(242.650.249)	(310.893.237)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(18.566.667)	(12.970.025)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.389.506.358	27.205.654.513	17.858.905.377
Thuế thu nhập cá nhân	4.939.609.123	2.592.504.300	2.572.008.140
Thuế đất	-	-	-
Thuế khác	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.567.266.012</b>	<b>29.860.912.908</b>	<b>21.954.347.884</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất Quý I 2018 của Bidiphar

#### e. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

#### Tình hình số dư các quỹ

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Quỹ đầu tư phát triển	41.944.812.218	57.686.233.807	57.686.233.807
2	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (*)	49.074.599.169	55.369.126.815	53.142.022.224



3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	72.441.805.699	70.507.590.248	57.394.450.155
---	--------------------------	----------------	----------------	----------------

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất Quý I 2018 của Bidiphar

(\*) Thuyết minh chi tiết sử dụng Quỹ khoa học và công nghệ của Công ty:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		
	Quỹ phát triển KHCN	Quỹ phát triển KHCN đã hình thành TSCĐ	Tổng
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>17.418.650.286</b>	<b>31.655.948.883</b>	<b>49.074.599.169</b>
Số trích trong năm	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Tăng do tiết kiệm kinh phí dự án nghiên cứu thuốc ung thư Carboplatin	137.975.411	-	137.975.411
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.504.545.454)	-	(2.504.545.454)
Tài sản hình thành từ Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	2.504.545.454	2.504.545.454
Khấu hao tài sản hình thành từ Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	(8.843.447.765)	(8.843.447.765)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>30.052.080.243</b>	<b>25.317.046.572</b>	<b>55.369.126.815</b>

#### f. Tổng dư nợ vay

##### Chi tiết Nợ vay ngắn hạn và Nợ vay dài hạn

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>74.721.502.117</b>	<b>195.699.732.056</b>	<b>209.757.489.472</b>
- NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Định	-	119.000.000.000	125.934.500.936
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Quy Nhơn	22.432.921.049	21.962.596.866	17.528.876.055
- NH TMCP Công thương Việt Nam – CN Bình Định	-	1.200.000.000	18.829.959.877
- Cán bộ công nhân viên	52.288.581.068	53.537.135.190	47.464.152.604
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất Quý I 2018 của Bidiphar

- Hiện tại, Công ty không có nợ quá hạn.
- Tổng Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn CSH của Công ty năm 2017 lần lượt là 0,46 và 0,85 cho thấy nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty được tài trợ bởi vốn vay là ở mức phù

hợp, đảm bảo tỷ lệ tự chủ an toàn tài chính trong hoạt động kinh doanh. Các khoản vay nợ là khoản vay ngắn hạn chủ yếu để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bidiphar.

- Công ty không thực hiện vay nợ dài hạn do trong năm 2016 và năm 2017 do trong năm 2016 Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn từ 419,8 tỷ đồng lên 523,79 tỷ đồng thông qua hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và người lao động trong Công ty. Mục đích của việc phát hành tăng vốn trong năm 2016 để phục vụ cho việc đầu tư các dự án công nghệ cao trong trung và dài hạn. Nhìn chung cơ cấu nguồn vốn của Bidiphar là khá lành mạnh trong những năm gần đây.

#### g. Tình hình công nợ hiện nay

##### *Các khoản phải thu ngắn hạn*

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Phải thu của khách hàng (*)	319.406.083.735	339.169.973.209	414.175.111.669
Trả trước cho người bán	57.615.319.272	72.424.660.963	76.228.796.951
Phải thu về cho vay ngắn hạn	585.608.788	-	-
Các khoản phải thu khác	8.214.722.898	5.387.280.909	14.546.890.771
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(13.693.818.614)	(11.049.439.192)	(11.049.439.192)
<b>Tổng cộng</b>	<b>372.127.916.079</b>	<b>405.932.475.889</b>	<b>493.901.360.199</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất Quý I 2018 của Bidiphar*

Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty chủ yếu đến từ các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (chiếm bình quân 84,4% giai đoạn 2016 – Q1 2018), kể đến là khoản trả trước cho người bán (chiếm bình quân 16,3% giai đoạn 2016 – Q1 2018).

(\*) Chi tiết khoản mục phải thu của khách hàng theo thuyết minh BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC Quý I năm 2018 của bên thứ ba, bên liên quan và người nội bộ như sau:

STT	Đối tượng	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Phải thu bên thứ ba	319.406.083.735	339.169.773.209	414.178.111.669
2	Phải thu bên liên quan	-	-	-
3	Phải thu người nội bộ	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>319.406.083.735</b>	<b>339.169.773.209</b>	<b>414.178.111.669</b>

Tại thời điểm 31/12/2016, 31/12/2017 và 31/03/2018, khoản phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu là phải thu với các bên thứ ba là khách hàng Công ty. Bidiphar không phát sinh các

khoản phải thu với các bên liên quan cũng như người nội bộ của Công ty. Đối với khoản mục của bên thứ ba, không có đối tượng nào có số dư chiếm từ 10% tổng khoản mục phải thu khách hàng.

### Các khoản phải trả ngắn hạn

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Phải trả người bán ngắn hạn (*)	249.650.094.189	196.247.620.157	178.676.396.894
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.551.342.291	31.135.070.338	29.112.098.502
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23.567.266.012	30.183.981.936	22.324.523.494
Phải trả người lao động	70.359.021.189	40.739.386.772	48.272.536.733
Phải trả ngắn hạn khác	114.865.053.043	91.297.260.308	88.434.313.653
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	72.441.805.699	70.507.590.248	57.394.450.155
<b>Tổng cộng</b>	<b>537.434.582.423</b>	<b>460.110.909.759</b>	<b>633.971.808.903</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất Quý I 2018 của Bidiphar

(\*) Chi tiết Phải trả người bán ngắn hạn tại thuyết minh BCTC của Công ty như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Đối tượng	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Phải thu bên thứ ba	249.650.094.189	196.247.620.157	178.676.396.894
2	Phải thu bên liên quan	-	-	-
3	Phải thu người nội bộ	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>249.650.094.189</b>	<b>196.247.620.157</b>	<b>178.676.396.894</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất Quý I 2018 của Bidiphar

Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên tổng số phải trả:

Đơn vị: đồng

STT	Các nhà cung cấp giá trị lớn	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Fresenius Kabi Bidiphar	70.519.556.117	64.859.631.137	67.165.903.567

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất Quý I 2018 của Bidiphar

Các khoản phải trả của Bidiphar chủ yếu đến từ các khoản phải trả người bán ngắn hạn (bình quân khoảng 39,1% giai đoạn 2016 – Q1 2018); kể đến là các khoản phải trả người lao động (bình quân khoảng 9,8% giai đoạn 2016 – Q1 2018). Các khoản phải trả của Công ty năm 2017 giảm 14,38% so với năm 2016. Công ty không phát sinh các khoản phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan và người nội bộ.

## 10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

### Công ty Mẹ

#### Các chỉ tiêu tài chính Công ty Mẹ Bidiphar

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Quý I 2018
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn = TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,67	1,70	1,80
Hệ số thanh toán nhanh =(TS ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,29	1,26	1,37
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,47	0,47	0,45
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,88	0,89	0,82
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ	Vòng	4,32	3,45	0,82
Vòng quay tổng tài sản =DTT/Tổng tài sản BQ	vòng	1,12	0,95	0,23
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số LNST/DTT	%	9,89%	11,34%	11,64%
Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu BQ (ROE)	%	21,02%	20,29%	4,94%
Hệ số LNST/tổng tài sản BQ (ROA)	%	11,06%	10,77%	2,67%
Hệ số LN từ HĐKD/ DTT	%	12,37%	14,12%	14,55%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.616	3.005	774

### Công ty Hợp nhất

#### Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Bidiphar

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Quý I 2018
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn = TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,67	1,70	1,80
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,29	1,26	1,37

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Quý I 2018
= (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn				
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,46	0,46	0,44
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,89	0,85	0,79
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ	Vòng	4,32	3,45	0,82
Vòng quay tổng tài sản = DTT/Tổng tài sản BQ	vòng	1,11	0,93	0,22
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số LNST/DTT	%	10,22%	11,84%	11,81%
Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu BQ (ROE)	%	21,32%	20,47%	4,83%
Hệ số LNST/tổng tài sản BQ (ROA)	%	11,31%	11,04%	2,65%
Hệ số LN từ HĐKD/ DTT	%	12,70%	14,62%	14,72%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.789	2.825	785

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính của Công ty Mẹ và Công ty hợp nhất khá tương đồng. Nguyên nhân do hiện nay Bidiphar sở hữu 03 công con đang thực hiện các dự án đầu tư nên chưa phát sinh doanh thu, doanh thu hợp nhất hằng năm toàn bộ đến từ doanh thu của Công ty Mẹ. Ngoài ra, Bidiphar còn có 01 công ty liên kết là CTCP Cao su Bidiphar có đóng góp khoản lợi nhuận từ công ty liên kết vào BCTC hợp nhất, tuy nhiên giá trị đóng góp nhỏ không đáng kể. Do đó, ở phần này, chúng tôi chỉ tập trung đánh giá các chỉ tiêu tài chính của Công ty hợp nhất.

- **Khả năng thanh toán của doanh nghiệp:** là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh năng lực tài chính mà doanh nghiệp có được để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ. Các hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty hợp nhất luôn được duy trì ổn định ở mức khá cao và an toàn qua các năm, đảm bảo yêu cầu hoàn thành các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.
- **Hệ số cơ cấu vốn:** Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản của Công ty hợp nhất năm 2017 là 0.46. Các khoản vay của Công ty tất cả đều là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty không có các khoản vay nợ dài hạn trong năm 2017 do trong năm 2016 Bidiphar đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng hình thức chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và người lao động trong Công ty. Việc phát hành tăng vốn nhằm

phục vụ cho việc đầu tư các dự án công nghệ cao do đó nguồn vốn đầu tư trung dài hạn của Công ty đáp ứng đầy đủ, không phải thực hiện vay nợ dài hạn.

Nợ dài hạn của Công ty hàng năm chủ yếu bao gồm khoản mục Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, chiếm 55,4 tỷ trong năm 2017. Công ty dùng Quỹ này để phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới trong các dự án khoa học.

Nhìn chung, Tỷ lệ VCSH/Tổng Nguồn vốn ở mức 0,54 cho thấy tỷ lệ tự chủ tài chính của Bidiphar là khá cao, đảm bảo độ an toàn cao trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.

- **Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Vòng quay hàng tồn kho của Bidiphar năm 2017 giảm so với năm 2016, ở mức 4,32 vòng năm 2016 xuống 3,45 vòng năm 2017, nguyên nhân chủ yếu do sự tăng lên của các hàng hóa, thành phẩm tồn kho.

Vòng quay tổng tài sản năm 2017 giảm nhẹ so với năm 2016 do tổng tài sản trong năm 2017 tăng chủ yếu đến từ sự tăng lên của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm của Công ty được dùng để trả tiền cho các nhà cung cấp nhưng chưa đến hạn trả, một phần được dùng để vay thấu chi hoạt động và một phần để dự trữ thanh toán mua sắm các máy móc thiết bị để sản xuất ở các công ty con. Khoản mục phải thu ngắn hạn tăng lên chủ yếu đến từ sự tăng lên của khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn. Khoản mục hàng tồn kho tăng lên trong năm 2017 do Công ty có chính sách tăng dự trữ nguyên vật liệu để phòng ngừa rủi ro biến động giá đầu vào và để phục vụ cho các đơn hàng đấu thầu vào các cơ sở điều trị công lập.

Nhìn chung, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty là khá an toàn, đảm bảo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:** Nhìn chung, các chỉ tiêu về hiệu quả sinh lời trong hai năm gần đây cho thấy xu hướng tăng trưởng ổn định của Công ty. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của năm 2017 hầu hết đều tăng so với năm 2016. Thu nhập trên mỗi cổ phần của Công ty năm 2017 tăng nhẹ từ 2.789 đồng/cổ phiếu trong năm 2016, lên 2.825 đồng/cổ phiếu trong năm 2017 nhờ vào lợi nhuận sau thuế năm 2017 tăng trưởng tích cực 14,9% so với năm 2016. Mặc dù lợi nhuận sau thuế tăng nhưng chỉ số ROE năm 2017 giảm nhẹ do vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu đến từ khoản tăng của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



## 11. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban TGD và Kế toán trưởng

*Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị*

### *Danh sách thành viên Hội đồng quản trị*

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ tại công ty	CMND
1	Ông Nguyễn Văn Quá	57	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	210111956
2	Phạm Thị Thanh Hương	53	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm PTGD	211716331
3	Nguyễn Thanh Giang	51	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	211545152
4	Huỳnh Ngọc Oanh	55	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	025220783
5	Nguyễn Thị Mai Hoa	53	Thành viên HĐQT kiêm KTT	211095942
6	Nguyễn Văn Thịnh	55	Thành viên HĐQT	211742605
7	Nguyễn Thị Mai Anh	45	Thành viên HĐQT	211373588

### Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT

#### **Ông Nguyễn Văn Quá – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 02/02/1961
Nơi sinh	: Hoài Mỹ, Hoài Nhơn, Bình Định
Số CMND	: 210111956 cấp ngày 23/04/2013 tại CA Bình Định
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Hoài Mỹ, Hoài Nhơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú	: 45 Diên Hồng, P. Lý Thường Kiệt, Tp. Quy Nhơn, Bình Định
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Kinh tế Công nghiệp

#### Quá trình công tác

05/1983	08/1986	: Nhân viên P.Kế hoạch – XN Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
09/1986	12/1987	: Phó Trưởng Phòng kế hoạch - XN Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
01/1988	12/1989	: Trưởng P. Kế hoạch Cung tiêu - XN Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
01/1990	05/1995	: Phó Giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định
6/1995	11/2006	: Phó Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
12/2006	2008	: Phó Tổng giám đốc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
1/2009	2010	: Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
2010	02/2014	: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Dược – TTBYT Bình Định

03/2014	Nay	: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
02/2016	Nay	: Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản Biotan
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết		: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		: Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản Biotan
Số cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ		: <b>471.095 cổ phiếu</b> , chiếm 0,90%VĐL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: <b>471.095 cổ phiếu</b> , chiếm 0,90% VĐL - Đại diện sở hữu: <b>0 cổ phiếu</b>
Hành vi vi phạm pháp luật		: Không
Các khoản nợ đối với Công ty		: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		: Theo quy định Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		: Không
Những người có liên quan và số lượng cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ		: - Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Trâm sở hữu 700.918 cổ phiếu - Con: Nguyễn Thành Nhân sở hữu 389.436 cổ phiếu - Con: Nguyễn Anh Kiệt sở hữu 205.808 cổ phiếu

### Bà Phạm Thị Thanh Hương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giới tính		: Nữ
Ngày tháng năm sinh		: 10/07/1965
Nơi sinh		: Sơn Tây, Hà Nội
Số CMND		: 211716331 cấp ngày 17/02/2014 tại CA Bình Định
Quốc tịch		: Việt Nam
Dân tộc		: Kinh
Quê quán		: Sơn Tây, Hà Nội
Địa chỉ thường trú		: 178 Diên Hồng, P. Ngô Mây, Quy Nhơn, Bình Định
Trình độ văn hóa		: 12/12
Trình độ chuyên môn		: Thạc sĩ Dược
Quá trình công tác		

1989	2001	: Công tác tại XN Dược Bình Định sau đổi tên thành Công ty Dược Bình Định. Giữ các chức vụ Quản đốc phân xưởng, Trưởng Phòng Kiểm nghiệm, Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng, Phó Giám đốc, Bí thư Đoàn cơ sở, Bí thư Chi bộ, Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Công đoàn.
2001	2007	: Công tác tại Sở Y tế. Giữ các chức vụ: Phó giám đốc Sở y

		tế Bình Định, ủy viên ban thường vụ Đảng ủy Sở, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, chủ tịch công đoàn ngành y tế.
2007	2009	: Công tác tại Sở Nội Vụ tỉnh Bình Định. Giữ chức vụ Phó giám đốc sở, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Sở.
2010	02/2014	: Phó Chủ tịch HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty Dược – TTBYTBD, Bí thư Đảng ủy Công ty.
03/2014	Nay	: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định; Bí thư Đảng ủy Công ty
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết		: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		: Không có
Số cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ		: <b>339.353 cổ phiếu</b> chiếm 0,65%VĐL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: <b>339.353 cổ phiếu</b> , chiếm 0,65% VĐL - Đại diện nắm giữ: <b>0 cổ phiếu</b>
Hành vi vi phạm pháp luật		: Không
Các khoản nợ đối với Công ty		: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		: Theo quy định Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		: Không
Những người có liên quan và số lượng cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ		: - Chồng: Nguyễn Quý Hà sở hữu 13.800 cổ phiếu - Con: Nguyễn Phạm Quỳnh Anh sở hữu 30.398 cổ phiếu

### Ông Nguyễn Thanh Giang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giới tính		: Nam
Ngày tháng năm sinh		: 05/12/1967
Nơi sinh		: Nhơn Tân, An Nhơn, Bình Định
Số CMND		: 211545152 cấp ngày 25/10/2002 tại CA Bình Định
Quốc tịch		: Việt Nam
Dân tộc		: Kinh
Quê quán		: Nhơn Tân, An Nhơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú		: 70 Nguyễn Thị Định, Quy Nhơn, Bình Định
Trình độ văn hóa		: 12/12
Trình độ chuyên môn		: Cử nhân Tài chính kế toán
Quá trình công tác		

10/1990	05/1995	: Kế toán viên thuộc Xí nghiệp dược phẩm Bình Định
06/1995	31/12/1996	: Phó phòng Tài vụ Công ty Dược-TTBYT Bình Định
01/1997	18/01/2000	: Phó phòng Kế toán Công ty Dược-TTBYT Bình Định

19/01/2000	03/2009	: Kế toán trưởng Công ty Dược -TTBYT Bình Định
04/2009	02/2014	: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty Dược- TTBYT Bình Định
03/2014	Nay	: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định
12/2012	Nay	: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Muối và Thực phẩm Bình Định
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết		: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ phụ trách tài chính - Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Muối và Thực phẩm Bình Định
Số cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ		: <b>363.364 cổ phiếu</b> , chiếm 0,69%VĐL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: <b>363.364 cổ phiếu</b> , chiếm 0,69% VĐL - Đại diện sở hữu: <b>0 cổ phiếu</b>
Hành vi vi phạm pháp luật		: Không
Các khoản nợ đối với Công ty		: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		: Theo quy định Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		: Không
Những người có liên quan và số lượng cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ		: - Vợ: Phạm Thị Thúy Oanh: 23.360 cổ phần - Anh trai: Nguyễn Thanh Duy: 13.548 cổ phần

#### **Ông Huỳnh Ngọc Oanh – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính		: Nam
Ngày tháng năm sinh		: 11/04/1963
Nơi sinh		: Cát Tân, Phù Cát, Bình Định
Số CMND		: 025220783 cấp ngày 03/11/2009 tại CA TP.HCM
Quốc tịch		: Việt Nam
Dân tộc		: Kinh
Quê quán		: Cát Tân, Phù Cát, Bình Định
Địa chỉ thường trú		: 63 Đặng Văn Chấn, P. Nguyễn Văn Cừ, Tp. Quy Nhơn.
Trình độ văn hóa		: 12/12
Trình độ chuyên môn		: Dược sĩ đại học
Quá trình công tác		:
04/1988	12/1991	: Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty Dược Tuy Phước, Bình Định.
01/1992	1996	: Công tác tại Trạm đại diện Cty Dược - TTBYT Bình Định tại Tp.HCM

01/1997	09/2010	: Giám đốc Chi nhánh Cty Dược - TTBYT Bình Định tại Tp.HCM.
10/2010	09/2011	: Giám đốc khu vực phía Nam kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty Dược - TTBYT Bình Định tại Tp.HCM.
10/2011	02/2014	: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty Dược – TTBYT Bình Định.
03/2014	Nay	: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định.
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết		: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		: Không có
Số cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ		: <b>439.908 cổ phiếu</b> chiếm 0,84% VDL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: <b>439.908 cổ phiếu</b> , chiếm 0,84% VDL - Đại diện nắm giữ: <b>0 cổ phiếu</b>
Hành vi vi phạm pháp luật		: Không
Các khoản nợ đối với Công ty		: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		: Theo quy định Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		: Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu DBD		: - Chị: Huỳnh Thị Kim Yến: 13.800 cổ phần - Em: Huỳnh Ngọc Ký: 13.800 cổ phần

### Bà Nguyễn Thị Mai Hoa – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	19/07/1965
Nơi sinh	:	Ninh Bình
Số CMND	:	211095942 cấp ngày 29/11/2006 tại CA Bình Định
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú	:	46 Chu Văn An, P. Lý Thường Kiệt, TP.Quy Nhơn, Bình Định
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	:	
08/1987	12/1989	: Kế toán Xí nghiệp Liên hiệp Dược Nghĩa Bình
01/1990	05/1995	: Kế toán Công ty Dược - Vật tư y tế Bình Định

06/1995	09/2006	: Kế toán Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
10/2006	04/2008	: Phó Phòng Kế toán Công ty Dược – TTBYT Bình Định
05/2008	08/2009	: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1
09/2009	02/2014	: Kế toán trưởng Công ty Dược – TTBYT Bình Định Thành viên HĐQT; Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ; Kế toán trưởng Công ty Dược – TTBYT Bình Định
03/2014	Nay	: Thành viên HĐQT; Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ; Kế toán trưởng Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết		: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		: Không
Số cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ		: <b>291.076 cổ phiếu</b> chiếm 0,56%VĐL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: <b>291.076 cổ phiếu</b> , chiếm 0,56% VĐL - Đại diện nắm giữ: <b>0 cổ phiếu</b>
Hành vi vi phạm pháp luật		: Không
Các khoản nợ đối với Công ty		: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		: Theo quy định Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		: Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu DBD		: - Con: Võ Thị Mộng Vân: 24.343 cổ phần - Em: Nguyễn Hồng Phương: 18.232 cổ phần

### Ông Nguyễn Văn Thịnh – Thành viên HĐQT

Giới tính	: Nam	
Ngày tháng năm sinh	: 01/01/1963	
Nơi sinh	: Tuy Phước, Bình Định	
Số CMND	: 211742605 cấp ngày 23/04/2013 tại CA Bình Định	
Quốc tịch	: Việt Nam	
Dân tộc	: Kinh	
Quê quán	: Tuy Phước, Bình Định	
Địa chỉ thường trú	: 21 Dã Tượng, Quy Nhơn, Bình Định	
Trình độ văn hóa	: 12/12	
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế	
Quá trình công tác	:	
02/1987	09/2000	: Kế toán trưởng tại Công ty Dược An Nhơn, Bình Định
09/2000	04/2005	: Kế toán trưởng xí nghiệp nước khoáng trực thuộc Công ty



		Dược – TTBYTBD
05/2005	06/2007	: Giám đốc XN nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – TTBYTBD
07/2007	11/2009	: Giám đốc Công ty TNHH Nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – TTBYTBD
11/2009	Nay	: Chủ tịch HĐQT kiêm GD CTCP Nước khoáng Quy Nhơn
07/2007	02/2014	: Thành viên HĐQT, Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
03/2014	Nay	: Thành viên HĐQT Công ty CP Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết		: Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		: Chủ tịch HĐQT kiêm GD CTCP Nước khoáng Quy Nhơn
Số cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ		: <b>106.546 cổ phiếu</b> chiếm 0,20%VĐL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: <b>106.546 cổ phiếu</b> , chiếm 0,20% VĐL - Đại diện nắm giữ: <b>0 cổ phiếu</b>
Hành vi vi phạm pháp luật		: Không
Các khoản nợ đối với Công ty		: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		: Theo quy định Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		: Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu DBD		: - Em: Nguyễn Văn Thanh sở hữu 17.839 cổ phần - Em: Nguyễn Thị Xuân Hương sở hữu 331 cổ phần - Em: Nguyễn Văn Thông sở hữu 11.688 cổ phần

### Bà Nguyễn Thị Mai Anh – Thành viên HĐQT

Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 05/11/1973
Nơi sinh	: Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Số CMND	: 211373588 cấp ngày 31/05/2007 tại CA Bình Định
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Cát Minh, Phù Cát, Bình Định
Địa chỉ thường trú	: Số 03 Nguyễn Xuân Ôn, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	:

03/1997	10/1999	: Công tác tại Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp Bình Định (Phòng Nghiệp vụ I)
10/1999	08/2010	: Chuyên viên P. Tài chính Doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định
09/2010	12/2015	: Phó Trưởng P. Tài chính Doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định
03/2014	Nay	: Thành viên HĐQT Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
01/2016	Nay	: Trưởng P. Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định và Thành viên HĐQT Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết		: Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định.
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		: Trưởng P. Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định
Số cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ		: <b>10.000 cổ phiếu</b> chiếm 0,02%VĐL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: <b>10.000 cổ phiếu</b> , chiếm 0,02% VĐL - Đại diện nắm giữ: <b>0 cổ phiếu</b>
Hành vi vi phạm pháp luật		: Không
Các khoản nợ đối với Công ty		: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		: Theo quy định Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		: Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu DBD		: Không có

### *Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát*

#### ***Danh sách thành viên Ban kiểm soát***

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ tại công ty	CMND	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Quang Việt	36	Trưởng Ban Kiểm soát	211803512	TV chuyên trách
2	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	47	Thành viên Ban Kiểm soát	211413153	TV chuyên trách
3	Bà Trình Phương Mai	29	Thành viên Ban Kiểm soát	215167845	TV kiêm nhiệm

#### **🚩 Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát:**

#### **Ông Nguyễn Quang Việt – Trưởng Ban Kiểm soát**

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 08/07/1982
Nơi sinh	: Quy Nhơn, Bình Định
Số CMND	: 211803512 cấp ngày 10/01/2018 tại CA Bình Định

Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Tuy Phước, Bình Định
Địa chỉ thường trú	:	47 Tôn Đức Thắng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Đại học Kế toán – Kiểm toán
Quá trình công tác	:	
09/2005	09/2009	: Nhân viên kế toán Công ty cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung (Seaprodex Đà Nẵng)- Chi nhánh Hồ Chí Minh.
10/2009	12/2010	: Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty CP Dược phẩm Bidiphar 1
01/2011	06/2013	: Nhân viên phòng Kế toán Công ty CP Dược phẩm Bidiphar 1
07/2013	12/2014	: Phó phòng Kế toán Công ty CP Dược phẩm Bidiphar 1
01/2015	02/2018	: Tổ trưởng Tổ kiểm soát nội bộ Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
03/2018	04/2018	: Tổ trưởng Tổ giám sát bán hàng thuộc Phòng Marketing Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
04/2018	Nay	: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết	:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ	:	<b>50.520 cổ phiếu</b> chiếm 0,1%VĐL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: <b>50.520 cổ phiếu</b> , chiếm 0,1% VĐL
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty	:	Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu DBD	:	Không

**Bà Nguyễn Thị Hằng Nga – Thành viên Ban Kiểm soát**

Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	27/05/1971
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMND	:	211413153 cấp ngày 18/06/2009 tại CA Bình Định
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Phước Long, Tuy Phước, Bình Định
Địa chỉ thường trú	:	29 Thi Sách, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	:	
1991	1992	: Công nhân PX Thuốc tiêm, Công ty Dược – TTBYT Bình Định
1992	1993	: Học dược tá tại Sở Y tế Bình Định
1994	2000	: Học đại học kế toán tại Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Bình Định
2000	2008	: Nhân viên bán hàng thuộc Phòng Kinh doanh - Công ty Dược – TTBYT Bình Định
2009	04/2015	: Phó phòng Kinh doanh thuộc Phòng Kinh doanh - Công ty Dược – TTBYT Bình Định
04/2015	04/2018	: Trưởng BKS Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
04/2018	Nay	: Thành viên BKS Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	:	Thành viên BKS Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Số cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ	:	<b>95.460 cổ phiếu</b> chiếm 0,18%VĐL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: <b>95.460 cổ phiếu</b> , chiếm 0,18% VĐL
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty	:	Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu DBD	:	- Anh: Nguyễn Anh Dũng sở hữu 9.936 cổ phần - Em: Nguyễn Quỳnh Hoa sở hữu 38.426 cổ phần

**Bà Trình Phương Mai – Thành viên Ban kiểm soát**

Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	22/7/1989
Nơi sinh	:	Quy Nhơn, Bình Định
Số CMND	:	215167845 cấp ngày 01/08/2006 tại CA Bình Định
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định
Địa chỉ thường trú	:	38/6 Phùng Khắc Khoan, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
Quá trình công tác	:	
04/2012	Nay	: Chuyên viên P.Thẩm định đầu tư – Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định
03/2014	Nay	: Thành viên BKS Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết	:	Thành viên BKS Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Chuyên viên P.Thẩm định đầu tư – Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định
Số cổ phiếu DBD hiện đang nắm giữ	:	<b>6.000 cổ phiếu</b> chiếm 0,01%VĐL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: <b>6.000 cổ phiếu</b> , chiếm 0,01% VĐL
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định của Công ty
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu DBD	:	- Chồng: Lâm Văn Vũ sở hữu 3.000 cổ phần

*Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban TGD và KTT***Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ	CMND
1	Ông Nguyễn Văn Quá	56	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	210111956
2	Phạm Thị Thanh Hương	52	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm PTGD	211716331
3	Nguyễn Thanh Giang	50	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	211545152
4	Huỳnh Ngọc Oanh	54	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	025220783
5	Nguyễn Thị Mai Hoa	52	Thành viên HĐQT kiêm KTT	211095942

✚ Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

**Ông Nguyễn Văn Quá – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

*Xem chi tiết lý lịch tại phần Chủ tịch Hội đồng Quản trị*

**Bà Phạm Thị Thanh Hương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

*Xem chi tiết lý lịch tại phần Thành viên Hội đồng Quản trị*

**Ông Nguyễn Thanh Giang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

*Xem chi tiết lý lịch tại phần Thành viên Hội đồng Quản trị*

**Ông Huỳnh Ngọc Oanh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

*Xem chi tiết lý lịch tại phần Thành viên Hội đồng Quản trị*

**Bà Nguyễn Thị Mai Hoa – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

*Xem chi tiết lý lịch tại phần Thành viên Hội đồng Quản trị*

## 12. Tài sản

a. Tình hình tài sản

*Chi tiết Tài sản tại 31/12/2017*

*Đơn vị: đồng*

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>I. TSCĐ hữu hình</b>	<b>445.535.222.752</b>	<b>250.961.285.651</b>	<b>194.573.937.101</b>
<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>151.104.706.850</i>	<i>57.566.691.672</i>	<i>93.538.015.178</i>
• Nhà máy sản xuất thuốc viên Betalactam	5.665.142.653	2.037.728.700	3.627.413.953
• Nhà xưởng đông khô	4.000.130.519	1.623.068.599	2.377.061.920
• Nhà kho GSP và xưởng thuốc viên GMP	7.968.826.923	4.061.874.094	3.906.952.829
• Văn phòng làm việc Bidiphar	20.161.684.421	2.419.071.597	17.742.612.824
• Nhà kho Tây Sơn	5.674.291.819	4.612.346.777	1.061.945.042
• Nhà phân xưởng vi sinh	12.579.411.169	504.551.246	12.074.859.923
• Nhà điều hành nhà máy	2.203.200.000	1.181.682.395	1.021.517.605
• Nhà làm việc chi nhánh Tuy Phước	1.929.661.098	466.977.998	1.462.683.100
• Nhà chi nhánh An Nhơn	827.515.560	607.587.236	219.928.324
• Nhà chi nhánh Hà Nội	3.009.621.000	1.900.492.504	1.109.128.496
• Nhà chi nhánh Đắk Lắk	2.434.714.879	1.327.465.538	1.107.249.341
• Nhà chi nhánh Khánh Hòa	3.282.042.363	142.759.876	3.139.282.487
• Nhà chi nhánh Đồng Nai	1.583.854.080	190.062.492	1.393.791.588
• Nhà máy dược phẩm GMP	3.040.308.402	3.040.308.402	0
• Nhà Xí nghiệp sản xuất Thiết bị Y tế	3.568.883.417	1.439.021.446	2.129.861.971



Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
• Nhà chi nhánh Cần Thơ	5.577.608.837	1.344.192.041	4.233.416.796
• Nhà Trung tâm nghiên cứu	10.848.149.483	328.953.154	10.519.196.329
• Kho lưu trữ	3.848.015.903	368.987.826	3.479.028.077
• Nhà cửa, vật kiến trúc	52.901.644.324	29.969.559.751	22.932.084.573
<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>248.684.069.941</b>	<b>170.480.925.693</b>	<b>78.203.144.248</b>
• Bồn pha chế	1.021.653.000	1.021.653.000	0
• Dây chuyền sản xuất viên nang mềm	2.262.776.800	2.232.608.521	30.168.279
• Hệ máy nén khí trục vít không dầu	1.102.662.500	306.127.306	796.535.194
• Hệ thống cung cấp khí lạnh	2.451.696.844	2.451.696.844	0
• Hệ thống khí lạnh xưởng bột	1.340.501.640	1.340.501.640	0
• Hệ thống khí lạnh xưởng viên Betalactam	4.342.095.334	4.342.095.334	0
• Hệ thống khí lạnh tiệt trùng xưởng đông khô	3.573.360.575	3.573.360.575	0
• Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử	1.356.746.411	1.356.746.411	0
• Hệ thống sắc ký khí	596.569.378	596.569.378	0
• Hệ thống xử lý ẩm	1.696.646.470	1.696.646.470	0
• Hệ thống xử lý không khí	840.000.000	840.000.000	0
• Hệ thống điều hòa không khí và xử lý ẩm	1.515.462.262	1.010.308.176	505.154.086
• Máy bao phim tự động	1.200.000.000	1.200.000.000	0
• Máy cấp chai tự động	1.019.808.000	1.019.808.000	0
• Máy dập viên cao tốc	3.677.548.800	3.677.548.800	0
• Máy đo độ hòa tan	2.240.603.500	191.320.938	2.049.282.562
• Máy đóng chai thuốc nhỏ mắt tự động	2.282.855.173	2.282.855.173	0
• Máy đóng gói nằm ngang	2.810.762.000	1.331.144.117	1.479.617.883
• Máy đồng hóa áp lực cao	1.418.770.280	285.049.737	1.133.720.543
• Máy ép vỉ thuốc tự động	2.310.422.000	2.310.422.000	0
• Máy hàn vỉ thuốc viên đạn	1.014.240.000	1.014.240.000	0
• Máy Isolator	10.645.060.000	1.779.024.144	8.866.035.856
• Máy sắc ký lỏng khối phổ LCMS	3.800.000.000	1.298.944.259	2.501.055.741
• Máy sấy và tạo hạt tầng sôi hiệu TPT	2.169.000.000	453.356.557	1.715.643.443
• Máy sấy và tạo hạt tầng sôi	3.527.438.000	3.527.438.000	0
• Máy tạo vỉ thuốc viên đạn	1.351.522.000	1.351.522.000	0
• Máy vô vỉ thuốc viên đạn	1.182.608.000	1.182.608.000	0

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
• Máy tạo viên nang mềm	7.059.681.000	7.059.681.000	0
• Máy vô hộp Carton tự động	1.781.880.000	323.756.886	1.458.123.114
• Máy vô nang tự động	1.650.178.000	458.131.609	1.192.046.391
• Thiết bị ghi nhiệt độ không dây	1.309.350.000	466.500.656	842.849.344
• Thiết bị quang phổ Raman cầm tay	1.232.727.273	374.982.614	857.744.659
• Hệ máy đùn, ve tạo hạt	1.865.000.000	568.153.537	1.296.846.463
• Hệ thống xử lý nước	496.400.000	496.400.000	0
• Hệ thống Sắc ký lỏng cao áp	1.827.272.727	166.874.222	1.660.398.505
• Máy móc thiết bị khác	168.710.771.974	116.892.849.789	51.817.922.185
<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>33.064.254.456</b>	<b>17.160.483.747</b>	<b>15.903.770.709</b>
<b>Thiết bị văn phòng</b>	<b>12.682.191.505</b>	<b>5.753.184.539</b>	<b>6.929.006.966</b>
<b>II. TSCĐ vô hình</b>	<b>57.084.211.700</b>	<b>4.732.057.988</b>	<b>52.352.153.712</b>
Quyền sử dụng đất	45.085.742.650	1.333.659.854	43.752.082.796
Phần mềm vi tính	11.998.469.050	3.398.398.134	8.600.070.916
<b>Tổng cộng</b>	<b>502.619.434.452</b>	<b>255.693.343.639</b>	<b>246.926.090.813</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017 của Bidiphar

b. Bất động sản

*Danh mục đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty*

STT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức	Mục đích sử dụng
<b>I</b>	<b>Trụ sở chính công ty</b>				
1	Văn phòng Công ty	498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định	18.707	Nhà nước giao đất, sử dụng lâu dài	Văn phòng điều hành và nhà máy sản xuất
2	Nhà máy sản xuất tại trụ sở chính Công ty				
<b>II</b>	<b>Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao</b>				
1	Nhà máy sản xuất thuốc tiêm đông khô công nghệ cao và thuốc điều trị ung thư công nghệ cao	Lô A3.01, Khu A, Khu kinh tế Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định.	15.000	Nhà nước giao đất, sử dụng lâu dài	Khu nhà văn phòng và nhà xưởng sản xuất
<b>III</b>	<b>Công ty TNHH Bidiphar Non-Betalactam</b>				

STT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức	Mục đích sử dụng
1	Nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Non-Betalactam	Lô A3.02, Khu A, Khu kinh tế Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định.	30.000	Nhà nước giao đất, sử dụng lâu dài	Khu nhà văn phòng và nhà xưởng sản xuất
<b>IV</b>	<b>Công ty TNHH Bidiphar Betalactam</b>				
1	Nhà máy sản xuất Cephalosporin và Penicilline	Lô A3.01, Khu A, Khu kinh tế Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định.	15.000	Nhà nước giao đất, sử dụng lâu dài	Khu nhà văn phòng và nhà xưởng sản xuất
<b>V</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar TP HCM</b>				
1	Nhà Văn phòng Chi nhánh	433/24 Sur Vạn Hạnh (ND)	42	Nhà nước giao đất, sử dụng lâu dài.	Sử dụng làm kho dược phẩm và nhà làm việc của Chi nhánh Công ty.
2	Nhà Văn phòng Chi nhánh	433/26 Sur Vạn Hạnh (ND)	42		
<b>VI</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar Hà Nội</b>				
1	Nhà Văn phòng Chi nhánh	Tổ 10, Phường Thanh Trì, Q.Hoàng Mai, Tp.Hà Nội	210	Nhà nước giao đất, sử dụng lâu dài	Sử dụng làm kho dược phẩm và nhà làm việc của chi nhánh Công ty
2	Nhà Văn phòng Chi nhánh				
<b>VII</b>	<b>Trung tâm cung ứng thuốc &amp; Mỹ phẩm Quy Nhơn</b>				
1	Nhà TT giao dịch thương mại - Phần nhà bán hàng	365 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn	609	Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm kho và nhà làm việc của chi nhánh Công ty.
2	Nhà kho dược - CH trung tâm				
<b>VIII</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar Tuy Phước</b>				
1	Nhà Văn phòng Chi nhánh	TT Diêu Trì, Tuy Phước, Bình Định	330	Hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất.	Sử dụng làm kho và nhà làm việc của chi nhánh Công ty.
<b>IX</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar An Nhơn</b>				

STT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức	Mục đích sử dụng
1	Nhà Chi nhánh An Nhơn (Lô 1)	Khu Đô thị mới đường Thanh niên, TX.An Nhơn, Bình Định	87	Hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất	Sử dụng làm kho và nhà làm việc của chi nhánh Công ty.
2	Nhà Chi nhánh An Nhơn (Lô 2)		87		
<b>X</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar Tây Sơn</b>				
1	Nhà CN Tây Sơn	176 Quang Trung, Tây Sơn, Bình Định	200	Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm kho và nhà làm việc của chi nhánh Công ty
2	Nhà kho CN Tây Sơn				
<b>XI</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar Phù Cát</b>				
1	Nhà Chi nhánh Phù Cát	155 Quang Trung, TT.Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	162,4	Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.	Sử dụng làm kho và nhà làm việc của chi nhánh Công ty
<b>XII</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar Phù Mỹ</b>				
1	Nhà Văn phòng , bán hàng Chi nhánh	279 Quang Trung, TT Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	489,3	Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm kho và nhà làm việc của chi nhánh Công ty
<b>XIII</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar Hoài Nhơn</b>				
1	Cửa hàng bán thuốc Hoài Nhơn	212 Quang Trung, TT.Bồng Sơn, Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	115.2	Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm kho và nhà làm việc của chi nhánh Công ty
2	Nhà bán thuốc số 1 - Bồng sơn	263 Quang Trung, TT.Bồng Sơn, Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	22		
3	Nhà bán thuốc thị trấn Tam Quan -HT Hoài Nhơn	232 QL 1A, TT.Tam Quan, H.Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	50.0		
<b>XIV</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar Hoài Ân</b>				
1	Nhà Văn phòng , bán hàng	17 Hai Bà Trưng,	190	Hình thức	Sử dụng làm kho

STT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức	Mục đích sử dụng
		Thôn Da Chiểu 2, TT.Tăng Bạt Hổ, Hoài Ân, Bình Định		thuê đất trả tiền hàng năm.	và nhà làm việc của chi nhánh Công ty
2	Quầy thuốc Chợ Mộc Bài – Hoài Ân	Chợ Mộc Bài, TT.Tăng Bạt Hổ, H.Hoài Ân, tỉnh Bình Định	50	Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.	
<b>XV</b>	<b>Nhà 34 Ngô Mây, Quy Nhơn</b>				
1	Nhà số 34 đường Ngô Mây, TP Quy Nhơn	Số 34 đường Ngô Mây, P.Ngô Mây, Tp.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	758	Hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất	Sử dụng làm kho dược phẩm và văn phòng giao dịch của chi nhánh Công ty
<b>XVI</b>	<b>Kho GSP Phường Quang Trung (Công ty Xe máy Miền Trung)</b>				
1	Tổng kho Bidiphar - đạt tiêu chuẩn GSP	Khu vực 5, P. Quang Trung, Tp.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	22.972,5	Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.	Sử dụng làm nhà kho
<b>XVII</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar Đăklăk</b>				
1	Nhà Văn phòng Chi nhánh Bidiphar	Khu TĐC, P.Thành Nhất, TP.Buôn ma Thuột, Đăklăk	1.305	Nhà nước giao đất, sử dụng lâu dài.	Sử dụng làm kho và nhà làm việc của chi nhánh Công ty.
<b>XVIII</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar Khánh Hòa</b>				
1	Quyền sử dụng đất	Xã Vĩnh Thạnh, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	360,65	Nhà nước cho thuê đất có thời hạn 50 năm	Làm cơ sở sản xuất kinh doanh cho công ty
<b>XIX</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar Đà Nẵng</b>				
1	Quyền sử dụng đất (Lô 1)	KDC Hòa Phát 4, P.Hòa An, Q.Cẩm Lệ, Tp.Đà Nẵng	250	Nhà nước giao đất, sử dụng lâu dài.	Xây dựng mới chi nhánh Bidiphar tại Đà Nẵng
2	Quyền sử dụng đất (Lô 2)		250		

STT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức	Mục đích sử dụng
<b>XX</b>	<b>Chi nhánh Bidiphar Nghệ An</b>				
1	Quyền sử dụng đất (Lô 1)	Phường Vinh Tân, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An	319,3	Nhà nước giao đất, sử dụng lâu dài.	Sử dụng làm kho dược phẩm và nhà làm việc của chi nhánh Công ty
2	Quyền sử dụng đất (Lô 2)		308,9		

Nguồn: Bidiphar

### 13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Các hoạt động kinh doanh tạo nên doanh thu của Công ty hợp nhất chủ yếu đến từ Công ty Mẹ Bidiphar. 03 công ty con do Bidiphar trực tiếp sở hữu 100% vốn đang trong quá trình đầu tư dự án và 01 công ty liên kết đóng góp khoản cổ tức vào lợi nhuận không đáng kể. Do đó, Công ty chỉ xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức hợp nhất cho giai đoạn 2018 – 2019.

#### *Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức hợp nhất giai đoạn 2018 – 2019 của Bidiphar*

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018		Năm 2019	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng (giảm)/ TH 2017	Kế hoạch	% tăng (giảm)/ KH 2018
Tổng doanh thu (triệu đồng)	1.459.521	1.600.000	+9,62%	1.840.000	15%
DTT (triệu đồng)	1.388.227	1.584.107	+14,11%	1.821.700	15%
+ Dược phẩm	1.248.175	1.433.305	+14,83%	1.648.300	15%
+ Thiết bị, vật tư y tế	121.231	137.908	+13,76%	158.590	15%
+ Nguyên vật liệu, bao bì	16.884	10.586	-37,30%	12.170	15%
+ Khác	1.937	2.307	+19,10%	2.640	15%
Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	490.672	582.443	+18,70%	669.800	15%
LNTT (triệu đồng)	203.596	210.000	+3,15%	232.650	11%
LNST (triệu đồng)	164.390	168.000	+2,20%	186.120	11%
Vốn điều lệ (triệu đồng)	523.790	523.790	-	523.790	-
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	833.010	884.222	+6,15%	972.644	10%
Tỷ lệ LNST/DTT	11,84%	10,61%	-1,24%	10,20%	-0,41%
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH bình quân	20,47%	18,30%	-2,57%	20,05%	+1,75%



Cổ tức	15%	15%	-	15%	-
--------	-----	-----	---	-----	---

Nguồn: Bidiphar

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018 – 2019 của Bidiphar được xây dựng căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 688/NQ-HĐQT ngày 03/05/2018 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 623/NQ-ĐHĐCĐ2018 ngày 14/04/2018 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định. Số liệu doanh thu và lợi nhuận trên đây được xác lập trên cơ sở thận trọng. Các số liệu kế hoạch trên có tính đến các rủi ro về lạm phát và một số chi phí đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực và khuyến khích CBNCV Công ty. Mức cổ tức đặt ra là khả thi phù hợp với lịch sử chi trả cổ tức cũng như các yếu tố về tỷ suất sinh lời của Bidiphar.

### 13.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Bidiphar trong các năm sắp tới được lập dựa trên những dự báo về tiềm năng của ngành dược, kỹ thuật và năng lực sản xuất của các nhà máy của Công ty cùng với các định hướng đổi mới và phát triển kinh doanh trong dài hạn.

#### **✚ Tập trung nâng cao sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chủ lực của Công ty**

Các sản phẩm chủ lực của Bidiphar như nhóm thuốc điều trị các loại bệnh ung thư, thuốc tiêm đông khô, nhóm thuốc viên Non-Betalactam, nhóm thuốc viên nang mềm và nhóm thuốc dung dịch thẩm phân máu đóng góp từ 40% - 45% doanh thu của Công ty.

#### **✚ Tiếp tục đầu tư nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư theo tiêu chuẩn GMP – EU/PICs tại Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao thuộc sở hữu 100% vốn của Bidiphar**

Bidiphar đang thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư theo tiêu chuẩn GMP-EU/PICs tại Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao thuộc sở hữu 100% vốn của Bidiphar. Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư dự kiến đi vào hoạt động vào Quý IV/2019.

Hầu hết sản phẩm của Bidiphar được phân phối qua kênh bệnh viện, việc đầu tư nhà máy mới với tiêu chuẩn cao hơn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao tính cạnh tranh của Công ty, đặc biệt so với các công ty dược phẩm nước ngoài nhờ vào Luật Dược sửa đổi năm 2016. Theo đó, Luật Dược sửa đổi năm 2016 có hiệu lực từ tháng 01/2017 tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các nhà sản xuất thuốc trong nước từ đầu vào (ví dụ: thúc đẩy phát triển vùng nguyên liệu trong nước), sản xuất (ví dụ: đăng ký sản xuất thuốc generics sớm hơn) cho đến tiêu thụ (ví dụ: các doanh nghiệp trong nước được ưu tiên khi đấu thầu thuốc vào bệnh viện).

### Công suất thiết kế của nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư

STT	Sản phẩm	Công suất thiết kế
1	Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư	- Thuốc Tiêm- đông khô : 25 triệu sp/năm - Thuốc Viên : 2 triệu sp/năm

Nguồn: Nghị quyết HĐQT số 573/NQ-HĐQT ngày 05/04/2018 của Bidiphar

Hiện tại, sản phẩm của Bidiphar được phân loại vào nhóm 3 khi đấu thầu vào bệnh viện trong khi hầu hết các nhà sản xuất nước ngoài với tiêu chuẩn sản phẩm cao hơn như EU-GMP và GMP-PICs được đấu thầu vào nhóm 1 và nhóm 2. Sự khác nhau giữa nhóm 3 và nhóm 1, nhóm 2 đó là tiêu chuẩn sản xuất thuốc; theo đó, để có thể đấu thầu các sản phẩm vào nhóm cao (nhóm 1, nhóm 2) thì các công ty dược cần đảm bảo đạt được các tiêu chuẩn sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế. Hiện tại, các công ty đấu thầu thuốc vào nhóm 1 và nhóm 2 chủ yếu là các doanh nghiệp nước ngoài.

Bidiphar đang hợp tác với Tập đoàn Testa Tây Ban Nha để xây dựng nhà máy thuốc điều trị ung thư với tiêu chuẩn GMP-PICs để Công ty có thể đấu thầu vào nhóm 2 với tiêu chuẩn cao hơn, kéo theo lợi nhuận biên cao hơn.

Vì Luật Dược sửa đổi năm 2016 có hiệu lực từ tháng 01/2017 ưu tiên các doanh nghiệp nội trong việc đấu thầu vào kênh bệnh viện, Bidiphar sẽ có lợi thế nhờ vào nhà máy đạt chuẩn GMP-PICs và giúp Công ty đấu thầu vào nhóm 2 – hiện tại đang bị thống lĩnh bởi các doanh nghiệp ngoại. Hầu hết các sản phẩm thuốc điều trị ung thư nhóm 1 và nhóm 2 đều là nhập khẩu nước ngoài.

#### **Phát triển nguồn nhân lực**

- Xây dựng các chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao bổ sung cho các bộ phận Nghiên cứu và Phát triển, Quản lý chất lượng, Phân xưởng sản xuất và các Chi nhánh.
- Xây dựng và theo dõi các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc từng phòng ban, từng cá nhân (KPI) theo mục tiêu chất lượng.
- Trả lương theo vị trí và hiệu quả công việc; xây dựng tiêu chuẩn nâng bậc tay nghề cho công nhân sản xuất dược.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo sát nhu cầu, chú trọng nâng cao hiệu quả công tác đào tạo.
- Tiếp tục phối hợp tổ chức công đoàn, đoàn thành niên tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

#### **Nâng cao công tác quản trị khâu quản lý sản xuất**

- Triển khai 5S (sàn lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sàng, sẵn sàng) đồng bộ tại tất cả các phân xưởng sản xuất.
- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giảm chi phí trong quá trình sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.
- Nâng cao hiệu quả công tác mua hàng, đảm bảo đủ nguyên vật liệu phục vụ kịp thời cho sản xuất và nghiên cứu, đúng quy định và giá cả phù hợp. Quản lý tốt hàng tồn kho.
- Tổ chức, sắp xếp sản xuất theo quy trình khoa học và hiệu quả, nhằm khai thác tối đa năng lực của máy móc thiết bị, đáp ứng 100% đơn hàng theo kế hoạch.

- Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...

#### **Giải pháp nghiên cứu khoa học và phát triển sản phẩm mới**

- Nghiên cứu và phối hợp thực hiện hồ sơ đăng ký cho 25 sản phẩm mới, làm thủ tục đăng ký thay đổi cho 70 sản phẩm.
- Thực hiện kịp thời và có chất lượng các thông báo thẩm định. Phần đầu được cấp số đăng ký mới cho 20 sản phẩm, cấp số đăng ký lại cho 26 sản phẩm, gia hạn 05 năm số đăng ký cho 29 sản phẩm.
- Cải tiến nâng cao chất lượng 30 sản phẩm.
- Xây dựng kế hoạch và đề cương thẩm định quy trình sản xuất 90 sản phẩm, thẩm định mô phỏng cho 07 dây chuyền sản xuất thuốc vô trùng theo đúng quy định.
- Chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, nghiên cứu phát triển một số sản phẩm đạt tương đương sinh học ngoài danh mục hoạt chất Bộ Y tế yêu cầu (phần đầu có ít nhất 05 sản phẩm đạt tương đương sinh học năm 2018), triển khai tốt các đề tài dự án đã đăng ký như dự án thuốc điều trị ung thư, dự án sản xuất thử nghiệm thuốc tác dụng kéo dài.

#### **Công tác quản lý chất lượng**

- Tiếp tục cập nhật, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu cập nhật của GPs, ISO và lộ trình áp dụng GMP-EU (2019).
- Đảm bảo 100% NVL đầu vào, bán thành phẩm, thành phẩm được kiểm tra đạt theo tiêu chuẩn đăng ký, hoàn thành 100% theo kế hoạch thẩm định đúng quy định GLP, GMP hiện hành.
- Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng và thẩm định phương pháp phân tích các tiêu chuẩn sản phẩm đáp ứng theo kế hoạch đăng ký thuốc mới và tái đăng ký.
- Xây dựng kế hoạch và triển khai bảo dưỡng, bảo trì, hiệu chuẩn 100% các thiết bị đo lường của Công ty theo đúng quy định GMP, GLP.

#### **Đầu tư phát triển hệ thống phân phối**

- Nâng cao hiệu quả, độ chính xác trong công tác lập kế hoạch bán hàng; nâng cao khả năng quản trị tổng thể của các cán bộ quản lý.
- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu chuẩn bị đầu ra cho các nhà máy mới khi đi vào hoạt động.
- Xây dựng chính sách và các chương trình bán hàng hấp dẫn, hiệu quả, gắn liền với nhu cầu của khách hàng nhằm giữ vững thị trường dược phẩm hiện có, tiếp tục phát triển thị trường mới.

- Phát triển hoạt động kinh doanh thiết bị vật tư y tế, tìm kiếm các sản phẩm phân phối độc quyền nhằm đạt mục tiêu đề ra.

#### **Nâng cao các hoạt động marketing**

- Vận hành hệ thống nhận diện thương hiệu toàn Công ty một cách đồng bộ.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông sự kiện hỗ trợ cho công tác phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng, đặc biệt xúc tiến phát triển sản phẩm chủ lực đạt doanh thu 825 tỷ.
- Nghiên cứu thị trường và đề xuất phát triển các sản phẩm thuốc đặc trị ung thư, thuốc tiêm bột, tiêm Ampoul, các sản phẩm thực phẩm chức năng; phát triển có hiệu quả các sản phẩm mới có Số đăng ký trong năm 2018.
- Xúc tiến phát triển Câu lạc bộ khách hàng OTC tăng trưởng 20% so với năm 2017, đạt doanh số 520 tỷ.

#### **Ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất**

- Duy trì, nâng cấp và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin tại Công ty và chi nhánh, đảm bảo vận hành tốt hệ thống phần mềm SAP-ERP.
- Thiết lập, triển khai các chính sách về bảo mật và an toàn thông tin.
- Kiểm soát hệ thống, hướng dẫn người dùng thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ trên hệ thống; Kiểm soát lỗi, hỗ trợ và xử lý kịp thời các yêu cầu từ các đơn vị trong quá trình vận hành sử dụng phần mềm SAP-ERP.
- Hoàn tất quy trình và đào tạo nhân lực để vận hành phần mềm quản lý hệ thống phân phối bán hàng DMS vào Quý II năm 2018.
- Triển khai giai đoạn 02 hệ thống SAP-ERP.

#### **Công tác tài chính và kiểm soát nội bộ**


- Đảm bảo số liệu, chứng từ kế toán phát sinh theo đúng quy định của pháp luật; quản lý nguồn vốn hiệu quả, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.
- Hoàn thiện và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, đảm bảo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật, quy định và quy chế Công ty đã ban hành.
- Tăng cường hoạt động kiểm soát, kiểm tra tất cả các chi phí phát sinh nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục tiêu năm 2018 tiếp tục tiết giảm được 1% tỷ lệ tổng chi phí phát sinh/doanh thu so với năm 2017. Tiếp tục hoàn thiện công tác thanh quyết toán, đảm bảo độ chính xác, nhanh chóng. Chú trọng công tác quản

trị, phân tích số liệu tài chính để tham mưu có hiệu quả cho các quyết định quản lý của lãnh đạo.

#### Giải pháp đầu tư

- Xây dựng mới Văn phòng Chi nhánh Bidiphar tại các tỉnh: Nghệ An, Quảng Trị, Đà Nẵng và Hải Phòng.
- Tiếp tục đầu tư, mua sắm thiết bị cho Trung tâm Nghiên cứu Phát triển, các phòng ban và phân xưởng theo kế hoạch đầu tư được duyệt.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác Quản trị doanh nghiệp thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Hoàn thiện triển khai các nội dung ứng dụng SAP-ERP giai đoạn 02. Phần mềm quản lý hệ thống bán hàng DMS Pro.

#### *Tính khả thi của kế hoạch giai đoạn 2018 - 2019*

-  Trong giai đoạn 2016 – 2017, tốc độ tăng trưởng doanh thu của Bidiphar đạt hơn 0,24%, tốc độ lợi nhuận sau thuế đạt hơn 16,18%. Trên cơ sở các dòng sản phẩm đang hiện có và đánh giá những tiềm năng của thị trường hiện nay với dự báo tăng trưởng ổn định của ngành dược, mục tiêu tăng trưởng dự kiến trong năm 2018 và trong năm 2019 được HĐQT đánh giá là hoàn toàn khả thi. Trong năm 2019, Bidiphar sẽ đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư theo tiêu chuẩn GMP-EU/PICs tại Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao thuộc sở hữu 100% vốn của Bidiphar, hứa hẹn sẽ mang lại sự tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận để đạt mục tiêu đề ra.

### 13.2. Kế hoạch đầu tư dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua

Trong giai đoạn sắp tới, để phục vụ việc nâng cấp, đầu tư mở rộng quy mô sản xuất và công nghệ, CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định có kế hoạch thực hiện các dự án như sau:

STT	Tên dự án	Vốn đầu tư	Quy mô dự án	Tiến độ thực hiện dự án	Tình trạng dự án
1	Dự án Nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Công nghệ Cao tại Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao, bao gồm các dự án:  i) Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư  ii) Nhà máy sản xuất thuốc uống dạng rắn không chứa nhóm Betalactam	530 tỷ đồng, trong đó vốn tự có 40%, vốn vay các ngân hàng thương mại 60%.	i) Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư  - Thuốc tiêm: công suất 25 triệu sản phẩm/năm  - Thuốc viên: công suất 02 triệu sản phẩm/năm  ii) Nhà máy sản xuất thuốc uống dạng rắn không chứa nhóm Betalactam: công suất 1,3 tỷ sản phẩm/năm	i) Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư: bắt đầu thực hiện từ Quý I/2018 và sẽ hoàn thành đưa vào sản xuất từ Quý IV/2019.  ii) Nhà máy sản xuất thuốc uống dạng rắn không chứa nhóm Betalactam: bắt đầu thực hiện từ Quý II/2018 và sẽ hoàn thành đưa vào sản xuất từ Quý IV/2020.	Dự án đã nhận được Quyết định chấp thuận đầu tư dự án số 2115/QĐ-BQL ngày 21/10/2016 của Ban Quản lý Khu Kinh tế UBND tỉnh Bình Định.  Ngày 05/04/2018, HĐQT CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định đã họp và điều chỉnh nội dung đầu tư căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 573/NQ-HĐQT.  Việc điều chỉnh tổng mức vốn đầu tư cho các dự án nhà máy sản xuất tại Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao lên 530 tỷ đã được ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua căn cứ theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018 số 623/NQ-ĐHCĐ2018 ngày 14/04/2018.
2	Dự án Nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Non – Betalactam tại Công ty TNHH Bidiphar Non - Betalactam	350 tỷ đồng, trong đó vốn tự có 34,3%, vốn vay các ngân hàng thương mại 65,7 %.	400 triệu sản phẩm/năm	Bắt đầu thực hiện xây dựng từ Quý I năm 2021. Dự kiến hoàn thành vận hành nhà máy sản xuất vào Quý III năm 2022.	Dự án đã nhận được Quyết định chấp thuận đầu tư dự án số 2354/QĐ-BQL ngày 21/11/2016 của Ban Quản lý Khu Kinh tế UBND tỉnh Bình Định.
3	Dự án nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar	255 tỷ đồng, trong đó vốn tự	62 triệu lọ/năm (tương đương 19	Bắt đầu thực hiện xây dựng từ năm 2020. Dự	Dự án đã nhận được Quyết định chấp thuận đầu tư dự án số 2353/QĐ-BQL ngày



Betalactam tại Công ty TNHH Bidiphar	Betalactam	có 43,1%, vốn vay các ngân hàng thương mại 56,9%.	tân/năm)	kiến hoàn thành vận hành nhà máy sản xuất vào Quý I năm 2027.	21/11/2016 của Ban Quản lý Khu Kinh tế UBND tỉnh Bình Định. Ngày 13/04/2018, HĐQT CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định đã họp và điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 619/NQ-HĐQT.
--------------------------------------	------------	---	----------	---	---

Chi tiết về các dự án trên như sau:

• **CÔNG TY TNHH BIDIPHAR CÔNG NGHỆ CAO**

Tên Công ty	: Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 4101470866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15/08/2016
Địa chỉ	: Lô A3.01, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Người đại diện theo pháp luật	: Mai Tòng Ba
Vốn điều lệ	: 120.000.000.000 đồng ( <i>Một trăm hai mươi tỷ đồng</i> )
Tỷ lệ Bidiphar sở hữu	: 100% VĐL tương đương 120 tỷ đồng
Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.	

Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 280/NQ-ĐHCĐ ngày 25/03/2017 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định;
- Quyết định số 2115/QĐ-BQL ngày 21/10/2016 của Ban Quản lý Khu Kinh tế UBND tỉnh Bình Định V/v chấp thuận dự án đầu tư của Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao;
- Nghị quyết HĐQT số 573/NQ-HĐQT ngày 05/04/2018 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định V/v điều chỉnh nội dung đầu tư Nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Công nghệ cao tại Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao;
- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 623/NQ-ĐHCĐ2018 ngày 14/04/2018 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định.

Hiện tại, Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao đang thực hiện đầu tư dự án như sau:

- Tên dự án đầu tư:** Nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Công nghệ Cao
- Mục tiêu dự án:** Đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao nhóm sản phẩm thuốc điều trị ung thư và thuốc tiêm đông khô đạt tiêu chuẩn GMP-PICs.

iii) **Quy mô công suất:**

- Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư:
  - Thuốc tiêm : công suất 25 triệu sản phẩm/năm.
  - Thuốc viên : công suất 02 triệu sản phẩm/năm.
- Nhà máy sản xuất thuốc uống dạng rắn không chứa nhóm Betalactam (OSD Non

Betalactam):

- Thuốc uống dạng rắn không chứa nhóm betalactam: công suất 1,3 tỷ sản phẩm/năm.
  - Khu văn phòng trung tâm: Diện tích 700 m<sup>2</sup>.
- iv) **Địa điểm thực hiện dự án:** Lô A3.01, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- v) **Diện tích:** 20.003 m<sup>2</sup>.
- vi) **Tổng vốn đầu tư của dự án:** 530 tỷ đồng trong đó vốn tự có 40% và vốn vay 60%. Bao gồm 02 nhà máy:
- Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư.
  - Nhà máy sản xuất thuốc uống dạng rắn không chứa nhóm betalactam (OSD Non Betalactam).
  - Khu văn phòng trung tâm 700 m<sup>2</sup>.
- vii) **Tiến độ hoàn thiện dự án:**
- Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư:
    - Quý I/2018 – Quý II/2018: Hoàn thành các thủ tục hồ sơ đầu tư xây dựng, môi trường, hoàn thành xây dựng tường rào, nhà bảo vệ; Khởi công xây dựng nhà máy.
    - Quý III/2018 – Quý II/2019: Tiếp tục triển khai thi công xây dựng nhà máy, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, lựa chọn và lắp đặt thiết bị, công trình cây xanh – chiếu sáng.
    - Quý III/2019: Hoàn thành lắp đặt, vận hành và thẩm định nhà máy.
    - Quý IV/2019: Hoàn thành và đưa vào sản xuất.
  - Nhà máy sản xuất thuốc uống dạng rắn không chứa nhóm betalactam (OSD Non Betalactam):
    - Quý II/2018 – Quý III/2018: Hoàn thành các hồ sơ công nghệ, hồ sơ thiết kế thi công.
    - Quý IV/2018: Hoàn thành các thủ tục hồ sơ đầu tư xây dựng, môi trường.
    - Quý I/2019: Khởi công xây dựng nhà máy.
    - Quý II/2019 – Quý II/2020: Tiếp tục triển khai thi công xây dựng nhà máy, lựa chọn và lắp đặt thiết bị.
    - Quý III/2020: Hoàn thành lắp đặt, vận hành và thẩm định nhà máy.
    - Quý IV/2019: Hoàn thành và đưa vào sản xuất.

- Khu văn phòng:
  - Quý I/2020: Hoàn thành các hồ sơ thiết kế thi công, các thủ tục hồ sơ đầu tư xây dựng, môi trường.
  - Quý II/2020: Khởi công xây dựng.
  - Quý IV/2020: Hoàn thành và đưa vào sử dụng

• **CÔNG TY TNHH BIDIPHAR NON-BETALACTAM**

Tên Công ty	: Công ty TNHH Bidiphar Non-Betalactam
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 4101473176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2016
Địa chỉ	: Lô A3.03, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Người đại diện theo pháp luật	: Bạch Hồng
Vốn điều lệ	: 80.000.000.000 đồng ( <i>Tám mươi tỷ đồng</i> )
Tỷ lệ Bidiphar sở hữu	: 100% VDL tương đương 80 tỷ đồng
Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.	

Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 280/NQ-ĐHCĐ ngày 25/03/2017 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định;
- Quyết định số 2354/QĐ-BQL ngày 21/11/2016 của Ban Quản lý Khu Kinh tế UBND tỉnh Bình Định V/v chấp thuận dự án đầu tư của Công ty TNHH Bidiphar Non - Betalactam.

Công ty TNHH Bidiphar Non – Betalactam đang lên kế hoạch thực hiện đầu tư dự án nhà máy sản xuất thuốc Non - Betalactam với mục tiêu nâng cao tiêu chuẩn sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn PIC/S GMP, WHO-GMP và nâng công suất sản xuất đáp ứng yêu cầu thị trường, bao gồm các nhóm sản phẩm: sản xuất thuốc tiêm bột và thuốc viên thuộc nhóm Cepharlosporin, sản xuất thuốc nhóm Penicilline. Nội dung dự án đầu tư như sau:

- i) **Tên dự án đầu tư:** Nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Non – Betalactam
- ii) **Mục tiêu dự án:** Xây dựng nhà máy sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn WHO-GMP và nâng công suất sản xuất đáp ứng yêu cầu thị trường các dạng sản phẩm thuốc tiêm/viên Non-Betalactam
- iii) **Quy mô dự án:** 400 triệu sản phẩm/ năm (tương đương 80 tấn/năm)
- iv) **Địa điểm thực hiện dự án:** Lô A3.03, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP

Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

- v) **Diện tích:** 30.076 m<sup>2</sup>
- vi) **Nguồn vốn đầu tư:** Tổng vốn đầu tư dự kiến là 350 tỷ đồng, trong đó vốn tự có 34,3%, vốn vay các ngân hàng thương mại 65,7%
- vii) **Tiến độ thực hiện dự án:**
- Quý I/2021: thực hiện các thủ tục liên quan chuẩn bị đầu tư.
  - Quý III/2021: xây dựng nhà xưởng, các công trình phụ trợ, lắp đặt máy móc thiết bị.
  - Quý III/2022: vận hành sản xuất.

• **CÔNG TY TNHH BIDIPHAR BETALACTAM**

Tên Công ty	: Công ty TNHH Bidiphar Betalactam
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 4101473183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2016
Địa chỉ	: Lô A3.02, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Người đại diện theo pháp luật	: Hà Văn Cường
Vốn điều lệ	: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng)
Tỷ lệ Bidiphar sở hữu	: 100% VDL tương đương 40 tỷ đồng
Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.	

Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 280/NQ-ĐHCĐ ngày 25/03/2017 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định;
- Quyết định số 2353/QĐ-BQL ngày 21/11/2016 của Ban Quản lý Khu Kinh tế UBND tỉnh Bình Định V/v chấp thuận dự án đầu tư của Công ty TNHH Bidiphar Betalactam.
- Nghị quyết HĐQT số 619/NQ-HĐQT ngày 13/04/2018 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định V/v điều chỉnh nội dung đầu tư Nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Betalactam tại Công ty TNHH Bidiphar Betalactam.

Công ty TNHH Bidiphar Betalactam có kế hoạch thực hiện đầu tư dự án nhà máy sản xuất thuốc Betalactam với mục tiêu nâng cao tiêu chuẩn sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn PIC/S GMP, EU-GMP và nâng công suất sản xuất đáp ứng yêu cầu thị trường, bao gồm các nhóm sản phẩm: sản xuất thuốc tiêm bột nhóm Cepharlosporin, sản xuất thuốc uống dạng rắn thuộc nhóm Cepharlosporin, sản xuất thuốc nhóm Penicilline. Nội dung của dự án đầu tư như sau:

- i) **Tên dự án đầu tư:** Nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Betalactam
- ii) **Mục tiêu dự án:** Xây dựng nhà máy sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn EU GMP, PIC/S GMP, WHO-GMP và nâng công suất sản xuất đáp ứng yêu cầu thị trường, bao gồm các nhóm sản phẩm: sản xuất thuốc tiêm bột nhóm Cepharlosporin, sản xuất thuốc uống dạng rắn nhóm Cepharlosporin, sản xuất thuốc nhóm Penicilline.
- iii) **Quy mô dự án:** 62 triệu l/năm (tương đương 19 tấn/năm), cụ thể:
- Sản phẩm thuốc kháng sinh Cepharlosporin dạng tiêm/bột đạt tiêu chuẩn GMP EU: 15 triệu l/năm (tương đương 7,5 tấn/năm).
  - Sản phẩm thuốc kháng sinh Cepharlosporin dạng rắn (thuốc uống) đạt tiêu chuẩn GMP WHO: 40 triệu sản phẩm/năm (tương đương 8 tấn/năm).
  - Sản phẩm thuốc kháng sinh Penicilline đạt tiêu chuẩn GMP WHO: 7 triệu sản phẩm/năm (tương đương 3,5 tấn/năm).
- iv) **Địa điểm thực hiện dự án:** Lô A3.02, Khu A Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- v) **Nguồn vốn đầu tư:** Tổng vốn đầu tư dự kiến 255 tỷ đồng, bao gồm vốn tự có là 110 tỷ đồng và vốn vay các ngân hàng thương mại 145 tỷ đồng.
- vi) **Tiến độ thực hiện dự án:**
- Giai đoạn 1: Năm 2020 – 2022: Xây dựng nhà máy sản xuất nhóm sản phẩm thuốc kháng sinh Cepharlosporin dạng tiêm bột đạt tiêu chuẩn GMP PICs/EU. Dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng Quý I năm 2022.
- Giai đoạn 2: Năm 2022 – 2025: Xây dựng nhà máy sản xuất nhóm sản phẩm thuốc kháng sinh Penicilline đạt tiêu chuẩn GMP PICs/EU. Dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng Quý I năm 2025.
- Giai đoạn 3: Năm 2025: Xây dựng nhà máy sản xuất nhóm sản phẩm thuốc kháng sinh Cepharlosporin dạng rắn (thuốc uống) đạt tiêu chuẩn GMP PICs/EU. Dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng Quý I năm 2027.

Ngoài ra, ĐHCĐ thường niên năm 2018 cũng đã thông qua kế hoạch đầu tư dự án chi tiết trong năm 2018 căn cứ theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018 số 623/NQ-ĐHCĐ2018 ngày 14/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định, như sau:

### 1) Kế hoạch đầu tư dự án trong năm 2018 của Bidiphar:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2018
1	Dự án đầu tư vào Công ty TNHH MTV Bidiphar Công nghệ cao.	530	116



STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2018
	Trong đó: <i>Hạng mục: Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư theo tiêu chuẩn EU/PICs - GMP</i>	195	116
2	Tiếp tục đầu tư bổ sung, nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng cho các phân xưởng và phòng ban	26	26
3	Tiếp tục đầu tư trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D)	06	06
4	Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối (đầu tư các văn phòng các chi nhánh ngoài tỉnh: Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Trị, Đà Nẵng)	16	10
5	Tiếp tục đầu tư hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp (SAP) giai đoạn 2; Hệ thống bảo mật hạ tầng công nghệ thông tin; Hệ thống quản lý bán hàng (DMS) và các dự án khác	10	10
	<b>Tổng cộng</b>	<b>588</b>	<b>168</b>

## 2) Góp vốn đầu tư bằng quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng khách sạn tại Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định đã thông qua việc góp vốn đầu tư bằng giá trị quyền sử dụng đất tại 34 đường Ngô Mây, phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định để thực hiện dự án đầu tư khách sạn tại lô đất này.

Lô đất này hiện đang được sử dụng làm kho dược phẩm và văn phòng giao dịch của chi nhánh CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định, có diện tích 758 m<sup>2</sup>.

Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thẩm định giá trị quyền sử dụng đất cũng như thực hiện các thủ tục góp vốn đầu tư theo quy định của pháp luật. Khi thực hiện xong việc góp vốn đầu tư bằng quyền sử dụng đất, HĐQT Công ty sẽ thực hiện thông báo cho nhà đầu tư theo quy định.

### 13.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

Trong giai đoạn tới, Công ty không có kế hoạch tăng vốn điều lệ do nguồn vốn hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

## 14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với góc độ là một tổ chức tư vấn, BSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Bidiphar.

Với đà phát triển liên tục và ổn định, chiến lược hoạt động kinh doanh linh hoạt và năng động của Bidiphar, trong bối cảnh tiềm năng phát triển của ngành dược và trang thiết bị y tế trong nước còn rất lớn, BSC cho rằng các kế hoạch lợi nhuận, cổ tức và mục tiêu phát triển của Công ty là hoàn toàn khả thi nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng tác động đến hoạt động

kinh doanh của doanh nghiệp. BSC cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch Công ty đưa ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

BSC xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

#### **15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Tại thời điểm hiện tại, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định là 0% căn cứ theo Công văn 3561/UBCK-PTTT ngày 01/06/2017 của UBCKNN V/v tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Bidiphar. Tuy nhiên, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2018, các cổ đông Công ty đã đồng ý và thông qua việc nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại Bidiphar là 49% và ủy quyền cho HĐQT làm việc với UBCKNN và các Bộ ngành liên quan để xin phép thực hiện căn cứ theo nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 623/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 14/04/2018 của Công ty. Do đó, trong thời gian tới, HĐQT Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan Nhà nước có liên quan để thực hiện việc nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài lên 49% và sẽ thông báo cho quý cổ đông, nhà đầu tư sau khi hoàn thiện công việc này.

#### **16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết**

Không có.

## PHẦN 5. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu (*Mười nghìn đồng/cổ phiếu*)

### 3. Tổng số chứng khoán niêm yết

- Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: **52.379.000 cổ phiếu**  
(*Năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn cổ phiếu*)
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết: **523.790.000.000 đồng**  
(*Năm trăm hai mươi ba tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng*)

### 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết

Theo quy định tại mục đ Khoản 01 Điều 53 của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ: *cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phần này trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.*

Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ khi niêm yết của Công ty như sau:

#### *Thông tin cam kết nắm giữ cổ phiếu khi niêm yết*

Cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần đại diện nắm giữ	Tổng cộng	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	471.095	-	471.095	0,90%
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	339.353	-	339.353	0,65%
Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	363.364	-	363.364	0,69%

Cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần đại diện nắm giữ	Tổng cộng	Tỷ lệ
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	439.908	-	439.908	0,84%
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	291.076	-	291.076	0,56%
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	106.546	-	106.546	0,20%
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	10.000	-	10.000	0,02%
Ông Nguyễn Quang Việt	Trưởng Ban kiểm soát	50.520	-	50.520	0,10%
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên Ban kiểm soát	95.460	-	95.460	0,18%
Bà Trình Phương Mai	Thành viên Ban kiểm soát	6.000	-	6.000	0,01%
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.173.322</b>	<b>-</b>	<b>2.173.322</b>	<b>4,15%</b>

Theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012:

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT tính trên số cổ phiếu đăng ký niêm yết là **2.173.322 cổ phiếu**, chiếm 4,15% vốn điều lệ. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết và hạn chế 50% trong 06 tháng tiếp theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012.
- Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của CBCNV trong Công ty là **265.400 cổ phiếu**, chiếm 0,51% vốn điều lệ. Trong danh sách có 197 CBCNV của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định, số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết làm việc lâu dài của CBCNV với Công ty trong đợt cổ phần hóa doanh nghiệp năm 2013.

## 5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định được căn cứ trên:

- i) Phương pháp giá trị sổ sách (Book Value)
- ii) Phương pháp so sánh theo chỉ số P/E (Price/Earnings – Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần) với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết
- iii) Phương pháp so sánh theo chỉ số P/B (Price/Book Value – Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách) với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết
- iv) Phương pháp bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định trong 20 phiên giao dịch cuối cùng tại sàn giao dịch UpCom.

### 5.1. Giá trị sổ sách của Công ty

Giá trị sổ sách của Công ty được xác định như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (không bao gồm Lợi ích cổ đông thiểu số và Nguồn kinh phí và Quỹ khác)}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 và 2017 của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định thì số liệu để tính giá trị sổ sách như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Tổng vốn chủ sở hữu (đồng)	554.144.654.519	773.029.270.374	833.010.251.664
Lợi ích cổ đông thiểu số (đồng)	-	-	-
Nguồn kinh phí và Quỹ khác (đồng)	-	30.345.257.650	26.541.935.038
SLCP lưu hành cuối kỳ (cổ phiếu)	41.918.208	52.378.929	52.378.915
<b>Giá trị sổ sách DBD (đồng/cp)</b>	<b>13.220</b>	<b>14.179</b>	<b>15.397</b>

### 5.2. Phương pháp so sánh theo chỉ số P/E

Giá niêm yết dự kiến được xác định căn cứ vào lợi nhuận thuần của chủ sở hữu trên mỗi cổ phần của Bidiphar (EPS) và số nhân thu nhập tham chiếu của ngành hoặc của nhóm đơn vị tương đương trong ngành (P/E) tại thời điểm xác định.

$$\text{Giá trị hợp lý trên cổ phần theo số nhân thu nhập} = \text{EPS} \times \text{P/E tham chiếu}$$

Chỉ số P/E được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/E với thị giá cổ phiếu tại thời điểm

31/12/2017, lợi nhuận thuần của chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu được lấy theo số liệu báo cáo kiểm toán hợp nhất của công ty tương ứng tại thời điểm 31/12/2017.

Tên Công ty	Mã chứng khoán	Thị giá tại 31/12/2017 (đồng)	Lợi nhuận mỗi cổ phiếu tại 31/12/2017 (đồng)	P/E
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)/(4)
Công ty cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	IMP	66.000	2.605	25,34
Công ty cổ phần TRAPHACO	TRA	117.000	5.351	21,87
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	DMC	115.600	5.980	19,33
Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	DHG	115.000	4.367	26,33
Giá trị P/E tham chiếu				23,22
<b>Giá cổ phiếu DBD = Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu x P/E tham chiếu = 2.825 x 23,22 = 65.587</b>				

Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu của Bidiphar tại 31/12/2017 là 2.825 đồng/cổ phiếu. Do đó, giá trị cổ phiếu của Công ty theo phương pháp so sánh P/E là 65.587 đồng/cổ phiếu.

### 5.3. Phương pháp so sánh theo chỉ số P/B

Giá niêm yết dự kiến được xác định căn cứ giá trị sổ sách của Bidiphar tại thời điểm gần nhất (BV) và số nhân sổ sách tham chiếu của ngành hoặc của nhóm đơn vị tương đương trong ngành (P/B). P/B bình quân được tính dựa trên mức giá đóng cửa và giá trị sổ sách của các công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại thời điểm xác định.

#### **Giá trị hợp lý trên cổ phần theo số nhân sổ sách = BV x P/B tham chiếu**

Chỉ số P/B được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/B với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2017, giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu được lấy theo số liệu báo cáo kiểm toán hợp nhất của công ty tương ứng tại thời điểm 31/12/2017.



Tên Công ty	Mã chứng khoán	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại 31/12/2017	Giá trị tại 31/12/2017 (triệu đồng)			Thị giá tại 31/12/2017 (đồng)	Giá trị sổ sách tại 31/12/2017 (đồng)	P/B
			Vốn CSH	Lợi ích cổ đông thiểu số	Nguồn kinh phí và quỹ khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = [(4) – (5) – (6)]/3	(8)/(7)
Công ty cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	IMP	42.967.851	1.395.314	-	-	66.000	32.473	2,03
Công ty cổ phần TRAPHACO	TRA	41.450.540	1.118.848	87.990	1.356	117.000	24.837	4,71
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	DMC	34.727.465	952.806	-	-	115.600	27.437	4,21
Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	DHG	130.746.071	2.759.094	33.546	-	115.000	20.846	5,52
Giá trị P/B tham chiếu								4,12
<b>Giá cổ phiếu DBD = Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần x P/B tham chiếu = 15.397 x 4,12 = 63.409</b>								

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Bidiphar tại 31/12/2017 là 15.397 đồng/cổ phiếu. Do đó, giá trị cổ phiếu của Công ty theo phương pháp so sánh P/B là 63.409 đồng.

#### 5.4. Phương pháp bình quân 20 phiên giao dịch tại UpCom

Giá theo phương pháp bình quân 20 phiên giao dịch gần nhất trên UpCom của DBD từ ngày 18/04/2018 đến ngày 18/05/2018 là 47.585 đồng/cổ phiếu, cụ thể:

STT	Ngày	Giá bình quân (đồng/cp)	STT	Ngày	Giá bình quân (đồng/cp)
1	18/04/2018	48.800	11	07/05/2018	47.000
2	19/04/2018	48.300	12	08/05/2018	47.000
3	20/04/2018	48.600	13	09/05/2018	47.500
4	23/04/2018	47.900	14	10/05/2018	47.500

STT	Ngày	Giá bình quân (đồng/cp)	STT	Ngày	Giá bình quân (đồng/cp)
5	24/04/2018	47.700	15	11/05/2018	47.900
6	26/04/2018	45.900	16	14/05/2018	48.000
7	27/04/2018	47.000	17	15/05/2018	47.800
8	02/05/2018	47.300	18	16/05/2018	47.600
9	03/05/2018	47.200	19	17/05/2018	47.800
10	04/05/2018	47.000	20	18/05/2018	47.900
<b>Giá bình quân 20 phiên giao dịch</b>			<b>47.585 đồng/cổ phiếu</b>		

### Giá tham khảo theo các phương pháp

Phương pháp định giá	Giá trị (đồng/cp)
Phương pháp giá trị sổ sách	<b>15.397</b>
Phương pháp so sánh P/E	<b>65.587</b>
Phương pháp so sánh P/B	<b>63.409</b>
Phương pháp bình quân 20 phiên giao dịch tại UpCom	<b>47.585</b>

Công ty thực hiện xác định giá cổ phiếu DBD theo các phương pháp trên để nhà đầu tư có thể tham khảo. Tuy nhiên, HĐQT CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định quyết định sẽ lấy giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu DBD tại SGDCK TP. Hồ Chí Minh bằng giá đóng cửa bình quân của 20 phiên giao dịch cuối cùng tại Sàn giao dịch UpCom căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 763/NQ-HĐQT ngày 21/05/2018 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định V/v thông qua giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên tại SGDCK HCM.

### 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau: (i) không hạn chế tỷ lệ (trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác), (ii) trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì theo điều ước quốc tế, (iii) nếu hoạt động của công ty thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó, (iv) nếu công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%, (v) công ty hoạt động đa ngành nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp

nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác. **Nghị định 60 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2015.** Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

Ở thời điểm hiện tại, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định là 0% căn cứ theo Công văn số 3561/UBCK-PTTT ngày 01/06/2017 của UBCKNN V/v tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Bidiphar. Tuy nhiên, tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2018, các cổ đông Công ty đã đồng ý và thông qua việc nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại Bidiphar là 49% và ủy quyền cho HĐQT làm việc với UBCKNN và các Bộ ngành liên quan để xin phép thực hiện căn cứ theo nội dung Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018 số 623/NQ-ĐHCĐ 2018 ngày 14/04/2018 của Công ty. Do đó, trong thời gian tới, HĐQT Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan Nhà nước có liên quan để thực hiện việc nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài lên 49% và sẽ thông báo cho quý cổ đông, nhà đầu tư sau khi hoàn thiện công việc này.

## 7. Các loại thuế có liên quan

### 7.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 5% và 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Hiện tại, Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định với mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế (năm 2015 là 22%).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 7.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Theo thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, thì:

- **Thu nhập tính thuế:** Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Giá bán chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chứng khoán tại thời điểm bán. Giá thị trường tại thời điểm bán là giá khớp lệnh do Sở giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế tại Sở giao dịch chứng khoán.

- Đối với chứng khoán của các công ty không thuộc các trường hợp trên thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng tại thời điểm bán.
- Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá bán chuyển hoặc giá chuyển nhượng trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

Giá mua chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán.
- Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán thì giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán.
- Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua là giá trúng đấu giá.
- Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên: Giá mua chứng khoán là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua.
- Trường hợp trên hợp đồng không quy định giá mua hoặc giá mua cao hơn giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá mua.

Các chi phí hợp lệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định, bao gồm:

- Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng;
- Các khoản phí và lệ phí người chuyển nhượng nộp ngân sách nhà nước khi làm thủ tục chuyển nhượng;
- Phí lưu ký chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chứng từ thu của công ty chứng khoán;
- Phí uỷ thác chứng khoán căn cứ vào chứng từ thu của đơn vị nhận uỷ thác;
- Các khoản chi phí khác có chứng từ chứng minh.

➤ **Thuế và cách tính thuế:**

*Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cá nhân áp dụng thuế suất 20% đối với chuyển nhượng chứng khoán phải đáp ứng các yêu cầu sau:*

- Đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Thời hạn đăng ký được thực hiện như sau:
  - Năm 2009: cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký từ đầu năm, thời hạn đăng ký chậm nhất là ngày 31/3/2009.
  - Từ năm 2010 trở đi cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký chậm nhất là ngày 31/12 của năm trước.
- Thực hiện đăng ký thuế và có mã số thuế.
- Thực hiện chế độ kế toán hoá đơn chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định.
- Việc áp dụng thuế suất 20% phải tính trên tổng các loại chứng khoán đã giao dịch trong năm dương lịch.
- Các tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

*Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.*

Các tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%

#### ➤ Thời điểm xác định thu nhập tính thuế

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán là thời điểm Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp không có hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

## PHẦN 6. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

**Trụ sở chính** : Tầng 10 – 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669

Website : [www.bsc.com.vn](http://www.bsc.com.vn)

**Chi nhánh** : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam

**Địa chỉ** : Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 57-69F Đồng Khởi, Q.1, Tp. HCM

Điện thoại : (08) 3910 0751 Fax: (08) 3910 0750

Website : [www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)



## PHẦN 7. PHỤ LỤC

1. Bản sao y Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty năm 2018.
3. Quy chế về quản trị Công ty năm 2018.
4. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, 2017, 2018.
5. Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016.
6. Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017.
7. Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất Quý I năm 2018.
8. Các tài liệu liên quan khác:
  - Công văn số 3561/UBCK-PTTT ngày 01/06/2017 của UBCKNN V/v tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Bidiphar.
  - Công văn số 1071/CV-CTCPD ngày 30/11/2017 V/v giải trình việc thông qua niêm yết chứng khoán tại SGDCK HCM năm 2017 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định.
  - Công văn giải trình BCTC kiểm toán 2015, 2016, 06T2017, 09T2017, 2017.
  - Nghị quyết HĐQT số 763/NQ-HĐQT ngày 21/05/2018 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định V/v thông qua giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên tại SGDCK HCM.
  - Nghị quyết HĐQT số 688/NQ-HĐQT ngày 03/05/2018 V/v bổ sung một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2018 và năm 2019 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định.
  - Quyết định số 2115/QĐ-BQL ngày 21/10/2016 của Ban Quản lý Khu Kinh tế UBND tỉnh Bình Định V/v chấp thuận dự án đầu tư của Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao;
  - Nghị quyết HĐQT số 573/NQ-HĐQT ngày 05/04/2018 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định V/v điều chỉnh nội dung đầu tư Nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Công nghệ cao tại Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao;
  - Quyết định số 2354/QĐ-BQL ngày 21/11/2016 của Ban Quản lý Khu Kinh tế UBND tỉnh Bình Định V/v chấp thuận dự án đầu tư của Công ty TNHH Bidiphar Non – Betalactam;
  - Quyết định số 2353/QĐ-BQL ngày 21/11/2016 của Ban Quản lý Khu Kinh tế UBND tỉnh Bình Định V/v chấp thuận dự án đầu tư của Công ty TNHH Bidiphar Betalactam;
  - Nghị quyết HĐQT số 619/NQ-HĐQT ngày 13/04/2018 của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định V/v điều chỉnh nội dung đầu tư Nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Betalactam tại Công ty TNHH Bidiphar Betalactam.

## PHẦN 8. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

STT	TÀI LIỆU
1	Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014
2	Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006
3	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008
4	Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
5	Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
6	Luật chứng khoán số 70/2006/QH11; Luật chứng khoán số 62/2010/QH12
7	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán
8	Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.
9	Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
10	Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
11	Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016
12	Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 05 năm 2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược
13	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
14	Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11 tháng 05 năm 2016 quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập
15	Thông tư số 34/2013/TT-BCT công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

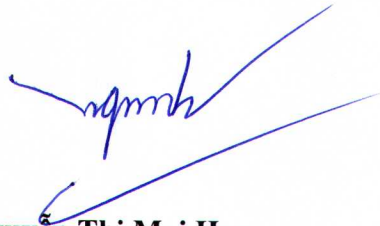
Bình Định, ngày 21 tháng 05 năm 2018

**Đại diện tổ chức đăng ký niêm yết**  
**Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định**



**Nguyễn Văn Quá**

**Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Quang Việt**

**Trưởng Ban Kiểm soát**

**Đại diện tổ chức tư vấn**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**



**Ngô Thị Phong Lan**

**Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN TP. HCM**